

CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-SGDVN ngày ... của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 0627/2024-BM/VPHĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 04 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH**

1. Tên tổ chức: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

- Mã chứng khoán/Mã thành viên: BMI
- Địa chỉ: Số 26 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên hệ: 028 3829 4180 Fax: 028 3829 4185
- E-mail: marketing@baominh.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Tổng Công ty cổ phần Bảo Minh công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2023.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 19/04/2024 tại đường dẫn <http://www.baominh.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VPTSC, VPHĐQT,

Đại diện tổ chức

Người được UQ CBTT



Nguyễn Minh Phương

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2023.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN 2023**



26 Tôn Thất Đạm,
Phường Nguyễn Thái
Bình, Quận 1, TP.HCM



marketing@baominh.com.vn



(028) 38294180



www.baominh.com.vn

MỤC LỤC

01



THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
5. Định hướng phát triển
6. Các rủi ro

02



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG 2023

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính.
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

03



BÁO CÁO & ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai
5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

04



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

05



QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Ban Kiểm soát
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

06



BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2023

1. Ý kiến kiểm toán
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

BẢO HIỂM BẢO MINH
AN TÂM TRÊN TRÊN MỖI CUNG ĐƯỜNG!



01

T HÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
4. Định hướng phát triển
5. Các rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch : Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

Giấy phép thành lập và hoạt động : Giấy phép thành lập và hoạt động số 27GP/KDBH ngày 08 tháng 09 năm 2004 do Bộ Tài Chính ban hành. Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 27/GPĐC14/KDBH do Bộ Tài Chính ký ngày 19 tháng 02 năm 2024 cho phép tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty thành 1.205.854.080.000 đồng Việt Nam

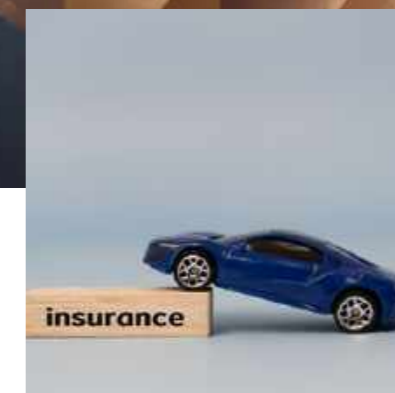
Vốn điều lệ : 1.205.854.080.000 đồng

Địa chỉ : 26 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Số điện thoại : (028) 38294180

Website : www.baominh.com.vn

Mã cổ phiếu : BMI



QUÁ TRÌNH

hình thành và phát triển

NĂM 1994

Bảo Minh được thành lập ngày 28/11/1994, khởi đầu cho sự hình thành thị trường bảo hiểm Việt Nam.

NĂM 1999

Được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân Chương Lao động Hạng Ba nhân dịp kỷ niệm 5 năm thành lập.

NĂM 2004

Bảo Minh chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần

NĂM 2006

Cổ phiếu Bảo Minh chính thức niêm yết tại thị trường giao dịch Chứng khoán Hà Nội, mã chứng khoán: BMI.

NĂM 2007

Hoàn tất đợt tăng vốn điều lệ từ 434 tỷ đồng lên 755 tỷ đồng, thành công trong việc mời gọi nhà đầu tư chiến lược nước ngoài là Tập đoàn AXA (Pháp).

NĂM 2008

Chuyển niêm yết cổ phiếu BMI vào Sở Giao dịch Chứng Khoán TP.HCM

NĂM 2009

Triển khai phần mềm quản lý nghiệp vụ bảo hiểm (Thuộc dự án BEST).

Được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động Hạng Nhất nhân dịp Kỷ niệm 15 năm thành lập.

NĂM 2015

Bảo Minh tăng vốn góp chủ sở hữu lên 830,5 tỷ đồng.

NĂM 2016

Được cấp chứng nhận năng lực tài chính mức B++ (Tốt) từ tổ chức A.M Best. Tăng vốn góp chủ sở hữu lên 913,5 tỷ đồng

NĂM 2021

Tăng vốn góp chủ sở hữu lên 1.096 tỷ đồng

NĂM 2023

Tăng vốn góp chủ sở hữu lên 1.206 tỷ đồng



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh chính

- 01** Kinh doanh Bảo hiểm phi nhân thọ
- 02** Kinh doanh tái bảo hiểm
- 03** Giám định tổn thất
- 04** Các hoạt động đầu tư tài chính
- 05** Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Nhóm nghiệp vụ Bảo hiểm

BẢO HIỂM XE CƠ GIỚI

Bảo Minh bảo hiểm toàn diện xe ô tô bao gồm các sản phẩm: Bảo hiểm vật chất ô tô; Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới; Bảo hiểm hàng hoá trên xe.

BẢO HIỂM CON NGƯỜI

Bảo Minh giúp phòng tránh những rủi ro bất ngờ xảy ra trong tương lai, hỗ trợ con người về mặt tài chính cho những trường hợp rủi ro nguy hiểm như ốm đau, nằm viện.

BẢO HIỂM TÀI SẢN

Bảo Minh cung cấp giải pháp toàn diện về Bảo hiểm tài sản, gồm: Bảo hiểm cháy và các rủi ro đặc biệt, Bảo hiểm mọi rủi ro và Bảo hiểm gián đoạn kinh doanh.

BẢO HIỂM HÀNG HẢI

Bảo Minh cung cấp các giải pháp bảo hiểm hàng hải linh hoạt, phù hợp. Các sản phẩm bảo gồm: Bảo hiểm thân tàu cá, Bảo hiểm thân tàu sông, ven biển, Bảo hiểm thân tàu biển, Bảo hiểm hàng hoá.

BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

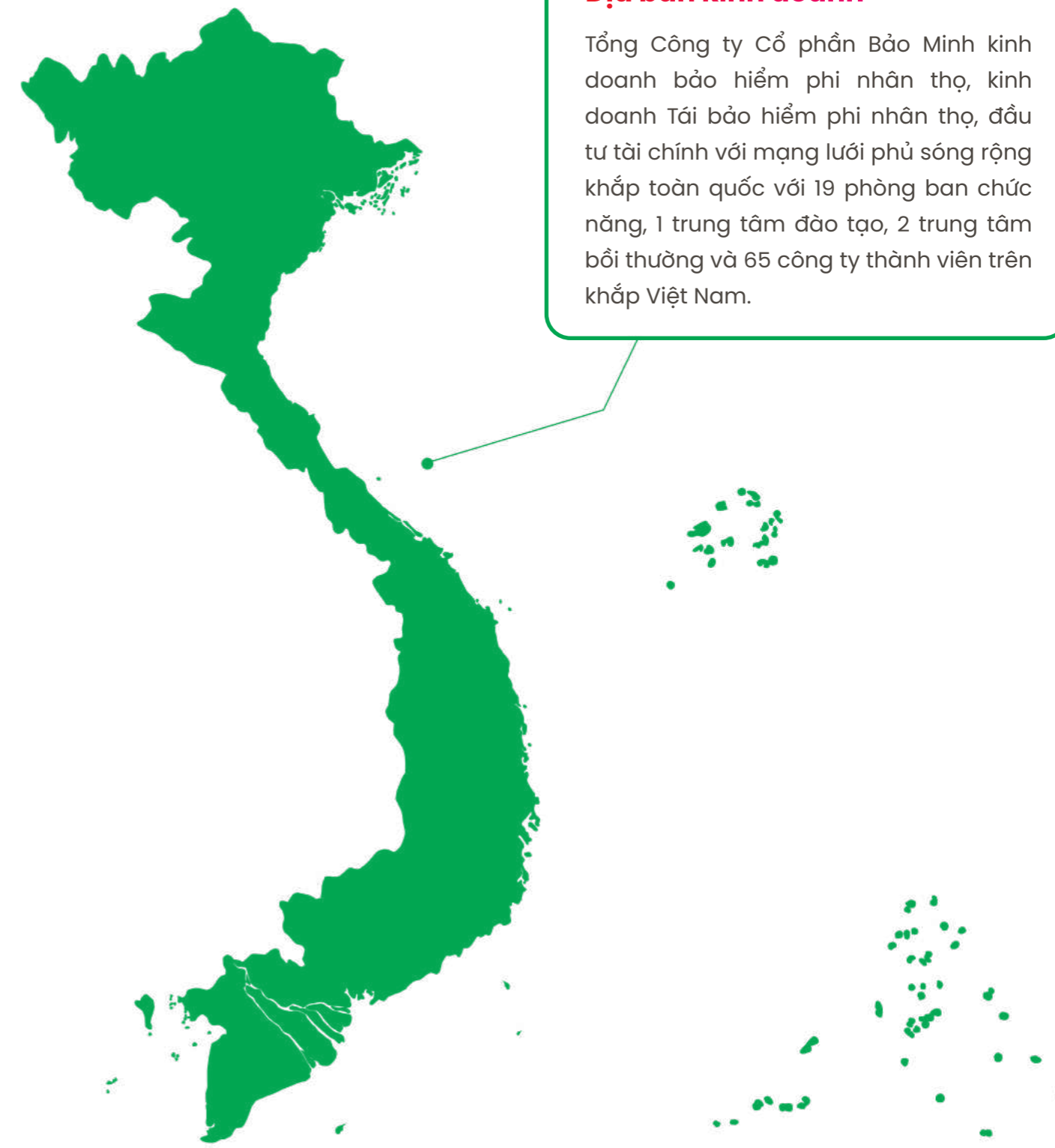
Bảo Minh cung cấp các sản phẩm bảo hiểm thuộc nhóm Bảo hiểm hàng không. Các sản phẩm bao gồm: Bảo hiểm hành khách đi trên máy bay, Bảo hiểm thân máy bay.

BẢO HIỂM NÔNG NGHIỆP

Bảo Minh cung cấp các sản phẩm bảo hiểm thuộc Bảo hiểm nông nghiệp, bao gồm: Bảo hiểm cây lúa do thiên tai, Bảo hiểm vật nuôi, Bảo hiểm cây trồng, Bảo hiểm thuỷ sản.

Địa bàn kinh doanh

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, kinh doanh Tái bảo hiểm phi nhân thọ, đầu tư tài chính với mạng lưới phủ sóng rộng khắp toàn quốc với 19 phòng ban chức năng, 1 trung tâm đào tạo, 2 trung tâm bồi thường và 65 công ty thành viên trên khắp Việt Nam.





THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Cơ cấu bộ máy quản lý

Đại Hội Đồng Cổ Đông (ĐHĐCĐ)

ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Bảo Minh, gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, ĐHĐCĐ bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản từ các Cổ đông.

Hội Đồng Quản Trị (HĐQT)

HĐQT là cơ quan quản lý Bảo Minh, có toàn quyền nhân danh Bảo Minh để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Bảo Minh không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

Ban Kiểm Soát (BKS)

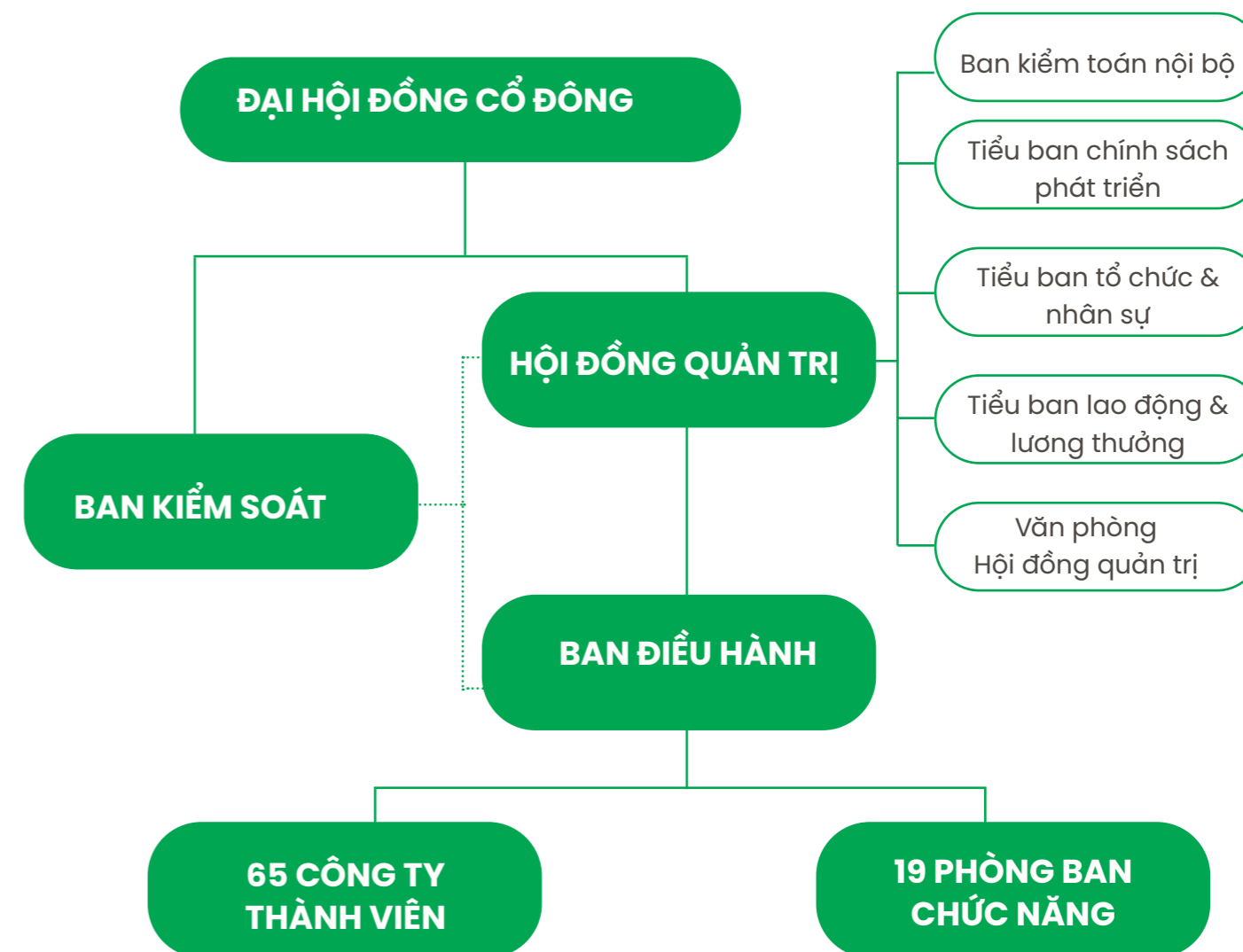
Ban kiểm soát là cơ quan do ĐHĐCĐ bầu ra, thay mặt cổ đông để kiểm soát một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản trị và điều hành của Bảo Minh.

Tổng Giám Đốc (TGD)

Tổng Giám đốc của Bảo Minh là người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty, là người được HĐQT bổ nhiệm từ một (01) thành viên HĐQT hoặc một người khác. Tổng Giám đốc là người trực tiếp điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Bảo Minh theo những thông lệ quản lý tốt nhất; có các quyền hạn và nhiệm vụ được nêu trong Điều lệ của Tổng Công ty.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



CÔNG TY CON - CÔNG TY LIÊN KẾT : Không có

CÔNG TY LIÊN DOANH

Công ty liên doanh - Công ty Bảo hiểm Liên hiệp (UIC)

Địa chỉ: Số 2 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội

Hoạt động chính của UIC: Hoạt động chính của UIC là kinh doanh các hoạt động Bảo hiểm phi nhân thọ, thực hiện hoạt động nhận, nhượng tái bảo hiểm; kinh doanh, thực hiện các nhiệm vụ liên quan gồm: Giám định, điều tra, tính toán phân bổ tổn thất, đại lý giám định, xét giải quyết bồi thường từ bên thứ ba.

Vốn điều lệ: 300.000.000.000 đồng

Tổng Công ty đã góp vốn: 145.350.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của Bảo Minh tại UIC: 48,45%



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Bảo Minh mong muốn xây dựng vị thế là doanh nghiệp tiên phong ở Việt Nam trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, đẩy mạnh phát triển một cách toàn diện và hiệu quả. Chúng tôi mở rộng mạng lưới hoạt động để luôn có khả năng đáp ứng dịch vụ bảo hiểm ưu việt, nhằm đem lại sự hài lòng cao nhất cho khách hàng. Khách hàng chính là trọng tâm trong mọi chiến lược phát triển của chúng tôi, và sự hợp tác với cổ đông, cổ đông chiến lược sẽ là lực đẩy mạnh mẽ cho sự tiến bộ. Chúng tôi tập trung vào việc chuẩn hóa và chuyên nghiệp hóa mô hình kinh doanh, với quản lý chặt chẽ và hành động đồng bộ. Đầu tư mở rộng kinh doanh ở các khu vực kinh tế trọng điểm cũng được chú trọng, để nâng cao vị thế của Bảo Minh trên thị trường bảo hiểm.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Bảo Minh chú trọng đầu tư vào công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả quản lý và điều hành doanh nghiệp, coi công nghệ và chất lượng dịch vụ như một lợi ích cạnh tranh chính. Điều này được thể hiện rõ ràng nhất qua việc cải thiện các dịch vụ chăm sóc và hỗ trợ khách hàng

Chúng tôi tập trung vào việc xây dựng và phát triển đội ngũ nhân sự của Bảo Minh, nhấn mạnh vào đạo đức, chuyên môn và sự tận tâm với công việc, để đảm bảo họ sẵn sàng cho môi trường kinh tế hội nhập.

Chúng tôi phát triển văn hóa doanh nghiệp Bảo Minh dựa trên các giá trị cốt lõi: đoàn kết nội bộ, chuyên nghiệp, tác phong làm việc hiện đại và dịch vụ khách hàng chu đáo, tận tình, tuân thủ theo các tiêu chuẩn thống nhất của Bảo Minh

Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh không chỉ chú tâm vào sự phát triển và tăng trưởng kinh doanh mà còn đề cao việc thực hiện trách nhiệm với xã hội và cộng đồng. Hoạt động trong ngành bảo hiểm phi nhân thọ, chúng tôi ưu tiên sự an toàn và bảo vệ tài sản cũng như sức khỏe của khách hàng, đồng thời cam kết mang đến dịch vụ bảo hiểm ưu việt. Ngoài ra, Bảo Minh cũng tích cực trong việc tham gia các hoạt động xã hội và bảo vệ môi trường, bằng cách tích cực đầu tư tổ chức và tham gia các chương trình hỗ trợ cộng đồng, giúp đỡ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Bên cạnh đó, Công ty còn chăm lo cho đời sống vật chất, tinh thần của nhân viên và cộng đồng, bằng việc đảm bảo môi trường làm việc chất lượng và triển khai các hoạt động hỗ trợ xã hội, nhằm đóng góp vào việc kiến tạo một xã hội ngày càng phát triển và tốt đẹp hơn.



CÁC RỦI RO



Chiến lược quản trị rủi ro

Tại Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh, quản trị rủi ro luôn được quan tâm và thực hiện đồng bộ từ cấp lãnh đạo đến các cấp quản lý trong từng phòng ban. Cụ thể, Hội đồng quản trị đảm nhiệm việc ban hành các quy chế liên quan đến các hoạt động của Tổng Công ty và quyết định chức năng nhiệm vụ của từng phòng ban và cá nhân liên quan đến việc kiểm soát rủi ro. Ban điều hành có trách nhiệm giám sát và đảm bảo việc thực hiện quản trị rủi ro đúng quy trình và quy chế đã được ban hành. Các cán bộ quản lý trong các phòng ban thực hiện việc phân tích, báo cáo và tuân thủ các quy định về quản trị rủi ro.

Rủi ro đặc thù ngành – rủi ro bảo hiểm

Bảo hiểm là ngành kinh doanh dựa trên rủi ro của tính mạng, sức khỏe con người, tài sản và trách nhiệm dân sự. Khi sự kiện bảo hiểm xảy ra (rủi ro) thì doanh nghiệp bảo hiểm có nghĩa vụ chi trả bồi thường. Vì vậy rủi ro đặc thù ngành xảy ra khi các sự kiện này phát sinh ngoài các giả định thiết kế sản phẩm dẫn đến chi phí bồi thường biến động mạnh so với dự tính. Năm 2023 tuy tác động của dịch bệnh Covid 19 đã giảm đi nhưng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân vẫn được duy trì, điều này có thể ảnh hưởng đến tỷ lệ chi trả của doanh nghiệp bảo hiểm, đặc biệt là bảo hiểm phi nhân thọ (liên quan đến sức khỏe con người).

Nhằm hạn chế rủi ro bảo hiểm – mang tính đặc thù, Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh đã có những biện pháp thiết kế sản phẩm, khai thác, giám định và chi trả bồi thường phù hợp với điều kiện và nguồn lực của doanh nghiệp.

Ngoài ra, Tổng Công ty còn tham gia các hợp đồng nhượng tái bảo hiểm nhằm chuyển giao rủi ro cho đơn vị bảo hiểm thứ ba.



Rủi ro kinh tế

Kinh doanh bảo hiểm đặc biệt là bảo hiểm phi nhân thọ có mối quan hệ chặt chẽ với tăng trưởng kinh tế. Bởi sự bất ổn và biến động của kinh tế vĩ mô có thể ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu về bảo hiểm. Trong bối cảnh kinh tế suy thoái, người tiêu dùng và doanh nghiệp có thể cắt giảm chi phí, bao gồm cả chi phí cho bảo hiểm, dẫn đến sự sụt giảm doanh thu cho các công ty bảo hiểm. Ngoài ra, việc nền kinh tế gặp nhiều bất ổn cũng sẽ tạo ra những thách thức mới và phát sinh rủi ro cho các công ty bảo hiểm.

Trong năm 2023, theo Tổng cục thống kê tốc độ tăng trưởng sản phẩm quốc nội – GDP của nước ta đạt 5,05% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, trong bối cảnh thế giới đang có những bất ổn kinh tế do việc lạm phát tăng cao, chính sách tiền tệ thắt chặt ở nhiều quốc gia và tình hình chính trị phức tạp đã khiến cho rủi ro về kinh tế toàn cầu và Việt Nam tăng cao.

Đây được đánh giá là rủi ro hệ thống, vì vậy Bảo Minh luôn cố gắng phát triển vai trò của nguồn nhân lực trong Công ty, để đối phó khi những rủi ro này xảy ra.



Rủi ro cạnh tranh

Hiện nay, thị trường bảo hiểm tại Việt Nam chứng kiến sự cạnh tranh khốc liệt với 32 công ty bảo hiểm phi nhân thọ và 19 công ty bảo hiểm nhân thọ, theo dữ liệu từ Cục quản lý, giám sát Bảo hiểm thuộc Bộ Tài chính. Sự chuyển đổi số mạnh mẽ đã khuyến khích các doanh nghiệp trong ngành tìm kiếm các giải pháp công nghệ đột phá để làm phong phú thêm sản phẩm và hiện đại hóa quy trình tư vấn và phân phối.

Sự cạnh tranh gay gắt đã khiến tốc độ tăng trưởng của những công ty hàng đầu trở nên chậm lại, dẫn đến việc họ tập trung cải thiện hiệu quả kinh doanh và nâng cao chất lượng sản phẩm/dịch vụ. Điều này, phần nào cho phép các doanh nghiệp nhỏ hơn giành được thị phần, mặc dù ngành bảo hiểm vẫn đang phát triển về quy mô.

Trong bối cảnh này, Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh luôn đặt chất lượng sản phẩm và dịch vụ lên hàng đầu, không ngừng nỗ lực để đáp ứng sự hài lòng của khách hàng và mở rộng mạng lưới phân phối, giúp khách hàng dễ dàng tiếp cận với bảo hiểm. Công ty nhận được phản hồi tích cực từ khách hàng về mức phí bảo hiểm hợp lý, so với các công ty bảo hiểm phi nhân thọ khác trong ngành.

Rủi ro thiên tai, dịch bệnh

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, thiên tai và dịch bệnh thường xuyên xảy ra và mang tính chất toàn hệ thống, Bảo Minh phải đối mặt với những rủi ro này một cách gián tiếp, khi những rủi ro ngoài dự kiến này xảy ra dẫn đến tỷ lệ bồi thường của Tổng Công ty tăng lên từ đó giảm đi khả năng sinh lời.

Lĩnh vực bảo hiểm yêu cầu các doanh nghiệp phải dự đoán rủi ro xảy ra bằng các mô hình định lượng. Vì vậy, Bảo Minh luôn nghiên cứu, linh hoạt trong xác định mức phí bảo hiểm và tái bảo hiểm, đặc biệt trong lĩnh vực bảo hiểm tài sản.





CÁC RỦI RO (tiếp tục)

Rủi ro trực lợi bảo hiểm

Khi ngành bảo hiểm ngày càng phát triển, việc trực lợi bảo hiểm, qua các hành vi gian lận và lừa dối để chiếm đoạt tiền bồi thường, cũng trở nên phức tạp hơn. Các phương thức trực lợi thường thấy bao gồm việc mua bảo hiểm sau khi sự cố đã xảy ra hoặc cố tình gây ra thiệt hại để yêu cầu bồi thường, điều này diễn ra trong nhiều lĩnh vực như bảo hiểm hàng hóa, bảo hiểm tàu thủy và bảo hiểm xe cơ giới.

Để giảm thiểu rủi ro này, Bảo Minh không ngừng tăng cường năng lực chuyên môn và quản lý, đồng thời đầu tư vào việc phát triển công nghệ thông tin. Công ty chú trọng giám sát cán bộ, đại lý và môi giới bảo hiểm, cũng như áp dụng các biện pháp đánh giá rủi ro kỹ lưỡng trước khi ký kết hợp đồng và trong quá trình giám định tổn thất. Hiện nay, Bảo Minh cũng đã triển khai phương thức thanh toán điện tử để giảm bớt giao dịch tiền mặt và sử dụng hệ thống cảnh báo sớm rủi ro (EWS) nhằm phát hiện và ngăn chặn kịp thời các trường hợp trực lợi bảo hiểm đại lý và môi giới bảo hiểm, cũng như áp dụng các biện pháp đánh giá rủi ro kỹ lưỡng trước khi ký kết hợp đồng và trong quá trình giám định tổn thất.



Rủi ro pháp luật

Giai đoạn vừa qua, về công tác hoàn thiện cơ chế, chính sách, Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 được ban hành và bổ sung một số quy định nhằm tăng cường chất lượng của các kênh đại lý đặc biệt là các kênh đại lý tổ chức. Theo đó, ngoài các điều kiện như trước đây, đại lý tổ chức phải đáp ứng các điều kiện về nhân sự và các điều kiện khác theo quy định của Chính phủ.

Bên cạnh đó, các văn bản hướng dẫn Luật Kinh doanh bảo hiểm như Nghị định 46/2023/NĐ-CP, Thông tư 67/2023/TT-BTC, đã giúp cơ sở pháp lý của thị trường bảo hiểm cơ bản được hoàn thiện và phù hợp với tình hình thị trường bảo hiểm trong thời gian vừa qua, cũng như đảm bảo phát triển ổn định trong thời gian tới.

Để phòng ngừa rủi ro pháp luật liên quan đến các quy định mới về kinh doanh bảo hiểm, Tổng Công ty thường xuyên cập nhật các thay đổi trong luật pháp và chính sách liên quan đến kinh doanh bảo hiểm; tổ chức các khóa đào tạo và tập huấn cho nhân viên và các đại lý tổ chức để đảm bảo họ hiểu rõ và tuân thủ đầy đủ các quy định mới; thực hiện các cuộc kiểm tra nội bộ định kỳ và kiểm toán độc lập để đảm bảo rằng mọi hoạt động của Tổng Công ty đều tuân thủ pháp luật.

BẢO HIỂM BẢO MINH

BẢO HIỂM TOÀN DIỆN, CUỘC SỐNG YÊN BÌNH!

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG 2023

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính.
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng Công ty



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

ĐVT: triệu đồng

Tổng Doanh thu	Năm 2022		Năm 2023		%Thay đổi 2023/2022
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	4.510.395	93,16%	4.720.462	91,60%	4,66%
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	12.829	0,26%	13.423	0,26%	4,63%
Doanh thu hoạt động tài chính	311.079	6,43%	412.096	8,00%	32,47%
Thu nhập khác	7.205	0,15%	7.029	0,14%	-2,44%
Tổng cộng	4.841.509	100,00%	5.153.010	100,00%	6,43%

Trong năm 2023, Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh - một định chế tài chính hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, đã ghi nhận giá trị doanh thu thuần đạt 4.720.462 triệu đồng tăng 4,66% so với cùng kỳ, chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu và đóng góp 91,60% doanh thu.

Năm 2023 được đánh giá là năm khó khăn chưa từng có đối với ngành bảo hiểm. Ngay từ đầu năm, thị trường đã xuất hiện nhiều biến động bất ngờ, tác động tiêu cực đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm. Đặc biệt, trong quý II và đầu quý III/2023, tình hình khai thác doanh thu của các doanh nghiệp bảo hiểm gặp nhiều bất lợi. Tính đến hết tháng 12 năm 2023, doanh thu thị trường bảo hiểm phi nhân thọ đạt 71.065 tỷ đồng, tăng trưởng 3% so với cùng kỳ.

Trong năm vừa qua, tình hình kinh tế vĩ mô gặp nhiều khó khăn khiến cho các thị trường tài chính - tiền tệ trong nửa đầu năm nay không mấy tích cực đã ảnh hưởng đến hiệu suất đầu tư của Bảo Minh. Tuy nhiên, khi bước sang nửa cuối năm doanh thu ở mảng này đã tăng mạnh 32,47% lên 412.096 triệu đồng nhờ vào nhận cổ tức từ các khoản đầu tư tài chính và góp vốn đầu tư vào các đơn vị. Ngoài ra, hoạt động đầu tư bất động sản và thu nhập khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu doanh thu.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Thành viên và cơ cấu của Ban điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Vũ Anh Tuấn	Tổng Giám đốc	4.822	0,004%
2	Ông Phạm Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	26	0,00002%
3	Ông Châu Quang Linh	Phó Tổng Giám đốc	9.662	0,008%
4	Ông Nguyễn Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc	0	0%
5	Ông Vũ Hải Lâm	Phó Tổng Giám đốc	0	0%
6	Ông Nguyễn Thành Nam	Phó Tổng Giám Đốc	0	0%
7	Ông Sái Văn Hưng	Kế toán trưởng	701	0,0006%

Lý lịch Ban điều hành



Ông Vũ Anh Tuấn

Tổng Giám đốc

- Năm sinh: 1979
- Quốc tịch: Việt nam
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản lý kinh tế



Ông Phạm Minh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

- Năm sinh: 1973
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Tài chính - Kế toán



Ông Châu Quang Linh

Phó Tổng Giám đốc

- Năm sinh: 1968
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Vận tải ô tô



Ông Vũ Hải Lâm

Phó Tổng Giám đốc

- Nơi sinh: 1985
- Quốc tịch: Việt nam
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản lý kinh tế



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (TIẾP THEO)

Lý lịch Ban điều hành (tiếp theo)



Ông Nguyễn Ngọc Anh

Phó Tổng Giám đốc

- Năm sinh: 1970
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh



Ông Nguyễn Thành Nam

Phó Tổng Giám đốc

- Năm sinh: 1971
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân thống kê, cử nhân tiếng anh



Ông Sái Văn Hưng

Kế toán trưởng

- Năm sinh: 1980
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế



Tình hình thay đổi nhân sự trong Ban Điều hành

- Ông Nguyễn Ngọc Anh – Phó Tổng Giám đốc: Bổ nhiệm ngày 16/01/2023
- Ông Vũ Hải Lâm – Phó Tổng Giám đốc: Bổ nhiệm ngày 16/01/2023
- Ông Nguyễn Thành Nam – Phó Tổng Giám đốc: Bổ nhiệm ngày 22/09/2023
- Ông Phạm Minh Tuấn – Phó Tổng Giám đốc: Tái bổ nhiệm ngày 26/09/2023
- Ông Nguyễn Thế Năng – Phó Tổng Giám đốc: Miễn nhiệm ngày 14/04/2023

Ngày 22/09/2023, Bảo Minh đã tổ chức Lễ công bố và trao quyết định bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc cho **Ông Nguyễn Thành Nam** & Quyết định bổ nhiệm lại chức vụ Phó Tổng Giám đốc cho **Ông Phạm Minh Tuấn**. Đây là một sự kiện đặc biệt trong năm, diễn ra cùng thời điểm với sự kiện Bảo Minh chính thức giành lại vị trí thứ 3 trên thị trường bảo hiểm Phi Nhân Thọ Việt Nam.



Số lượng cán bộ, nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Năm 2023	
		Số lượng	Tỷ lệ
I Theo trình độ		1.685	100,00%
1	Trên đại học & Đại học	1.179	69,97%
2	Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	385	22,85%
3	Sơ cấp và công nhân kĩ thuật	121	7,18%
II Theo giới tính		1.685	100,00%
1	Nam	800	47,5%
2	Nữ	885	52,5%
III Theo tính chất hợp đồng lao động		1.685	100,00%
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	-	-
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	524	31,10%
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	1.161	68,90%
IV Theo độ tuổi		1.685	100,00%
1	Từ 18 -25	67	3,98%
2	Từ 25 - 36	451	26,77%
3	Từ 36 - 45	663	39,35%
4	Trên 45	504	29,91%
Tổng cộng		1.685	100,00%

Thu nhập bình quân

Năm	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Thu nhập bình quân của người lao động (triệu đồng/tháng/người)	19,47	25,81	27,62	27,83





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (TIẾP THEO)

Chính sách nhân sự

Về đào tạo

Tại Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh, giá trị của con người được đặt lên hàng đầu trong chiến lược phát triển dài hạn, thể hiện qua việc chú trọng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Phát huy những kết quả đã đạt được, Bảo Minh ngày càng đẩy mạnh hình thức đào tạo trực tuyến, giúp tiết kiệm thời gian, chi phí đào tạo song vẫn đảm bảo việc cải thiện kỹ năng và kiến thức chuyên môn cho cán bộ nhân viên.

Về tuyển dụng

Phát triển một đội ngũ cán bộ có chất lượng cao luôn được Bảo Minh coi là ưu tiên hàng đầu. Trong năm qua, Tổng Công ty đã không ngừng nỗ lực trong việc tuyển dụng và thu hút nhân sự có năng lực chuyên môn cao, thái độ làm việc tích cực và khả năng thích nghi nhanh với môi trường làm việc đầy thách thức.

Trong năm 2023, Bảo Minh tiếp tục tăng cường công tác nhân sự trên khắp hệ thống, tiếp tục tìm kiếm và phát hiện nhân sự có năng lực và phẩm chất để lên kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng, nhằm chuẩn bị nguồn cán bộ lãnh đạo kế cận, là bước quan trọng đảm bảo sự kế thừa và phát triển bền vững cho Tổng Công ty, đồng thời đáp ứng được các mục tiêu kinh doanh cả trong ngắn hạn và dài hạn.

Môi trường công việc

Tại Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh, mỗi người lao động làm việc 8 giờ mỗi ngày, từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần. Bảo Minh nghiêm chỉnh thực hiện các quy định của Luật Lao động về thời gian nghỉ ngơi cho nhân viên, bao gồm nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm, nghỉ thai sản, nghỉ phép hàng năm..., đảm bảo mọi cán bộ công nhân viên đều có đủ thời gian để tái tạo sức lao động và chăm sóc cho bản thân cũng như gia đình.

Về phần bảo hiểm và các quyền lợi phúc lợi khác, Tổng Công ty cam kết cung cấp các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, và các phúc lợi khác cho nhân viên theo quy định của pháp luật, bảo vệ quyền lợi và tạo điều kiện làm việc tốt nhất cho nhân viên của mình

Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

- Nhằm khuyến khích động viên cán bộ nhân viên trong Tổng Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc. Bảo Minh đưa ra chính sách lương, thưởng đa dạng, phong phú như:
- Nhằm dịp Lễ Tết, sinh nhật Bảo Minh, sinh nhật CBNV, nghỉ mát, chi mua ĐTDĐ cho cán bộ, khám sức khỏe định kỳ 1 năm/1 lần, mua bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cho toàn bộ CBNV;
- Chế độ BH chăm sóc sức khỏe của người thân;
- Các khoản thưởng tùy theo tình hình kinh doanh của Bảo Minh vào các dịp lễ, tết, sinh nhật của Tổng Công ty, chi ma chay, cưới hỏi của CBNV;





TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Trong năm 2023 không thực hiện khoản đầu tư lớn nào.

Tính đến thời điểm cuối 2023, các khoản đầu tư dài hạn của Tổng Công ty như sau:

ĐVT: triệu đồng

Khoản đầu tư	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 31/12/2023
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		
(Đây là khoản đầu tư vào Công ty Bảo hiểm Liên hiệp (gọi tắt là "UIC"). UIC được thành lập tại Việt Nam theo hình thức công ty liên doanh giữa Tổng Công ty, Công ty Bảo hiểm Sompo Japan (thành lập tại Nhật Bản) và Công ty Bảo hiểm KB với thời hạn hoạt động là 25 năm theo Giấy phép đầu tư số 2003/GP ngày 01 tháng 11 năm 1997 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 09GP/KDBH ngày 29 tháng 4 năm 2010 do Bộ Tài chính cấp. Tổng Công ty sở hữu 48,45% vốn điều lệ.)	145.350	145.350
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	57.615	57.615
Công ty CP Khách sạn Hạ Long	6.000	6.000
Công ty CP Khách sạn Sài Gòn Kim Liên	7.618	7.618
Tổng công ty CP Tái bảo hiểm Quốc Gia Việt Nam (Vinare)	43.218	43.218
Công ty CP Xi măng Hà Tiên	779	779
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-2.860	-3.350
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	52.001	61.000
- Trái phiếu doanh nghiệp	51.701	50.000
- Chứng chỉ tiền gửi	-	11.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	300	-
Tổng cộng	252.106	260.615

đơn vị: triệu đồng

Tình hình tài chính của Công ty liên doanh

STT	Chỉ tiêu	TH 2022	TH 2023	%2023/2022
1	Tổng tài sản	2.146.002	2.180.787	101,62%
2	Doanh thu thuần	421.749	465.686	110,42%
4	Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh BH	199.572	233.305	116,90%
5	Lợi nhuận gộp hoạt động đầu tư tài chính	70.978	92.997	131,02%
6	Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	168.737	217.808	129,08%
7	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN	134.994	174.420	129,21%





Việt Nam đối mặt với nhiều thách thức từ các yếu tố kinh tế và chính trị quốc tế trong năm 2023, làm ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng, giá cả, an ninh năng lượng và lương thực. Theo Báo cáo mới nhất từ Tổng cục Thống kê cho biết, GDP quý 4 năm 2023 tăng 6,72% so với cùng kỳ năm trước, và tăng trưởng GDP cả năm là 5,05%, mặc dù không đạt như kỳ vọng nhưng vẫn ở mức cao so với các nước trong khu vực, với mức tăng trưởng bình quân từ năm 2010 đến 2023 là gần 6%.

Trong năm 2023, Bảo Minh cũng gặp ảnh hưởng tiêu cực với tổng giá trị tài sản giảm nhẹ 0,46%, chủ yếu do giảm dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm. Tuy nhiên, tổng doanh thu thuần trong năm tăng 6,43%, đạt 5.153.010 triệu đồng, nhờ vào thu nhập tăng từ hoạt động tài chính và thu nhận cổ tức từ các khoản đầu tư. Dù hoạt động kinh doanh bảo hiểm ghi nhận giảm lợi nhuận gộp 6,26% do chi phí bồi thường tăng, nhưng hoạt động đầu tư tài chính lại ghi nhận tăng trưởng ấn tượng 51,00% so với năm trước.

Kết thúc năm, Bảo Minh đã đạt lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế lần lượt là 376.227 triệu đồng và 328.992 triệu đồng, tăng lần lượt là 13,5% và 16,72% so với năm 2022.



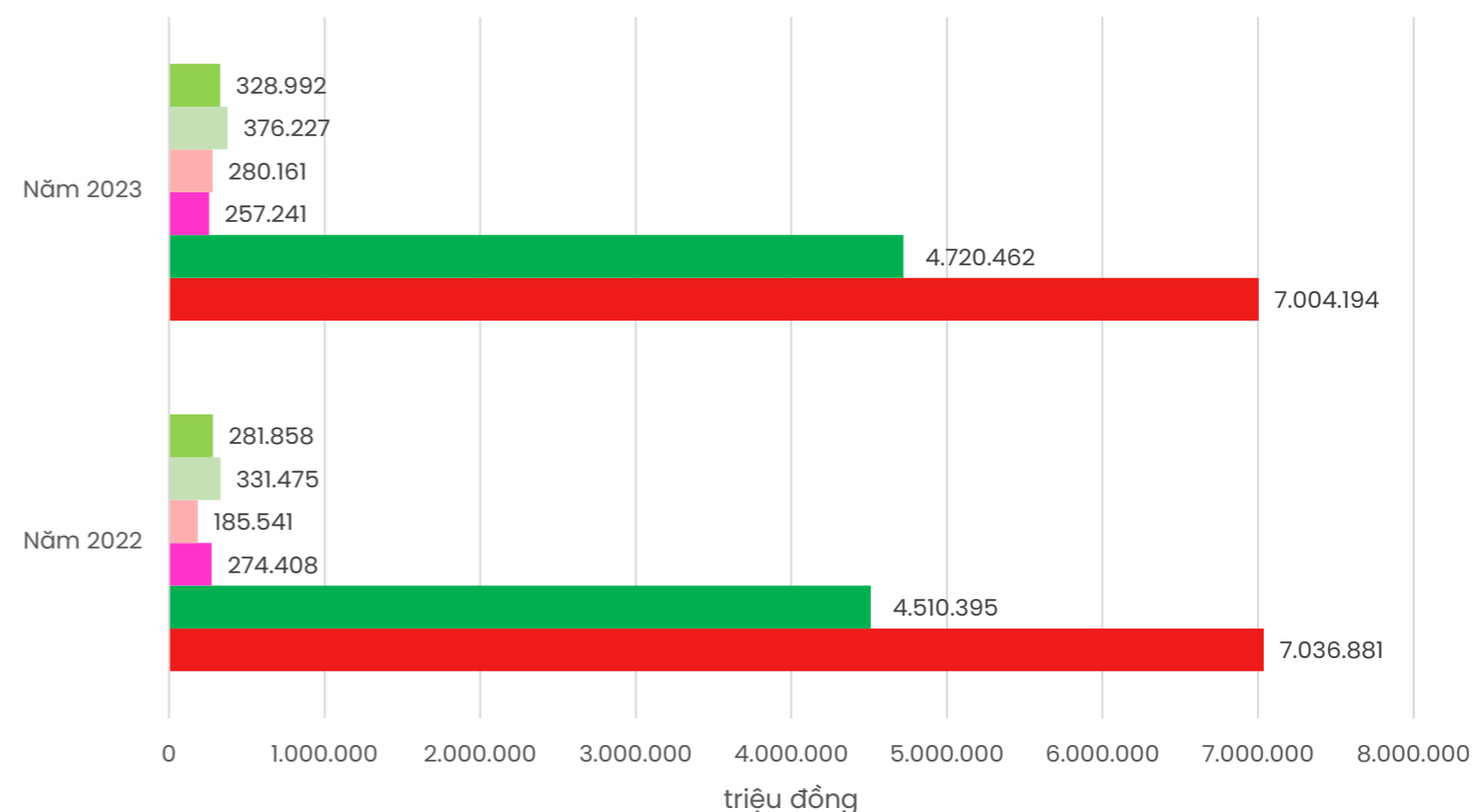
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% 2023/2022
1	Tổng giá trị tài sản	7.036.881	7.004.194	-0,46%
2	Doanh thu thuần	4.510.395	4.720.462	4,66%
3	Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh BH	274.408	257.241	-6,26%
4	Lợi nhuận gộp hoạt động đầu tư tài chính	185.541	280.161	51,00%
5	Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	331.475	376.227	13,50%
6	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN	281.858	328.992	16,72%

Tình hình tài chính 2022 - 2023



■ Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN ■ Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN
■ Lợi nhuận gộp hoạt động đầu tư tài chính ■ Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh BH
■ Doanh thu thuần ■ Tổng giá trị tài sản



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2022	2023
I	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Khả năng thanh toán ngắn hạn	lần	1,36	1,43
	Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,04	0,04
II	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	65,74	62,27
	Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	191,85	165,02

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2022	2023
III	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho	vòng	Không áp dụng	
	Vòng quay tổng tài sản	vòng	0,67	0,67
IV	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	6,25	6,97
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân	%	11,9	13,02
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân	%	4,01	4,69
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	7,28	7,85

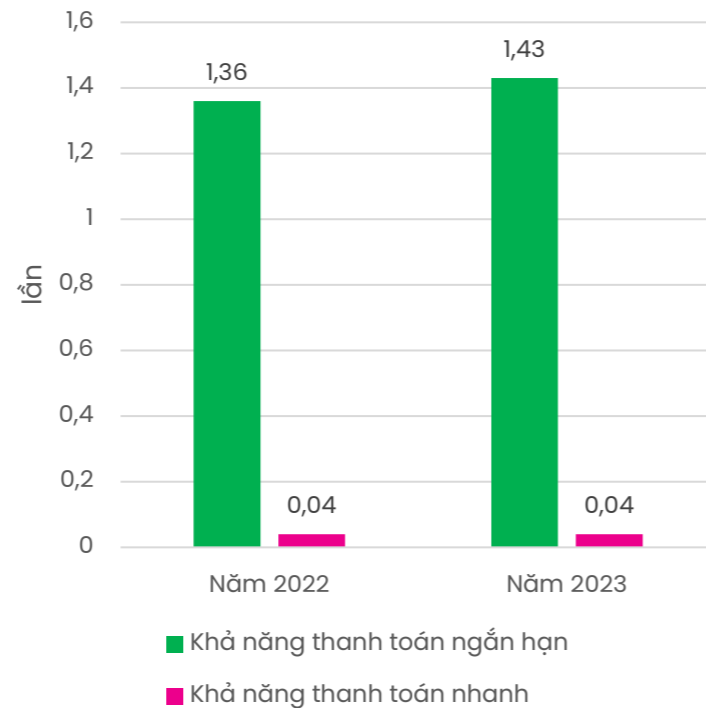




Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (tiếp theo)

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty vẫn tiếp tục cải thiện trong năm vừa qua, đạt 1,43 lần cao hơn mức 1,36 lần so với cùng kỳ. Điều này được giải thích bởi trong năm Bảo Minh đã giảm các khoản trích lập dự phòng phí bảo hiểm gốc và tái bảo hiểm, kéo theo việc giảm phần nợ ngắn hạn của Công ty. Các khoản trích lập dự phòng này nhằm bồi thường cho các tổn thất có thể phát sinh trong tương lai.



Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Trong năm 2023, Bảo Minh đã ghi nhận giảm của cả hai chỉ số Hệ số Nợ/Tổng tài sản và Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu so với năm 2022, với tỷ lệ lần lượt là 62,27% và 165,02%. Tại thời điểm cuối năm 2023 tổng nợ mà Bảo Minh phải trả chủ yếu là nợ ngắn hạn, trong đó phần lớn là các khoản dự phòng nghiệp vụ. Nguyên nhân chủ yếu là trong năm Bảo Minh đã giảm một phần khoản dự phòng nghiệp vụ - bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm. Với đặc thù hoạt động trong ngành bảo hiểm, cơ cấu vốn của Bảo Minh không chỉ giúp đảm bảo an toàn cho Công ty mà còn giúp đảm bảo các vấn đề xã hội khác, giúp cho khách hàng an tâm trong hoạt động kinh doanh và chăm lo cuộc sống.



Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Mặc dù trong năm 2023 ngành Bảo hiểm nói chung và Bảo Minh nói riêng đã gặp rất nhiều khó khăn, thách thức chưa từng có. Những với việc không ngừng cải tiến tổ chức, từ đó giúp công ty vẫn tiếp duy trì doanh thu cũng như cơ cấu tài sản. Việc này đã giúp chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Công ty là Vòng quay tổng tài sản vẫn được giữ ổn định mức 0,67 vòng bằng với cùng kỳ năm trước. Ngoài ra, đặc thù của ngành bảo hiểm nên tỷ trọng hàng tồn kho trong cơ cấu tài sản của Công ty là rất thấp nên Vòng quay hàng tồn kho của Công ty sẽ không được đề cập.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

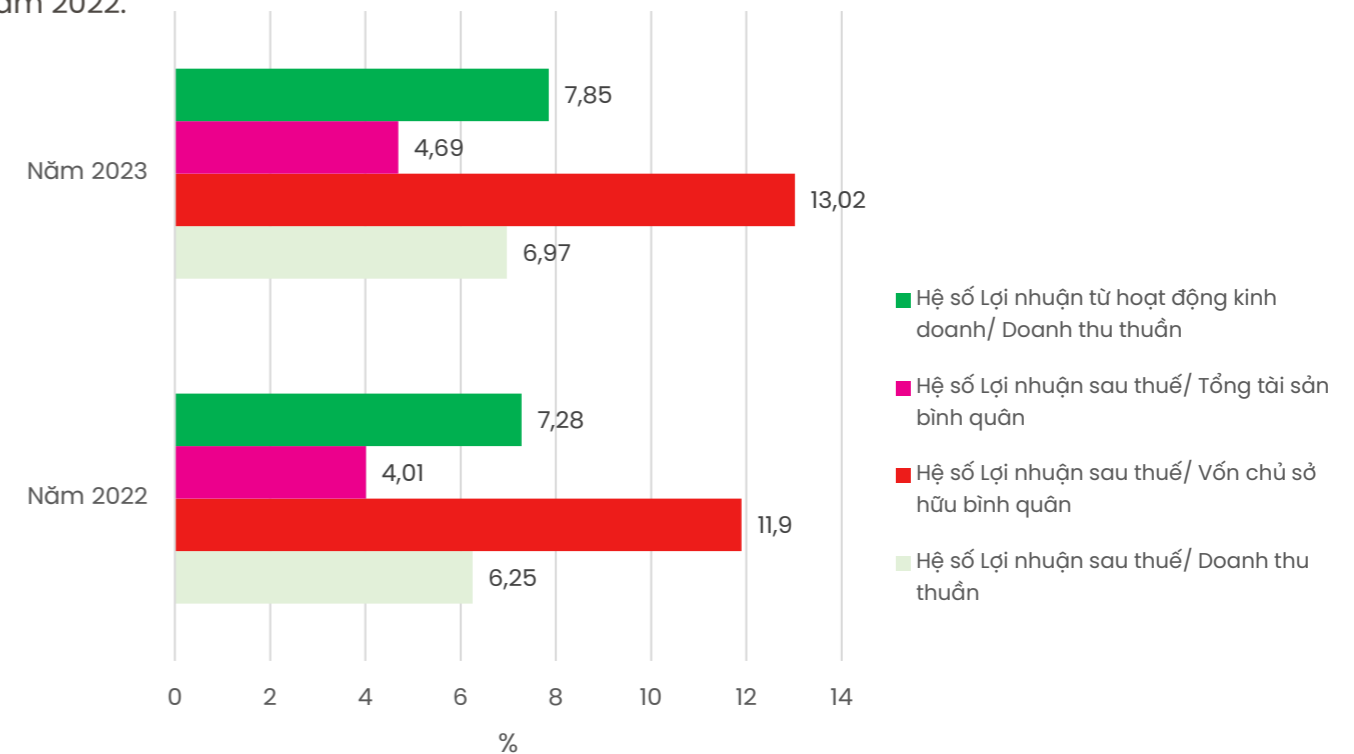
Tuy mảng bán Bảo hiểm của Tổng công ty vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong năm nay. Nhưng việc các công ty do Bảo Minh góp vốn đầu tư hoạt động tốt cùng với việc thị trường tài chính có phần khởi sắc hơn phần nửa sau của năm 2023 đã giúp lợi nhuận của Tổng công ty tăng trưởng tốt trong bối cảnh khó khăn chung. Điều này đã giúp các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Bảo Minh được cải thiện, cụ thể:

Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần: tăng lên 6,97% từ mức 6,25% của năm 2022.

Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân: tăng lên 13,02% từ mức 11,9% của năm 2022.

Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân: tăng lên 4,69% từ mức 4,01% của năm 2022.

Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần: tăng lên 7,85% từ mức 7,28% của năm 2022.





CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

01	Vốn điều lệ	1.205.854.080.000 đồng
02	Tổng số cổ phiếu đã phát hành/ tự do chuyển nhượng	120.585.408 cổ phiếu
03	Tổng số cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	0 cổ phiếu
04	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	120.585.408 cổ phiếu
05	Số lượng cổ phiếu quỹ	0 cổ phiếu
06	Loại cổ phần	phổ thông
07	Mệnh giá cổ phần	10.000 đồng/cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông theo tiêu chí tỷ lệ sở hữu	120.585.408	1.205.854.080.000	100,00%
1	Cổ đông sở hữu từ 5% vốn CP trở lên	88.030.394	880.303.940.000	73,00%
2	Cổ đông sở hữu dưới 5% vốn CP	32.555.014	325.550.140.000	27,00%
II	Cổ đông trong nước	81.343.477	81.343.477.000.000	67,46%
1	Cá nhân	14.184.802	14.184.802.000.000	11,76%
2	Tổ chức	67.158.675	67.158.675.000.000	55,69%
III	Cổ đông nước ngoài	39.241.931	39.241.931.000.000	32,54%
1	Cá nhân	1.286.963	1.286.963.000.000	1,07%
2	Tổ chức	37.954.968	37.954.968.000.000	31,48%
	Tổng cộng (II+III)	120.585.408	120.585.408.000.000	100,00%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Thời gian	Vốn tăng thêm (theo mệnh giá)	Vốn Điều lệ sau khi tăng vốn (theo mệnh giá)	Phương thức
2007	321.000.000.000	755.000.000.000	Phát hành thêm cổ phiếu cho đối tác chiến lược
2015	75.498.888.000	830.498.888.000	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
2016	83.049.888.800	913.540.378.000	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
2021	182.699.472.000	1.096.239.850.000	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
2023	109.614.230.000	1.205.854.080.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

Các chứng khoán khác

Không có





Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm, các hoạt động kinh doanh của Bảo Minh không tác động lớn tới môi trường. Tuy vậy, BDH Bảo Minh luôn chú trọng và quán triệt tới CBNV về việc nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả các nguồn năng lượng, nhiên liệu, đặc biệt là nguồn nước sạch. Bảo Minh hiểu rằng bên cạnh việc giảm chi phí, sử dụng nước một cách có trách nhiệm còn mang lại lợi ích cho môi trường và xã hội. Nước, là tài nguyên vô cùng quan trọng của hành tinh, đòi hỏi sự quản lý và sử dụng thông minh để đảm bảo môi trường sống bền vững cho các thế hệ tương lai.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Bảo Minh hoạt động theo mô hình Tổng công ty với 65 công ty thành viên, khai thác trải đều trên toàn quốc cùng 4.440 Đại lý chuyên nghiệp phục vụ khách hàng. Từ năm 2016 đến nay, Bảo Minh liên tục được Tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế A.M.Best đánh giá mức năng lực tài chính B++ (Tốt). Hiểu được trách nhiệm xã hội của một doanh nghiệp, Bảo Minh luôn gắn liền với các hoạt động xã hội, đáp ứng theo nhu cầu của xã hội, cộng đồng. Từ đó, giúp thay đổi nhận thức, trách nhiệm của người dân tới chính môi trường, cộng đồng mình đang sinh sống.

Ngày 15/09/2023, Ủy ban nhân dân Quận 3, Phòng Văn hóa và Thông tin phối hợp với Công ty TNHH Du lịch Xuyên Nhiều Lộ tổ chức ra mắt, giới thiệu sản phẩm du lịch của Quận 3 năm 2023 mang tên “Du Ngoạn Sử Xanh” cho Hiệu trưởng các trường học trên địa bàn Quận 3.

Bảo Minh là một trong ba đơn vị đã tham gia hỗ trợ chương trình “Du ngoạn Sử Xanh” với mong muốn góp phần chung tay nâng cao nhận thức của học sinh, sinh viên và người dân thành phố về sự cấp thiết và quan trọng của việc giữ gìn, bảo vệ môi trường.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY





BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Chính sách liên quan đến người lao động

Năm 2023, tổng số lao động tại Bảo Minh là 1.685 người, với mức thu nhập bình quân của người lao động là 27,83 triệu đồng/ tháng.

Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong việc hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh hàng năm cũng như trong chiến lược kinh doanh của mình, Ban lãnh đạo của Bảo Minh luôn quan tâm, chú trọng và cải thiện các chính sách liên quan tới người lao động. Mỗi năm một lần, Bảo Minh đều tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo tiêu chuẩn và quy định. Các cán bộ nhân viên của Bảo Minh sẽ được hưởng đầy đủ chế độ bảo hiểm theo quy định của Nhà nước, đồng thời được hưởng chế độ bảo hiểm chăm sóc sức khỏe của Bảo Minh cho bản thân và cho người thân. Người lao động cũng được thăm hỏi khi ốm đau, gặp tai nạn, cán bộ nhân viên nữ đều được hưởng chế độ thai sản đầy đủ. Bên cạnh đó, toàn bộ người lao động của Bảo Minh đều được hưởng phụ cấp ăn trưa, các khoản công tác phí, được tham gia đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ do Trung tâm đào tạo của Bảo Minh tổ chức, được thanh toán toàn bộ các chi phí khóa học ngắn hạn. Đối với các cán bộ có năng lực tốt, được cử tham gia học các khóa đào tạo dài hạn trong và ngoài nước cũng được Tổng Công ty đài thọ phần chi phí theo quy định.

Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh

Hiện tại, Tổng Công ty cổ phần Bảo Minh chưa có các hoạt động về thị trường vốn xanh. Tuy nhiên, Công ty rất quan tâm theo dõi các thông tin về hoạt động này và sẽ tích cực tham gia khi có hướng dẫn cụ thể từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.



Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Ý thức được vai trò của một doanh nghiệp Nhà nước, Bảo Minh luôn quan tâm, ưu tiên công tác phục vụ cộng đồng và thực hiện trách nhiệm xã hội. Với vai trò là doanh nghiệp tiên phong trong việc chịu trách nhiệm xã hội, Bảo Minh luôn nỗ lực đóng góp vào sự phát triển bền vững của cộng đồng. Tổng Công ty và các đơn vị thành viên đã không ngừng hỗ trợ các cá nhân và gia đình gặp khó khăn, qua đó góp phần tạo dựng một xã hội tốt đẹp và bền vững hơn tại Việt Nam.

Là doanh nghiệp phát triển gắn liền với các hoạt động an sinh xã hội và từ thiện đồng thời với mong muốn được góp sức trong hành trình chung tay giúp đỡ các trẻ em nghèo có thành tích học tập tốt vươn lên trong cuộc sống, Tổng công ty Cổ phần Bảo Minh đã tham gia tài trợ cho các chương trình:

- Ngày 19/05/2023, tại lễ ra mắt mô hình "Cổng trường an toàn giao thông" và trao tặng những suất quà cho các học sinh nghèo vượt khó, Công ty Bảo Minh Bắc Ninh đã trao tặng tới các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn với thành tích học tập tốt 20 triệu đồng với mong muốn có thể giúp đỡ một phần để các

em có thêm nghị lực, niềm tin vượt qua những thiếu thốn, khó khăn để thực hiện ước mơ hoài bão của mình, trở thành người có ích cho xã hội.

- "Chấp cánh ước mơ" 65 triệu đồng: Ủng hộ 40 triệu đồng để trao học bổng cho 20 trẻ em nghèo, mỗi em 2 triệu đồng và ủng hộ 25 triệu đồng để trao quà Tết cho 50 trẻ em có hoàn cảnh khó khăn theo chương trình "Tết ấm yêu thương".

Ngoài các hoạt động tài trợ, ngày 11/11/2023, Bảo Minh và trường Đại học Thương Mại đã ký kết thỏa thuận hợp tác, với nội dung xây dựng và tổ chức chương trình đào tạo, bồi dưỡng và tập huấn theo nhu cầu doanh nghiệp, chia sẻ kinh nghiệm thực tế; kết nối thực hiện các đề tài, dự án; tư vấn, chuyển giao khoa học và công nghệ. Qua đó, góp phần thúc đẩy các mối quan hệ giữa Nhà trường với Tổng Công ty trong nghiên cứu, phối hợp đào tạo, góp phần phát triển Nhà trường, doanh nghiệp và xã hội.

BẢO HIỂM BẢO MINH

ĐỐI TÁC ĐÁNG TIN CẬY CHO TÀI SẢN CỦA BẠN!



03

BÁO CÁO & ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai
5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty



BÁO CÁO & ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2023 được đánh giá là năm khó khăn chưa từng có đối với ngành bảo hiểm. Ngay từ đầu năm, thị trường đã xuất hiện nhiều biến động bất ngờ, tác động tiêu cực đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm. Đặc biệt, trong quý II và đầu quý III/2023, tình hình khai thác doanh thu của các doanh nghiệp bảo hiểm gặp nhiều bất lợi. Tính đến hết tháng 12 năm 2023, doanh thu thị trường bảo hiểm phi nhân thọ đạt 71.065 tỷ đồng, tăng trưởng 3%, bồi thường 23.907 tỷ đồng, tỷ lệ bồi thường 33.6% (chưa bao gồm dự phòng bồi thường)

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	KH 2023	TH 2023	TH 2022	(%)TH/KH 2023	(%) cùng kỳ
1	Tổng doanh thu	6.750.000	6.630.121	6.312.481	98,22%	105,03%
1.1	- Phí bảo hiểm gốc	5.769.700	5.559.730	5.398.971	96,36%	102,98%
1.2	- Phí nhận tái bảo hiểm	630.300	637.842	582.396	101,20%	109,52%
1.3	- Doanh thu HĐ Tài chính	350.000	425.519	323.909	121,58%	136,79%
1.4	- Doanh thu khác		7.029	7.205		97,55%
2	Tổng LN trước thuế	375.000	376.227	331.476	100,33%	113,50%
3	Lợi nhuận sau thuế		328.993	281.859		116,72%
	ROE	10%	13,02%	11,90%	130,19%	109,41%

Năm 2023, phát triển kinh tế- xã hội của Việt Nam diễn ra trong bối cảnh bất lợi cả từ bên ngoài (quốc tế, khu vực trên nhiều lĩnh vực cả kinh tế, chính trị, quân sự) và bên trong (những khó khăn lớn của một nền kinh tế mở phụ thuộc bởi bên ngoài, mới trải qua giai đoạn khủng hoảng nghiêm trọng bởi đại dịch Covid-19), có ảnh hưởng tiêu cực đến chuỗi cung ứng, giá cả, an ninh năng lượng, an ninh lương thực bị đe dọa.

Mới đây Tổng cục Thống kê báo cáo về tình hình kinh tế - xã hội quý 4-2023 và năm 2023. Theo đó, GDP quý 4-2023 tăng 6,72% so với cùng kỳ năm 2022 và GDP cả năm 2023 tăng 5,05% so với năm 2022. Tốc độ tăng trưởng GDP này không được như kỳ vọng nhưng cũng ở mức khá so với khu vực, tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn 2010-2023 khoảng gần 6%.

Trong bối cảnh nêu trên, Bảo Minh cũng bị ảnh hưởng và thể hiện ở kết quả kinh doanh năm 2023:

- Đến hết năm 2023, Tổng doanh thu đạt 6.630 tỷ đồng hoàn thành 98,22% kế hoạch (thiếu so với kế hoạch được giao là 120 tỷ) và tăng trưởng 5,03% so với cùng kỳ (tương đương tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2023); Do thay đổi cách ghi nhận doanh thu đối với BH sức khỏe theo Luật kinh doanh BH mới (áp dụng đối với DNBH phi nhân thọ), nên một phần doanh thu đã thu tiền 158 tỷ phải chuyển sang năm 2024, nếu được ghi nhận như các năm trước thì Bảo Minh cũng đã hoàn thành kế hoạch năm 2023.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 376,2 tỷ, hoàn thành 100,33% kế hoạch và tăng trưởng 13,5% so với cùng kỳ.
- ROE đạt 13,02% hoàn thành 130,19% kế hoạch và tăng trưởng 9,41% so với cùng kỳ.

Tình hình thực hiện doanh thu bảo hiểm gốc

Bước qua năm 2023, tiếp tục là một năm đầy thách thức khi tình hình thế giới tiếp tục biến động nhanh, phức tạp, khó lường với các yếu tố rủi ro về cả kinh tế, chính trị, xã hội ngày càng gia tăng, tác động lớn trên quy mô toàn cầu.

Song nhận được sự quan tâm, hỗ trợ, tạo điều kiện của Ban lãnh đạo SCIC; với sự đồng hành, ủng hộ, chỉ đạo của HĐQT; sự chủ động, linh hoạt của BĐH trong công tác tổ chức, điều hành cùng sự đoàn kết, quyết tâm, nỗ lực vượt qua khó khăn của tập thể lãnh đạo, cán bộ nhân viên, đại lý trong toàn hệ thống, hoạt động kinh doanh năm 2023 của Bảo Minh đã đạt được những kết quả nhất định.

Cơ cấu doanh thu của Bảo Minh tập trung ở 4 nhóm nghiệp vụ: BH sức khỏe giảm 3.7% so với cùng kỳ (toàn thị trường giảm 0,3% ở nghiệp vụ này); BH Tài sản và thiệt hại, tăng trưởng 6.9% so với cùng kỳ, BH xe cơ giới giảm 0,2% so với cùng kỳ (toàn thị trường giảm 1.9% ở nghiệp vụ này) và BH tín dụng và RRTC có tỷ lệ tăng trưởng là 15,4% cao hơn so với tỷ lệ tăng trưởng chung của thị trường (11,5%). Nghiệp vụ BH Hàng hóa của Bảo Minh có tăng trưởng 1,1% trong khi thị trường đang giảm 10,8% cũng là 1 điểm khác biệt. Các nghiệp vụ còn lại nhìn chung đều có tăng trưởng dù đóng góp vào doanh thu chung không nhiều.



Tình hình bồi thường (BT)

Năm 2023, toàn ngành BH PNT chi bồi thường 23.907 tỷ đồng, tăng 3,49% về số tuyệt đối so với cùng kỳ. Tỷ lệ bồi thường đã trả/doanh thu của toàn ngành cũng tăng từ 33,47% lên 33,64%.

Tỷ lệ bồi thường đã trả/doanh thu năm 2023 của Bảo Minh tăng so với cùng kỳ năm trước (33,1% so với 32,7%), so với các doanh nghiệp top 5 thì thấp hơn PTI, Bảo Việt và cao hơn PVI và MIC.

Các nghiệp vụ có tỷ lệ BT/ Doanh thu giảm so với năm trước là: BH tài sản và thiệt hại; BH Hàng hóa và BH Tín dụng & RRTC.

Các nghiệp vụ có tỷ lệ BT/ Doanh thu tăng so với năm trước là: nghiệp vụ BH Tàu, Xe cơ giới, BH Sức khỏe và BH Trách nhiệm. Sản phẩm BH chăm sóc sức khỏe nhóm trong nghiệp vụ BH Sức khỏe của Bảo Minh năm nay có số bồi thường tăng đột biến do:

- Năm trước (do ảnh hưởng của dịch covid-19, khách hàng bị hạn chế đi khám chữa bệnh) tỉ lệ bồi thường thấp do đó khi tái tục khách hàng yêu cầu giảm phí sâu, cạnh tranh thị trường nên thị trường chung năm 2023 chào phí BHSK tái tục rất thấp, dẫn đến tổng phí thu không đủ bù khoảng bồi thường tăng cao của năm 2023
- Chi phí y tế tăng cao cùng với khách hàng sau dịch covid đi khám bệnh nhiều hơn trước

Các nghiệp vụ còn lại biến động không nhiều.

Xét theo từng nhóm nghiệp vụ, có 03 nghiệp vụ: BH Tàu, BH Tài sản và thiệt hại có tỷ lệ BT/Doanh thu cao hơn so với thị trường. Các nghiệp vụ còn lại đều có tỷ lệ bồi thường thấp hơn thị trường.

Dự phòng nghiệp vụ

- Dự phòng bồi thường tại 31/12/2023 giảm nhẹ so với cùng kỳ năm trước.
- Dự phòng phí tăng do doanh thu năm 2023 tăng so với năm 2022
- Bảo Minh giảm 14,4 tỷ (trích vào chi phí 45,6 tỷ và đã sử dụng 60 tỷ đồng quỹ DPDĐL để bù đắp biến động lớn về bồi thường của nghiệp vụ BH CSSK trong năm 2023

Đơn vị tính: triệu đồng

Quỹ dự phòng nghiệp vụ	31/12/2023	31/12/2022	Tăng/giảm (-/+)
1. Dự phòng phí	1.452.170	1.419.086	33.085
2. Dự phòng bồi thường	282.933	287.408	(4.475)
3. Dự phòng dao động lớn	195.899	210.313	(14.414)
Tổng cộng	1.931.002	1.916.806	14.195

Tình hình công nợ và trích lập DPNKĐ

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	Mã số	31/12/2023	31/12/2022	Tăng/giảm (-/+)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	938.508	738.536	199.972
1. Phải thu của khách hàng	131	845.820	773.042	72.778
2. Trả trước cho người bán	132	3.478	4.070	(592)
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	-	-	-
4. Các khoản phải thu khác	135	398.266	273.964	124.303
5. DP phải thu ngắn hạn khó đòi	139	(309.055)	(312.539)	3.484

Phải thu của khách hàng: tăng 72,8 tỷ đồng, nguyên nhân chủ yếu là do tăng công nợ chưa đến kỳ thanh toán 14,3 tỷ đồng; công nợ nhận tái bao gồm phí nhận tái và phải thu bồi thường nhượng tái cũng tăng 46,9 tỷ đồng.

Các khoản phải thu khác: tăng 124,3 tỷ đồng, trong đó chủ yếu là phát sinh khoản phải thu lãi từ hoạt động đầu tư góp vốn là 96 tỷ, phải thu lãi tiền gửi là 16 tỷ.

DỰ PHÒNG NỢ KHÓ ĐÒI	31/12/2023	31/12/2022	Tăng/giảm (-/+)
DP phải thu phí BH khó đòi	(127.672)	(130.604)	2.932
DP phải thu khác khó đòi	(107.062)	(107.614)	552
DP phải thu lãi đầu tư quá hạn	(74.321)	(74.321)	-
Cộng	(309.055)	(312.539)	3.484

Đến 31/12/2023, Bảo Minh đã trích lập tương đối đầy đủ các khoản phải thu quá hạn theo quy định thông tư 48/2019/TT-BTC, bao gồm:

- Trích đầy đủ công nợ phí BH gốc trước thông tư 194 (trước 01/02/2015).
- Trích DPNKĐ các khoản phải thu khác: bao gồm các khoản nợ phải thu khách hàng khác, phải thu đòi người thứ 3, phải thu tái bảo hiểm.

So với đầu năm, DPNKĐ tiếp tục được hoàn nhập 3,5 tỷ đồng, trong đó dự phòng nợ gốc hoàn nhập 2,9 tỷ đồng và phải thu khác hoàn nhập 552 triệu đồng. Việc DPNKĐ giảm cho thấy công nợ khó đòi đã được thu hồi tương ứng



Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Tổng chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm năm 2023 bao gồm chi phí hoa hồng, chi phí khai thác, chi bán hàng, quản lý tại các công ty thành viên là: 2.908 tỷ đồng, giảm 1,56% so với cùng kỳ năm trước.

Khoản mục	Mã số	31/12/2023	31/12/2022	Tăng/giảm (-/+)
12. Chi phí khác HĐKD bảo hiểm	17	2.908.072	2.954.127	-1,56%
Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1	815.366	796.562	2,36%
Chi phí khác HĐKD bảo hiểm	17.2	2.092.706	2.157.565	-3,01%

Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm

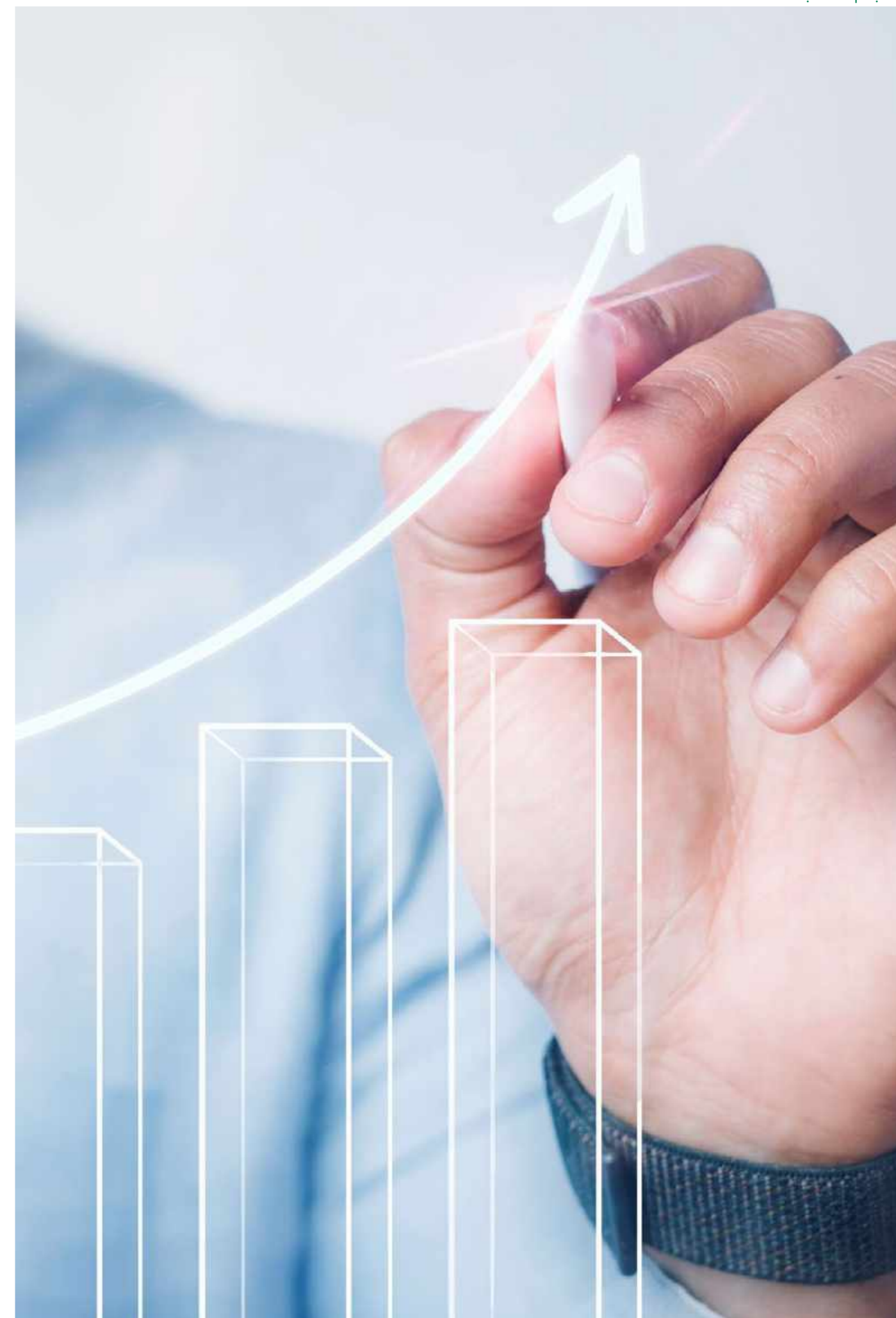
Chi quản lý chung tại trụ sở chính năm 2023 là 174,8 tỷ đồng, tăng 36,2 tỷ so với năm 2022. Các khoản mục chi quản lý tăng chủ yếu là chi phí tiền lương, chi phí nhân viên, chi tiếp khách giao dịch, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí sửa chữa nhỏ TSCĐ, CCDC và chi phí quảng cáo, tiếp thị khuyến mãi

Những tiến bộ công ty đã đạt được

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh đã nỗ lực duy trì sự ổn định tài chính và quản trị rủi ro tốt, nhằm đảm bảo hoạt động bảo hiểm diễn ra hiệu quả và bền vững. Tổng Công ty đã áp dụng các chính sách, quy trình và tiêu chuẩn chất lượng cao trong các hoạt động kinh doanh của mình. Điều này đã giúp Bảo Minh kiểm soát được các rủi ro về tài chính, đồng thời cung cấp các sản phẩm bảo hiểm chất lượng cao đến khách hàng.

Các biện pháp cụ thể để duy trì sự ổn định tài chính của Tổng Công ty bao gồm quản lý rủi ro tốt, đầu tư hợp lý, tăng cường kiểm soát nội bộ và đảm bảo tuân thủ các quy định và luật pháp liên quan. Bên cạnh đó, Tổng Công ty cũng thường xuyên cập nhật và đánh giá lại chiến lược kinh doanh để đảm bảo sự thích nghi với thị trường và các biến động kinh tế xã hội.

Sự ổn định tài chính và quản trị rủi ro tốt cũng giúp cho Bảo Minh đạt được những thành tích đáng kể trong hoạt động kinh doanh, như tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận và giữ vững thị phần. Ngoài ra, khả năng sinh lời của Tổng Công ty cũng được nâng cao, được thể hiện qua các chỉ số tài chính như ROE và ROA duy trì ổn định qua các năm.





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

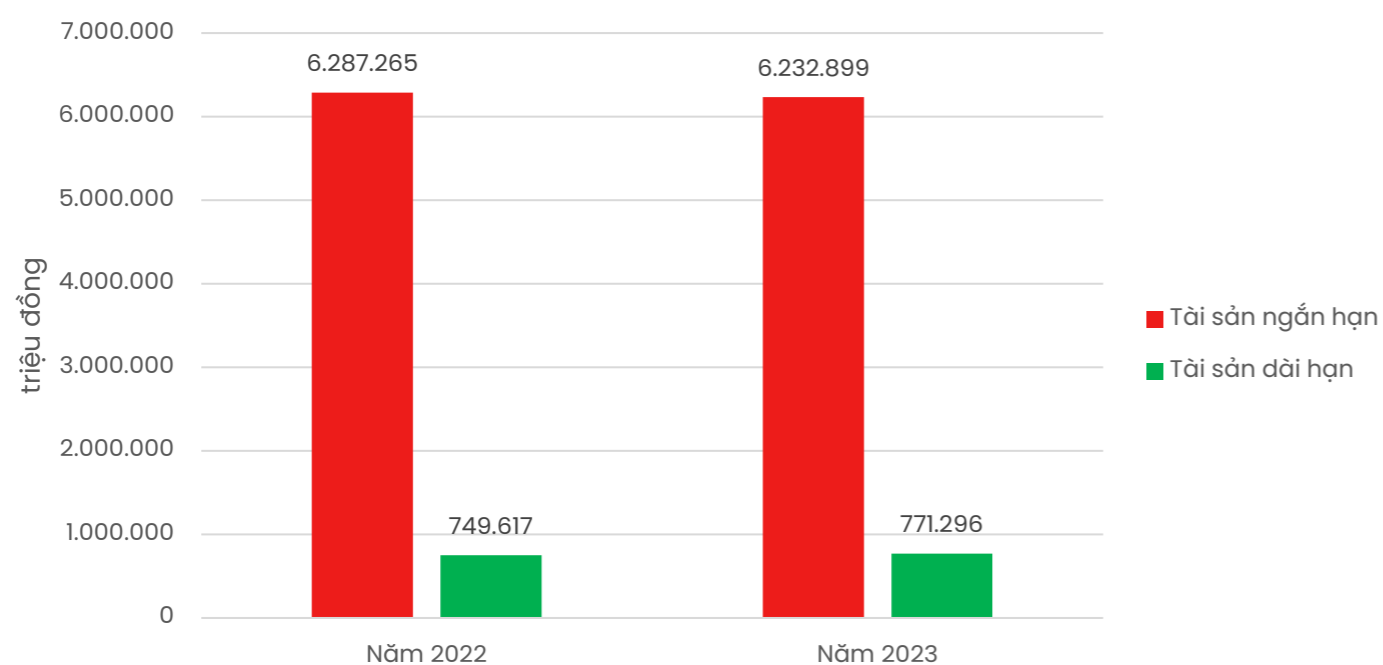
Tình hình tài sản

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		%Thay đổi 2023/2022
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	6.287.265	89,35%	6.232.899	88,99%	-0,86%
Tài sản dài hạn	749.617	10,65%	771.296	11,01%	2,89%
Tổng cộng	7.036.881	100%	7.004.195	100%	-0,46%

Trong năm 2023, Tổng Công ty ghi nhận tổng tài sản đạt 7.004.195 triệu đồng, giảm nhẹ so với năm trước với mức giảm là 0,46%. Phần lớn tài sản là tài sản ngắn hạn, với giá trị 6.232.899 triệu đồng, chiếm 88,99% tổng tài sản, còn tài sản dài hạn đạt 771.296 triệu đồng, chiếm 11,01% tổng tài sản. Sự giảm nhẹ trong tổng tài sản chủ yếu xuất phát từ tài sản ngắn hạn, đặc biệt là do sự giảm trong các khoản dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm, với tổng tài sản tái bảo hiểm giảm từ 1.438.933 triệu đồng năm 2022 xuống còn 1.110.027 triệu đồng năm nay. Với cơ cấu chiếm phần lớn tài sản ngắn hạn, giúp hoạt động kinh doanh và quản trị rủi ro của Tổng Công ty an toàn hơn, từ đó ổn định quá trình kinh doanh trong bối cảnh kinh tế đang đối mặt với nhiều rủi ro.

Tình hình tài sản

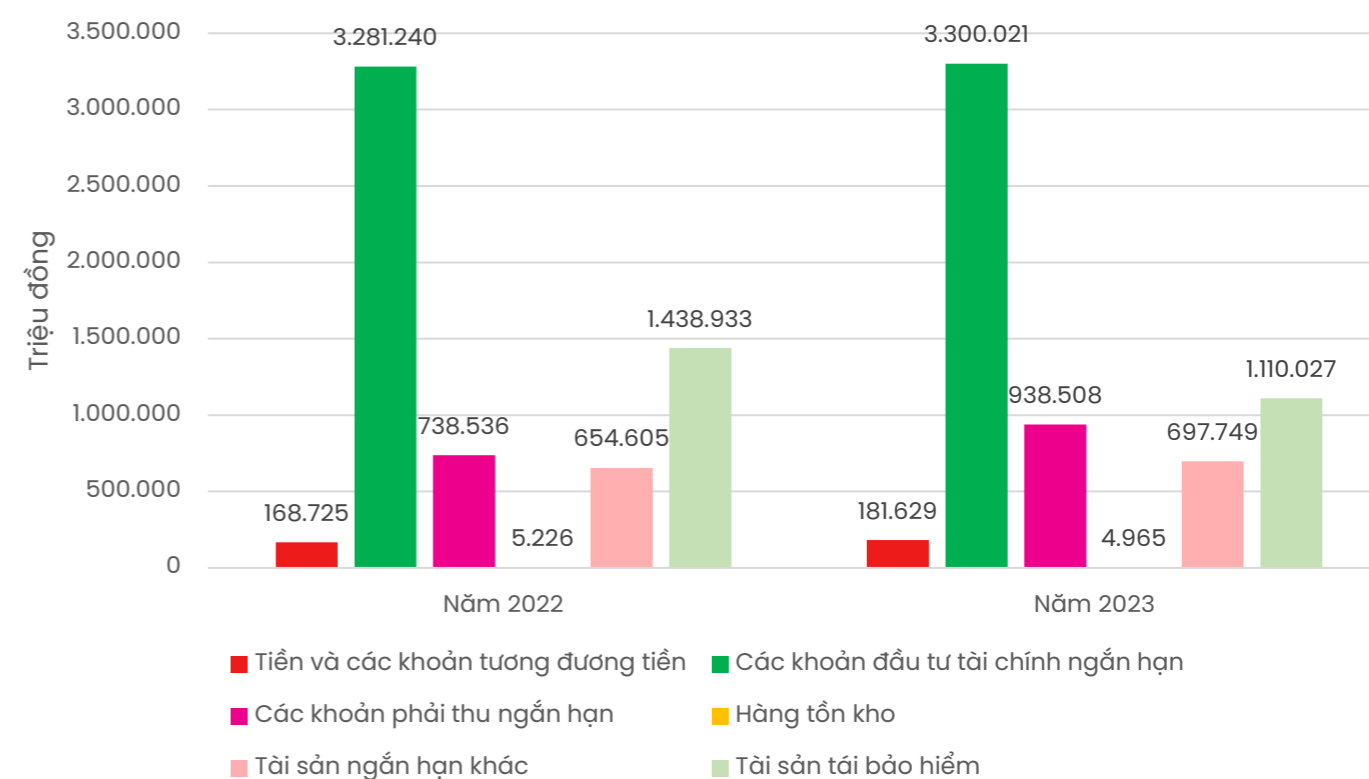


Tài sản ngắn hạn

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		%Thay đổi 2023/2022
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tiền và các khoản tương đương tiền	168.725	2,68%	181.629	2,91%	7,65%
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	3.281.240	52,19%	3.300.021	52,95%	0,57%
Các khoản phải thu ngắn hạn	738.536	11,75%	938.508	15,06%	27,08%
Hàng tồn kho	5.226	0,08%	4.965	0,08%	-4,99%
Tài sản ngắn hạn khác	654.605	10,41%	697.749	11,19%	6,59%
Tài sản tái bảo hiểm	1.438.933	22,89%	1.110.027	17,81%	-22,86%
Tổng cộng	6.287.265	100%	6.232.899	100%	-0,86%

Tài sản ngắn hạn





Tài sản ngắn hạn (tiếp theo)

Tài sản ngắn hạn của Bảo Minh năm 2023 đạt 6.232.899 triệu đồng giảm 0,86% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, việc giảm của Tổng tài sản của Tổng công ty chịu tác động chủ yếu do giảm mạnh tài sản tái bảo hiểm từ mức 1.438.933 triệu đồng cùng kỳ về mức 1.110.027 triệu đồng và chiếm tỷ trọng lớn thứ 2 trong cơ cấu tài sản ngắn hạn tương đương 15,06% cơ cấu tài sản ngắn hạn

Ngoài ra, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn chiếm tỷ trọng cao nhất chiếm 52,95%, đạt 3.300.021 triệu đồng và không có nhiều thay đổi trong tỷ trọng danh mục đầu tư tài chính so với năm 2022.

Với đặc thù kinh doanh trong lĩnh vực tài chính - bảo hiểm, Bảo Minh cần sử dụng hợp lý dòng tiền từ phí bảo hiểm gốc để tối ưu hóa nguồn lợi nhuận cho Tổng Công ty. Vì vậy, trong cơ cấu tài sản của Công ty, phần đầu tư tài chính luôn chiếm một tỷ trọng rất cao.

Tài sản dài hạn

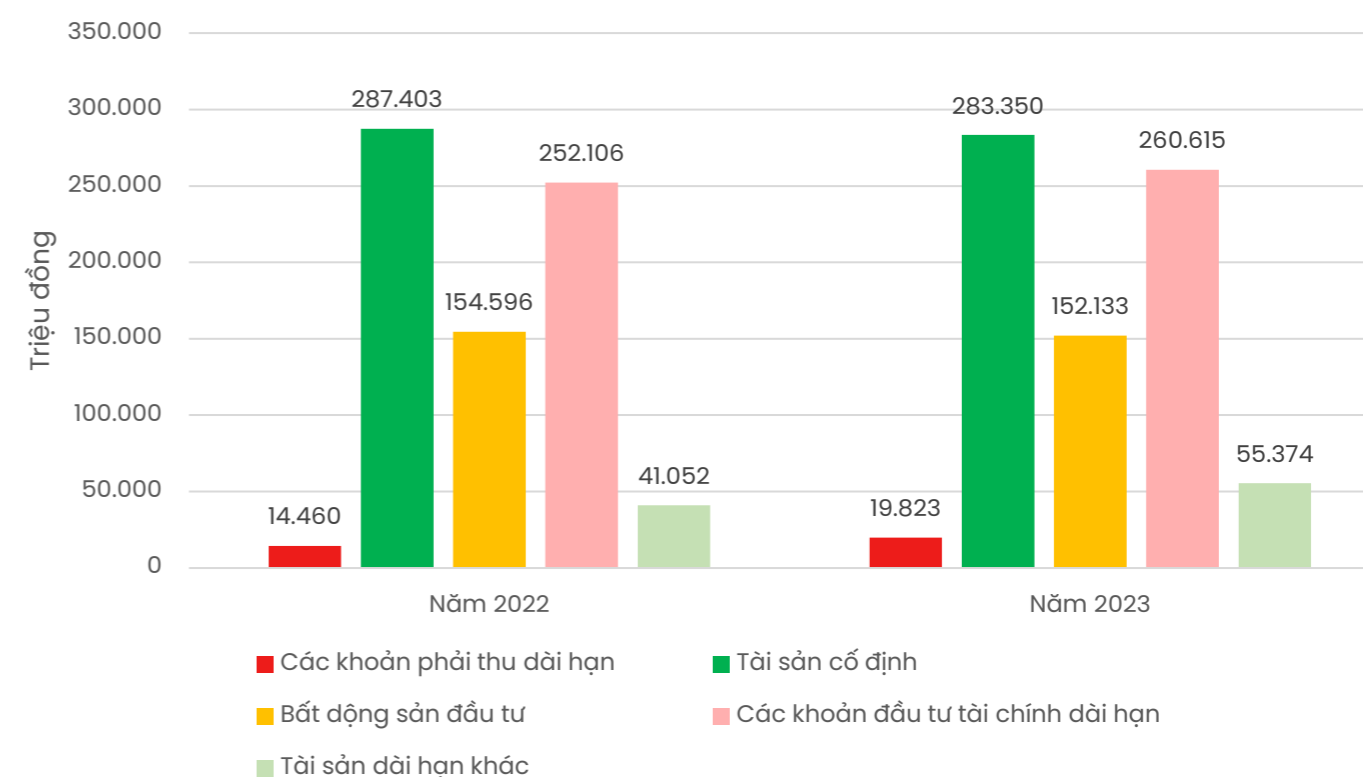
ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		%Thay đổi 2023/2022
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Các khoản phải thu dài hạn	14.460	1,93%	19.823	2,57%	37,09%
Tài sản cố định	287.403	38,31%	283.350	36,74%	-1,41%
Bất động sản đầu tư	154.596	20,61%	152.133	19,72%	-1,59%
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	252.106	33,61%	260.615	33,79%	3,38%
Tài sản dài hạn khác	41.052	5,47%	55.374	7,18%	34,89%
Tổng cộng	749.617	100,00%	771.296	100,00%	2,89%

Trong năm 2023, Tài sản dài hạn của Bảo Minh tăng 2,89% so với cùng kỳ năm trước, đạt giá trị 771.296 triệu đồng. Nhìn chung, trong cơ cấu tài sản dài hạn của Tổng Công ty không có nhiều thay đổi. Các thay biến động trong các khoản phải thu dài hạn của Bảo Minh phần lớn đến từ việc phát sinh các khoản ký quỹ dài hạn và tài sản dài hạn khác thay đổi nằm ở các chi phí thuê văn phòng, thuê đất tăng.



Tài sản dài hạn





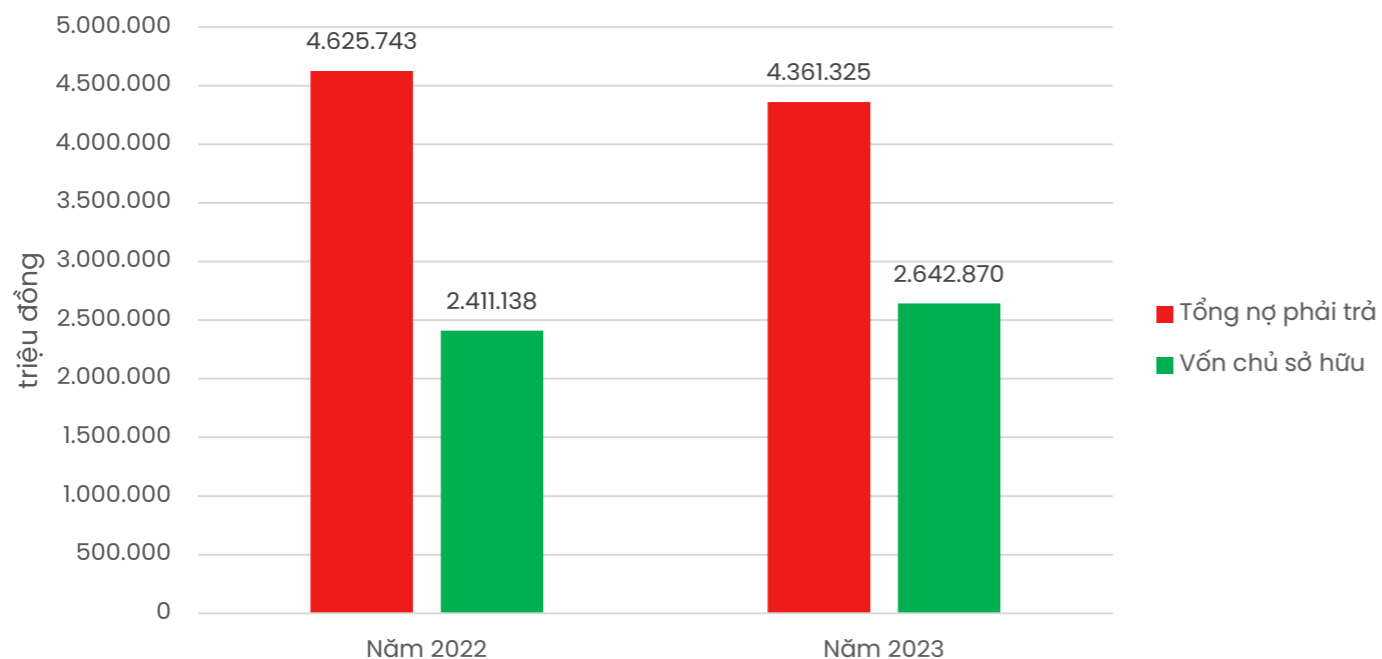
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình nguồn vốn

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		%Thay đổi 2023/2022
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tổng nợ phải trả	4.625.743	65,74%	4.361.325	62,27%	-5,72%
- Nợ ngắn hạn	4.624.602	65,72%	4.360.050	62,25%	-5,72%
- Nợ dài hạn	1.141	0,02%	1.274	0,02%	11,70%
Vốn chủ sở hữu	2.411.138	34,26%	2.642.870	37,73%	9,61%
Tổng cộng	7.036.881	100%	7.004.195	100%	-0,46%

Tình hình tổng nguồn vốn



Nợ phải trả của Bảo Minh giảm 5,72% so với cùng kỳ năm trước ghi nhận giá trị 4.361.325 triệu đồng, chiếm 62,27% trong cơ cấu nguồn vốn. Trong khoản cơ cấu nợ phải trả của Bảo Minh, nợ ngắn hạn chiếm phần lớn với giá trị 4.360.050 triệu đồng cũng giảm tương đương 5,72% so với năm 2022, nguyên nhân chủ yếu do Tổng Công ty đã giảm các khoản dự phòng nghiệp vụ cũng như giảm khoản phải trả hoạt động tái nhượng bảo hiểm. Trong năm qua, việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và lợi nhuận sau thuế giữ lại đã giúp vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty tăng 9,61% so với cùng kỳ năm 2022 ghi nhận đạt 2.642.870 triệu đồng.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Về sản phẩm và dịch vụ bảo hiểm

Để nâng cao hiệu quả trong quản lý và hoạt động kinh doanh, Tổng Công ty đã tập trung vào việc cải thiện chất lượng các dịch vụ bảo hiểm, từ việc bán hàng đến quá trình giải quyết bồi thường và chăm sóc khách hàng; đồng thời tiến hành nghiên cứu và phát triển các sản phẩm bảo hiểm mới.

Bảo Minh cũng đã mở rộng và tăng cường các kênh phân phối, bao gồm: bancassurance, online, môi giới và đại lý, nhằm mục tiêu tối ưu hóa việc tiếp cận khách hàng. Cùng với việc chuẩn hóa các quy định và quy trình liên quan đến việc bán hàng và giải quyết bồi thường, Tổng Công ty cũng tăng cường phân cấp cho các đơn vị thành viên, cho phép họ chủ động và linh hoạt hơn trong việc khai thác thị trường một cách hiệu quả.

Về công tác nhân sự

Tăng cường rà soát đánh giá năng suất lao động, tuyển dụng và sắp xếp lại nhân sự để nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban/Phòng/Trung tâm Trụ sở chính, các đơn vị thành viên.





KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024

ĐVT: triệu đồng

Kế hoạch năm 2024

Khoản mục

Tổng doanh thu	6.800 tỷ đồng
Lợi nhuận trước thuế	377 tỷ đồng
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu tối thiểu đạt	10%
Tỉ lệ chia cổ tức dự kiến	Tối thiểu 10%

Các giải pháp cần thực hiện năm 2024

Để tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, phấn đấu hoàn thành Kế hoạch kinh doanh năm 2024, Ban Điều hành tiếp tục đề xuất thực hiện các giải pháp về quản lý và kinh doanh như sau:

Về công tác phát triển mạng lưới và đội ngũ nhân sự

Hoàn thiện hồ sơ xin Giấy phép thành lập 9 công ty thành viên mới đã được HĐQT phê duyệt tại địa bàn: Hà Nội, Hải Phòng, Tây Bắc, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Phú Quốc, Cần Thơ, Đồng Nai, Bình Dương.

Thường xuyên rà soát và đánh giá chất lượng nhân sự, năng suất lao động của cán bộ nhân viên tại đơn vị để thực hiện việc bố trí, sắp xếp nguồn nhân lực cho phù hợp.

Về chủ trương phát triển hệ thống công nghệ - thông tin

Đẩy mạnh đầu tư phát triển công nghệ thông tin để đáp ứng kịp thời xu hướng của thị trường, tăng khả năng cạnh tranh so với các doanh nghiệp khác trên thị trường, góp phần đem lại hiệu quả cao hơn trong công tác khai thác kinh doanh;

Thay thế hệ thống lõi bảo hiểm và hệ thống kế toán;

Tiếp tục phát triển ứng dụng vệ tinh đáp ứng với nhu cầu kinh doanh năm 2024.

Ban Công nghệ - Thông tin sẽ tiếp tục nghiên cứu để xây dựng phương án triển khai cụ thể các nội dung công việc, trình BĐH, HĐQT xem xét, quyết định, góp phần hoàn thiện hệ thống CNTT, hỗ trợ đem lại hiệu quả trong công tác kinh doanh.

Về việc phát triển sản phẩm mới

Đẩy mạnh việc nghiên cứu và xây dựng các sản phẩm mới để kịp thời đáp ứng nhu cầu của thị trường và khách hàng cùng với đảm bảo việc tuân thủ Luật kinh doanh bảo hiểm mới.

Về công tác giám định và bồi thường

Tăng cường rà soát, đánh giá lại chất lượng, chi phí, hiệu quả của các đơn vị giám định để lựa chọn các đơn vị giám định đủ năng lực, trình độ, kinh nghiệm để triển khai công việc có hiệu quả, đảm bảo chất lượng.

Tăng cường công tác rà soát các hồ sơ bồi thường kỹ lưỡng, cẩn trọng để kịp thời phát hiện, ngăn ngừa các hành vi trục lợi, gian lận, bảo hiểm, góp phần kiểm soát tỉ lệ bồi thường các nghiệp vụ, đảm bảo hiệu quả kinh doanh.

Về công tác kiểm tra nội bộ, đảm bảo tính tuân thủ nói chung

Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ theo hướng vừa kiểm tra vừa hướng dẫn để các đơn vị cập nhật và nắm chắc các quy định có liên quan.

Tiếp tục quán triệt toàn hệ thống thường xuyên nghiên cứu, rà soát các quy định, chính sách mới liên quan tới hoạt động kinh doanh bảo hiểm đã được các cơ quan có thẩm quyền ban hành để cập nhật và tuân thủ việc thực hiện các quy định mới có liên quan.

Về hoạt động đầu tư

Theo dõi sát tình hình thị trường tiền tệ, lãi suất và nhu cầu huy động vốn của các ngân hàng để thương lượng, tận dụng được mức lãi suất tốt nhất của từng ngân hàng với kỳ hạn phù hợp.

Đảm bảo các yêu cầu về an toàn, hiệu quả tài chính và thanh khoản; góp phần nâng cao hiệu quả của hoạt động đầu tư nói riêng và hiệu quả kinh doanh chung của toàn TCT.

Về công tác quản lý các khoản chi phí, thu hồi, xử lý công nợ

Ban Điều hành sẽ tập trung, chỉ đạo các bộ phận liên quan xây dựng các biện pháp nhằm kiểm soát các khoản chi phí theo quy định, nhất là đối với các nghiệp vụ có tỉ lệ bồi thường cao, để đảm bảo đạt hiệu quả kinh doanh các nghiệp vụ.



GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

không có



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Bảo Minh, một định chế tài chính hoạt động lâu năm trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ. Chúng tôi không chỉ tập trung vào việc cung cấp dịch vụ chất lượng cao cho khách hàng mà còn luôn chú tâm mạnh mẽ vào tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường và cam kết hướng tới một tương lai phát triển bền vững.

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Mặc dù là một định chế tài chính hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, nhưng Bảo Minh luôn nhận thức được tầm quan trọng của các vấn đề liên quan đến môi trường và có tầm nhìn xa hơn trong việc phát triển bền vững của doanh nghiệp. Bảo Minh cũng đang trong quá trình nghiên cứu về các chính sách, chiến lược phát triển bền vững để đảm bảo rằng các hoạt động kinh doanh của mình không chỉ đáp ứng nhu cầu của khách hàng, mà còn đảm bảo bảo vệ môi trường và hỗ trợ sự phát triển bền vững của cộng đồng. Ý thức được trách nhiệm của một doanh nghiệp với môi trường và xã hội, Bảo Minh luôn mong muốn sự phát triển bền vững gắn với bảo vệ môi trường, không chỉ mang lại những sản phẩm, dịch vụ chất lượng tối cho khách hàng mà còn là những đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của xã hội.



Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Bảo Minh nhận thức được vai trò quan trọng của người lao động trong sự phát triển của Tổng Công ty. Do đó, trong năm 2023, Tổng Công ty luôn ưu tiên quan tâm đến đời sống của CBCNV về mọi mặt, bao gồm:

- Đảm bảo chế độ lương, thưởng và các đãi ngộ khác cho người lao động đúng quy định. Các khoản lương, thưởng được trả minh bạch, công bằng, phù hợp với chuyên môn năng lực và đóng góp của từng nhân viên.
- Thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên, đồng thời tạo điều kiện để tất cả cán bộ nhân viên có thể được bồi dưỡng, nâng cao kiến thức chuyên môn.
- Tổ chức các hoạt động thăm hỏi, chúc mừng, tặng quà cho CBCNV và gia đình trong các dịp đặc biệt như sinh nhật, cưới hỏi, khi ốm đau, cũng như các ngày lễ quan trọng như Ngày Quốc tế Phụ nữ (8/3), Ngày Giải phóng Miền Nam (30/4) - Ngày Quốc tế Lao động (1/5), Ngày Quốc khánh (2/9) và nhiều dịp khác. Bên cạnh đó, Tổng Công ty còn tặng quà và khen thưởng cho con CBCNV có thành tích học tập xuất sắc, tổ chức các hoạt động cho trẻ em nhân dịp Ngày Thiếu nhi Việt Nam (1/6) và Tết Trung thu, dành cho con em cán bộ nhân viên trên toàn hệ thống.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Vì một cộng đồng ngày càng phát triển hơn, Tổng công ty cũng chú trọng đến việc phát triển cộng đồng thông qua các chương trình hỗ trợ giáo dục, y tế, an sinh xã hội...cho những người dân ở các khu vực kém phát triển.

Trong suốt nhiều năm qua, Bảo Minh đã xây dựng và phát triển một hình ảnh đáng tin cậy, một doanh nghiệp có trách nhiệm với xã hội và luôn hướng tới cộng đồng. Những nỗ lực không ngừng của Tổng Công ty trong việc thực hiện các hoạt động an sinh xã hội và đóng góp cho các chương trình phát triển cộng đồng đã nhận được nhiều sự đánh giá cao từ đối tác, khách hàng và cộng đồng. Bảo Minh đã không chỉ tạo ra giá trị kinh tế mà còn là một nguồn lực quan trọng đóng góp vào sự phát triển bền vững của xã hội.



BẢO HIỂM BẢO MINH

BẢO HIỂM HÀNG HẢI CHUYÊN NGHIỆP ĐỒNG HÀNH!



04

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Kết thúc năm 2023, nền kinh tế thế giới tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức, diễn biến khó lường và ẩn chứa nhiều bất ổn. Lạm phát tuy hạ nhiệt, nhưng vẫn neo ở mức cao, nhiều nền kinh tế lớn duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt, lãi suất cao; thương mại, tiêu dùng và đầu tư toàn cầu tiếp tục suy giảm; hàng rào bảo hộ, phòng vệ thương mại gia tăng... ảnh hưởng đến hoạt động xuất, nhập khẩu.

Dù còn nhiều khó khăn song kinh tế nước ta năm 2023 đạt được nhiều kết quả tích cực, đáng ghi nhận và được các tổ chức quốc tế đánh giá cao. Tăng trưởng GDP cả năm 2023 ước đạt khoảng 5,05% với xu thế tăng trưởng duy trì đà tăng dần qua từng quý. Tốc độ tăng trưởng GDP này không được như kỳ vọng nhưng cũng ở mức khá so với khu vực, tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn 2010-2023 khoảng gần 6%.

Nhìn lại năm vừa qua, có thể thấy ngành bảo hiểm cũng phải đối mặt với nhiều thách thức và những thay đổi không nhỏ, đặc biệt cuộc khủng hoảng trên truyền thông, khủng hoảng niềm tin người tiêu dùng xuất phát từ một số vấn đề về chất lượng hoạt động tư vấn, cũng như dịch vụ chăm sóc và giải quyết quyền lợi bảo hiểm cho khách hàng tại các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ đã lan ra và tác động tiêu cực tới toàn ngành.

Trên cơ sở kế hoạch kinh doanh năm 2023 đã được ĐHĐCĐ thông qua, HĐQT đã chỉ đạo sát sao BDH tổ chức họp quán triệt các nội dung có liên quan đến các cán bộ chủ chốt tại Trụ sở

chính, định kỳ giám sát/đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch và kịp thời đề ra các định hướng hoạt động phù hợp. Trong quá trình triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2023 và tại các phiên họp HĐQT thường kỳ, HĐQT cũng yêu cầu BDH thường xuyên bám sát, theo dõi tình hình biến động của nền kinh tế, những thay đổi của thị trường để khẩn trương xây dựng giải pháp và điều chỉnh phương hướng thực hiện kinh doanh phù hợp, báo cáo liên tục về tiến độ và tình hình thực hiện kế hoạch, những khó khăn vướng mắc cần xin ý kiến để HĐQT kịp thời hỗ trợ.

Trước tình hình nền kinh tế nói chung và thị trường bảo hiểm nói riêng còn nhiều thách thức và biến động, Bảo Minh cũng gặp những khó khăn nhất định trong công tác thực hiện kế hoạch kinh doanh. Kết thúc năm 2023, về cơ bản, Bảo Minh vẫn đảm bảo hiệu quả trong hoạt động kinh doanh, hoàn thành kế hoạch về lợi nhuận trước thuế, tỷ lệ bồi thường được cải thiện. Mặc dù chưa hoàn thành chỉ tiêu về doanh thu nhưng vẫn vượt mức tăng trưởng chung của thị trường, với tỷ lệ 5,03% và vẫn bám sát chiến lược kinh doanh 05 năm đã được ĐHĐCĐTN năm 2023 thông qua, cụ thể như sau:



ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	KH 2023	TH 2023	TH 2022	(%) TH/KH 2023	(%) cùng kỳ
1	Tổng doanh thu	6.750.000	6.630.121	6.312.481	98,22%	105,03%
1.1	- Phí bảo hiểm gốc	5.769.700	5.559.730	5.398.971	96,36%	102,98%
1.2	- Phí nhận tái bảo hiểm	630.300	637.842	582.396	101,20%	109,52%
1.3	- Doanh thu HĐ Tài chính	350.000	425.519	323.909	121,58%	136,79%
1.4	- Doanh thu khác		7.029	7.205		97,55%
2	Tổng LN trước thuế	375.000	376.227	331.476	100,33%	113,50%
3	Lợi nhuận sau thuế	-	328.993	281.859	-	116,72%
	ROE	10%	13,02%	11,90%	130,19%	109,41%

- Tổng doanh thu cả năm 2023 đạt 6.630 tỷ đồng đạt 98,22% kế hoạch năm 2023 và tăng trưởng 5,03% so với cùng kỳ.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 376,2 tỷ đồng, đạt 100,33% kế hoạch năm 2023 và tăng trưởng 13,5% so với cùng kỳ. Với kết quả trên, Bảo Minh đảm bảo thực hiện các nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, quyền lợi cho khách hàng, cổ đông và người lao động.
- Ngoài ra, từ tháng 09/2023, Bảo Minh đã chính thức giành lại vị trí thứ 3 trên thị trường và giữ vững thị phần ở mức 7,82%



ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Với vai trò, quyền hạn và trách nhiệm của mình, HĐQT đã tích cực trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, theo dõi sát sao hoạt động của Ban Điều Hành, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho công tác điều hành, quản lý của Ban Điều Hành. Việc giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc (TGD) và các thành viên BĐH đã được HĐQT thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ, Quy chế và quy định của pháp luật:

- Thành viên BĐH kiêm nhiệm thành viên HĐQT đã tham gia các cuộc họp giao ban hàng tháng, đồng thời các nội dung cuộc họp giao ban hàng tháng đều được gửi tới HĐQT để theo dõi, để nắm bắt tình hình và có chỉ đạo kịp thời nhằm đạt các mục tiêu kinh doanh đã được phê duyệt.
- Các đề xuất của BĐH trình HĐQT đều được HĐQT thảo luận tại cuộc họp HĐQT, sau khi đã quyết nghị đều được chuyển cho BĐH để tổ chức thực hiện; BĐH triển khai Nghị quyết/Quyết định của HĐQT đã kịp thời báo cáo tiến độ và kết quả thực hiện các công việc được phân công.
- Theo dõi sát sao tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của công ty qua các báo cáo định kỳ về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Ban Điều Hành. Giám sát và đánh giá việc thực hiện mục tiêu kế hoạch hàng tháng/ quý thông qua các báo cáo định kỳ.
- Phối hợp tích cực với công tác kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát giúp HĐQT theo dõi và nắm bắt tốt hơn tình hình hoạt động của công ty để có thể đề ra các quyết sách kịp thời, đảm bảo duy trì và tăng cường cơ chế quản trị rủi ro cho hoạt động của Bảo Minh.

Nhìn chung, Ban Điều hành đã có nhiều cố gắng, nỗ lực trong công tác quản trị, điều hành, bám sát Nghị quyết của ĐHCĐ và Nghị quyết của HĐQT, chỉ đạo toàn hệ thống triển khai đầy đủ để hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý, điều hành trong năm 2023.





CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Định hướng xây dựng kế hoạch hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2024-2029

Trong bối cảnh nền kinh tế trong nước và quốc tế gặp nhiều khó khăn, HĐQT đánh giá các thành tựu Bảo Minh đã đạt được trong giai đoạn 2019-2023, thuộc nhiệm kỳ 2019-2024, là đáng ghi nhận.

Trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ, HĐQT sẽ tiếp tục thực hiện các mục tiêu, định hướng tại chiến lược 5 năm mà ĐHCĐĐ đã thông qua.

So sánh với giai đoạn 2019-2023, thị trường kinh doanh bảo hiểm trong giai đoạn 2024-2029 sẽ có nhiều khó khăn. Trên thực tế, kể từ cuối năm 2022 tới 2023, các diễn biến xấu của tình hình kinh tế - xã hội trên toàn thế giới nói chung và trên thị trường tài chính Việt Nam nói riêng đã khiến tốc độ phát triển thị trường kinh doanh bảo hiểm suy giảm cực kỳ đáng kể.

Trong giai đoạn 2024-2029, HĐQT đánh giá triển vọng chung của thị trường kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ sẽ tiếp tục có phát triển. Tuy nhiên, chiều hướng phát triển chậm lại kể từ 2022 tới cuối 2023 nhiều khả năng sẽ được kéo dài trong nhiều năm. Giai đoạn 2024-2029 cũng sẽ là giai đoạn mà các cơ quan Nhà nước sẽ thắt chặt việc quản lý. Các cơ chế được ban hành kèm theo Luật KDBH 2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành sẽ bắt đầu có hiệu lực và ảnh hưởng một cách sâu rộng thị trường

Ngoài ra, đối với riêng Bảo Minh, sau giai đoạn phát triển ấn tượng của nhiệm kỳ 2019-2024, nhiệm kỳ 2024-2029 sẽ là giai đoạn mà Bảo Minh cần đặt trọng tâm hơn vào tính ổn định và bền vững.

Về định hướng chương trình công tác của HĐQT

Trong nhiệm kỳ 2024 - 2029, HĐQT sẽ duy trì và đảm bảo việc tổ chức họp thường kỳ hàng quý để trao đổi và quyết định các vấn đề có liên quan đến các công việc giao, tiếp tục thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện chiến lược kinh doanh 2021 - 2025, chuẩn bị xây dựng chiến lược cụ thể cho giai đoạn 2024 -2029, tổ chức thành công các ĐHCĐTN.



BẢO HIỂM BẢO MINH

ĐỐI TÁC ĐÁNG TIN CẬY, HÀNG KHÔNG AN TOÀN



05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Ban Kiểm soát
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành phần và cơ cấu Hội Đồng Quản Trị

Trong năm 2023, Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh không có sự thay đổi về thành viên HĐQT.

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Đinh Việt Tùng	Chủ tịch HĐQT	0	0
2	Ông Lê Việt Thành	Thành viên HĐQT	0	0
3	Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	4.822	0,004%
4	Bà Bùi Thị Thu Thanh	Thành viên HĐQT	0	0
5	Ông Trần Văn Tá	Thành viên HĐQT độc lập	0	0
6	Ông Tam Kwok Wing	Thành viên HĐQT	0	0
7	Bà Stumpf Callard Céline	Thành viên HĐQT	0	0

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị



Tiểu ban Chính Sách Phát triển

Cơ cấu thành viên

1. Ông Đinh Việt Tùng - Chủ tịch HĐQT - Trưởng tiểu ban
2. Ông Vũ Anh Tuấn - Thành viên HĐQT - Tổng Giám Đốc
3. Ông Lê Việt Thành - Thành viên HĐQT
4. Bà Callard Stumpf Céline - Thành viên HĐQT
5. Ông Ivan Tam Kwok Wing - Thành viên HĐQT
6. Ông Nguyễn Thế Năng - Phó tổng giám đốc

Chức năng

- Đề xuất, tham mưu cho HĐQT về định hướng phát triển, mục tiêu, kế hoạch kinh doanh trong năm 2023;
- Đề xuất, giúp HĐQT trong việc đưa ra các chính sách, giải pháp cụ thể nhằm hỗ trợ thực hiện việc phát triển kinh doanh theo định hướng, chiến lược đã được ĐHCĐ thông qua và xác định các ưu tiên hoạt động cho từng giai đoạn phát triển



Tiểu ban Tổ chức nhân sự

Cơ cấu thành viên

1. Ông Đinh Việt Tùng - Chủ tịch HĐQT - Trưởng tiểu ban
2. Ông Vũ Anh Tuấn - Thành viên HĐQT - Tổng Giám Đốc
3. Ông Trần Văn Tá - Thành viên độc lập HĐQT
4. Bà Bùi Thị Thu Thanh - Thành viên HĐQT
5. Ông Ivan Tam Kwok Wing - Thành viên HĐQT
6. Bà Hồ Hồng Hạnh - Phó Giám đốc phụ trách ban Tổ chức nhân sự

Chức năng

- Tham mưu cho HĐQT về việc kiện toàn bộ máy nhân sự BĐH, nhân sự ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT, đảm bảo công tác quy trình nhân sự được thực hiện khách quan, minh bạch, tuân thủ các quy định của Bảo Minh và quy định của pháp luật.
- Tham mưu cho HĐQT về công tác mở rộng phát triển mạng lưới, phê duyệt mô hình tổ chức hoạt động của các công ty thành viên mới thành lập để các công ty sớm đi vào ổn định hoạt động kinh doanh.
- Rà soát và tư vấn cho HĐQT về kế hoạch phát triển nguồn nhân lực dài hạn, phát hiện, tuyển chọn, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ quản lý



Tiểu ban Lao Động Lương Thưởng

Cơ cấu thành viên

1. Ông Trần Văn Tá - Thành viên độc lập HĐQT - Trưởng tiểu ban
2. Ông Đinh Việt Tùng - Chủ tịch HĐQT
3. Ông Vũ Anh Tuấn - Thành viên HĐQT - Tổng Giám Đốc
4. Ông Lê Việt Thành - Thành viên HĐQT
5. Bà Hồ Hồng Hạnh - Phó Giám đốc phụ trách ban Tổ chức nhân sự

Chức năng

- Phối hợp rà soát để sửa đổi, bổ sung quy chế lương thưởng phù hợp với quy định pháp luật và nhu cầu của Tổng Công ty;
- Trình HĐQT để thực hiện việc quyết toán thù lao HĐQT, BKS và phân bổ tiền thưởng người quản lý công bằng, công khai, minh bạch, đảm bảo quyền lợi của từng thành viên HĐQT, BKS, BĐH trên cơ sở Nghị quyết đã được ĐHCĐ thông qua.
- Tham mưu đề xuất, giúp HĐQT phê duyệt kế hoạch lao động tiền lương năm 2023 để BĐH chủ động thực hiện các công việc có liên quan, chi trả lương, đảm bảo quyền lợi của người lao động theo quy định



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm

HĐQT đã thực hiện tốt công tác quản trị doanh nghiệp, đảm bảo tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế và Nghị quyết của ĐHCĐ nhằm bảo vệ lợi ích cho Bảo Minh và cổ đông. HĐQT đã tạo điều kiện thuận lợi cho BĐH chủ động trong công tác điều hành hoạt động kinh doanh nhưng vẫn đảm bảo các định hướng đề ra.

Trong năm 2023, các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp và đưa ra ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền với trách nhiệm cao, đoàn kết, hợp tác. HĐQT đã hoàn thành các nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của các cổ đông và sự phát triển bền vững của Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh.

Các thành viên HĐQT cũng đã thực hiện tốt vai trò và nhiệm vụ được giao theo phân công nhiệm

vụ của Chủ tịch HĐQT; luôn có sự phối hợp chặt chẽ, thông tin cho nhau về các vấn đề có liên quan và chủ động phối hợp xử lý công việc. HĐQT cũng đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định để Ban điều hành và bộ máy thực hiện cùng với việc kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Ban điều hành.

HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát, đảm bảo tính độc lập hoạt động của Ban Kiểm soát. HĐQT đã mời họp và gửi tài liệu họp HĐQT đến Ban Kiểm soát theo đúng quy định, tôn trọng, lắng nghe và tiếp thu ý kiến của Ban Kiểm soát tham dự cuộc họp của HĐQT.

Đối với công tác tổ chức và nhân sự, HĐQT đã thực hiện đúng trách nhiệm kiện toàn nhân sự để đáp ứng nhiệm vụ trong công tác quản trị, điều hành.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Đinh Việt Tùng	Chủ tịch HĐQT	4/4	100%
2	Ông Lê Việt Thành	Thành viên HĐQT	4/4	100%
3	Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	4/4	100%
4	Bà Bùi Thị Thu Thanh	Thành viên HĐQT	4/4	100%
5	Ông Trần Văn Tá	Thành viên HĐQT độc lập	4/4	100%
6	Ông Tam Kwok Wing	Thành viên HĐQT	4/4	100%
7	Bà Stumpf Callard Céline	Thành viên HĐQT	4/4	100%

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG
1	NQ số 0097/2023-BM/HĐQT	16-01-2023	v.v bổ nhiệm P.TGD Tổng Công ty cổ phần Bảo Minh
2	QĐ số 0098/2023-BM/HĐQT	16-01-2023	v.v bổ nhiệm cán bộ
3	QĐ số 0099/2023-BM/HĐQT	16-01-2023	v.v bổ nhiệm cán bộ
4	NQ số 0304/2023-BM/HĐQT	21-02-2023	v.v kế hoạch tổ chức ĐHCĐTN năm 2023
5	NQ số 0416/2023-BM/HĐQT	02-03-2023	v.v phê duyệt ngạch lương 02 PTGD mới bổ nhiệm.
6	NQ số 0496/2023-BM/HĐQT	10-03-2023	v.v thành lập và phê duyệt mô hình tổ chức hoạt động kinh doanh của 3 công ty thành viên;
7	QĐ số 0497/2023-BM/HĐQT	10-03-2023	v.v thành lập và phê duyệt mô hình tổ chức hoạt động kinh doanh của công ty BM Thủ Đức;
8	QĐ số 0498/2023-BM/HĐQT	10-03-2023	v.v thành lập và phê duyệt mô hình tổ chức hoạt động kinh doanh của công ty BM Nam Sài Gòn;
9	QĐ số 0499/2023-BM/HĐQT	10-03-2023	v.v thành lập và phê duyệt mô hình tổ chức hoạt động kinh doanh của công ty BM Long Biên.
10	NQ số 0672/2023-BM/HĐQT	27-03-2023	v.v các nội dung trình ĐHCĐTN năm 2023
11	NQ số 0824/2023-BM/HĐQT	11-04-2023	v.v phiên họp HĐQT thường kỳ lần thứ 35 nhiệm kỳ IV năm 2023



STT	SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG
12	NQ số 0833/2023-BM/HĐQT	12-04-2023	v.v báo cáo giao dịch với bên có liên quan năm 2022
13	NQ số 0834/2023-BM/HĐQT	12-04-2023	v.v thông qua giao dịch với bên có liên quan
14	NQ số 0868/2023-BM/HĐQT	14-04-2023	v.v miễn nhiệm PTGD TCT CP Bảo Minh
15	QĐ số 0869/2023-BM/HĐQT	14-04-2023	v.v miễn nhiệm chức danh P.TGD
16	NQ 0001/2023-BM/ĐHĐCĐ	17-04-2023	v.v Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
17	NQ số 0929/2023-BM/HĐQT	24-04-2023	v.v Quyết toán nguồn lương năm 2022 và kế hoạch lao động tiền lương năm 2023
18	NQ số 1128/2023-BM/HĐQT	23-05-2023	v.v chi trả cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt
19	NQ số 1496/2023-BM/HĐQT	30-06-2023	v.v lựa chọn công ty kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC năm 2023 của TCT CP Bảo Minh
20	NQ số 1571/2023-BM/HĐQT	12-07-2023	v.v triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022
21	NQ số 1637/2023-BM/HĐQT	20-07-2023	v.v thông qua các quy chế nội bộ của Bảo Minh
22	QĐ số 1638/2023-BM/HĐQT	20-07-2023	v.v ban hành quy chế kiểm toán nội bộ của Tổng Công ty cổ phần Bảo Minh
23	QĐ số 1639/2023-BM/HĐQT	20-07-2023	v.v ban hành quy chế tiền lương, tiền thưởng của Tổng công ty cổ phần Bảo Minh



STT	SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG
24	QĐ số 1640/2023-BM/HĐQT	20-07-2023	v.v ban hành quy chế tài chính của Tổng công ty cổ phần Bảo Minh
25	NQ số 1645/2023-BM/HĐQT	20-07-2023	v.v chủ trương bổ sung 01 PTGD và bổ nhiệm lại 01 PTGD
26	NQ số 1656/2023-BM/HĐQT	24-07-2023	v.v quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2022 và phân bổ tiền thưởng năm 2022 đối với Người quản lý
27	NQ số 1666/2023-BM/HĐQT	25-07-2023	v.v phiên họp HĐQT thường kỳ lần thứ 36 nhiệm kỳ IV (phiên họp thường kỳ lần 02 năm 2023)
28	NQ số 2132/2023-BM/HĐQT	22-09-2023	V.v công tác nhân sự Ban Điều Hành
29	QĐ số 2136/2023-BM/HĐQT	22-09-2023	V.v bổ nhiệm ông Nguyễn Thành Nam đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Bảo Minh với thời hạn 05 năm.
30	QĐ số 2139/2023-BM/HĐQT	22-09-2023	V.v bổ nhiệm lại chức danh P.TGD TCT CP Bảo Minh đối với ông Phạm Minh Tuấn.
31	NQ số 2478/2023-BM/HĐQT	31-10-2023	V.v phiên họp HĐQT thường kỳ lần thứ 03 năm 2023
32	NQ số 2526/2023-BM/HĐQT	06-11-2023	V.v ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị Tổng Công ty cổ phần Bảo Minh
33	QĐ số 2527/2023 - BM/HĐQT	06-11-2023	V.v thành lập ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị Tổng Công ty cổ phần Bảo Minh
34	NQ số 2647/2023-BM/HĐQT	20-11-2023	V.v tăng thời hạn đầu tư trái phiếu và duy trì hạn mức tiền gửi tại 04 NH có vốn Nhà nước chi phối
35	NQ số 0128/2024-BM/HĐQT	18-01-2024	V.v phiên họp HĐQT thường kỳ lần thứ 4 năm 2023



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

HĐQT Bảo Minh có 01 Thành viên độc lập HĐQT là ông Trần Văn Tá, bổ nhiệm ngày 25/04/2019 theo Nghị quyết số 2/2019-BM/ĐHCCĐ. Trong năm 2023, thành viên độc lập HĐQT đã hoàn thành nhiệm vụ được HĐQT phân công, thực hiện đầy đủ vai trò của thành viên HĐQT, Trưởng tiểu ban Lao động, lương – thưởng, thành viên Tiểu ban Tổ chức nhân sự, thực hiện công tác giám sát của HĐQT đối với toàn bộ hoạt động quản trị, điều hành của BĐH, theo dõi hoạt động của HĐQT, cho ý kiến nhằm bảo đảm HĐQT có thể đưa ra những quyết định không thiên vị, công khai, minh bạch, không gây xung đột về lợi ích giữa các cổ đông, bảo vệ được cổ đông nhỏ, tạo ra đối trọng để hài hòa lợi ích giữa các nhóm cổ đông.

Đối với công tác của tiểu ban Lao động, lương – thưởng: Thành viên độc lập HĐQT, với vai trò là Trưởng tiểu ban, đã chủ trì việc trình HĐQT để thực hiện việc quyết toán thù lao HĐQT, BKS và phân bổ tiền thưởng người quản lý công bằng, công khai, minh bạch, đảm bảo quyền lợi của từng thành viên HĐQT, BKS, BĐH trên cơ sở Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thông qua. Trong quá

trình rà soát, sửa đổi, bổ sung Quy chế tiền lương, tiền thưởng hiện hành, Thành viên độc lập HĐQT cũng rất tích cực tham gia rà soát, cho ý kiến để việc sửa đổi Quy chế sẽ là cơ sở để BĐH triển khai thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng phù hợp và cập nhật với các quy định pháp luật có liên quan.

Đối với công tác của tiểu ban Tổ chức nhân sự: Thành viên độc lập HĐQT, với tư cách là thành viên tiểu ban, đã tham gia ý kiến đầy đủ, tích cực phối hợp với các thành viên khác trong tiểu ban để tham mưu, tư vấn đề xuất cho Trưởng tiểu ban cũng như HĐQT các nội dung liên quan tới công tác nhân sự, kiện toàn bộ máy nhân sự trong BĐH, ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT.

Trong các phiên họp thường kỳ của HĐQT và các vấn đề mà BĐH trình xin ý kiến chỉ đạo của HĐQT bằng văn bản, Thành viên độc lập HĐQT cũng nghiên cứu và nhanh chóng, kịp thời đưa ra các ý kiến trao đổi, đóng góp về chiến lược, giải pháp, phương hướng thực hiện kinh doanh để BĐH nghiên cứu, tiếp thu và điều chỉnh cho phù hợp.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Hiện nay các thành viên HĐQT đang tích cực học hỏi, nghiên cứu kinh nghiệm quản trị từ các thông lệ tốt trên thị trường và Tổng Công ty luôn tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác tham gia các khóa huấn luyện, đào tạo, các buổi hội thảo, đối thoại do UBCKNN, Sở GDCK TP. Hồ Chí Minh, VSDC, và các đơn vị chuyên môn tổ chức.

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Trong năm 2023, Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh không có sự thay đổi về thành viên BKS

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Bà Lê Minh Tuyết	Phụ trách BKS	0	0%
2	Bà Phan Thị Hồng Phương	Thành viên BKS	0	0%
3	Ông Yau Chung Hun	Thành viên BKS	0	0%
4	Ông Nicolas De Nazelle	Thành viên BKS	0	0%

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trên cơ sở quyền hạn và nghĩa vụ được quy định, BKS đã thực hiện giám sát HĐQT, TGD và BĐH trong việc quản lý và điều hành Công ty, cụ thể:

- Tham dự và thảo luận tại các phiên họp của HĐQT; họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 và các cuộc họp khác của công ty.
- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2023, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành trong năm 2023;
- Giám sát các hoạt động của HĐQT, TGD và BĐH trong việc quản lý, điều hành Tổng Công ty cổ phần Bảo Minh trong năm 2023.
- Thực hiện báo cáo đánh giá về tình hình kinh doanh của TCT, tình hình công nợ và đầu tư trong 6 tháng đầu năm và đưa ra các kiến nghị để BĐH kịp thời chỉ đạo các bộ phận liên quan điều chỉnh, xây dựng các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý, điều hành tại Bảo Minh.

Qua công tác giám sát, BKS thấy rằng các thành viên HĐQT, TGD và BĐH đã có nhiều cố gắng, nỗ lực để hoàn thành tốt trách nhiệm của mình trong công tác quản trị điều hành. Đến hết năm 2023, TCT đã đạt được những kết quả như sau: tổng doanh thu của toàn hệ thống là 6.631 tỷ đồng, bằng 98,23% kế hoạch HĐQT giao, tăng trưởng 5,04% so với cùng kỳ. Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2023 là: 376,2 tỷ đồng tăng 13,5% so với cùng kỳ năm trước, đồng thời, Bảo Minh vẫn đang bám sát tiến độ kế hoạch các chỉ tiêu kinh doanh theo chiến lược kinh doanh 05 năm đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Các Nghị quyết, Quyết định trong quản trị, điều hành của HĐQT, Tổng Giám đốc ban hành phù hợp với điều kiện thực tế, đáp ứng yêu cầu về quản trị và nhu cầu phát triển kinh doanh của toàn hệ thống Bảo Minh, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ đông được thực hiện đúng và đầy đủ.





BAN KIỂM SOÁT (TIẾP THEO)

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Ban Kiểm soát với HĐQT, Ban Điều hành và những Người quản lý khác đã duy trì được mối quan hệ công tác, phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích hợp pháp, tối đa của Bảo Minh và Cổ đông, trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy định nội bộ.

Đối với các cuộc họp định kỳ hàng quý và đột xuất, HĐQT đều mời BKS, BĐH tham dự để cùng thảo luận, trao đổi, xây dựng các giải pháp để thực hiện nhiệm vụ nhằm hoàn thành các kế hoạch đã đặt ra.

Để thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, BKS thường xuyên trao đổi với các bộ phận chức năng: các Ban/Trung tâm/Ban Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ của Công ty để nắm bắt kịp thời các thông tin về việc quản trị, điều hành của HĐQT và Tổng Giám đốc.

Trong quá trình tổ chức, kiểm tra, giám sát các hoạt động về công tác quản lý điều hành và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ, kịp thời các tài liệu, thông tin liên quan theo đúng quy định tại điều lệ và các quy chế nội bộ của TCT.

Các kiến nghị của BKS đều được HĐQT, BĐH ghi nhận và tiếp thu, nghiên cứu các giải pháp để điều chỉnh kịp thời, góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý, điều hành tại Bảo Minh.

Hoạt động khác của BKS

- Trình ĐHCĐ thường niên 2023 về chủ trương lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh năm 2023, thực hiện các công việc cần thiết có liên quan để hoàn thành việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC năm 2023 của Bảo Minh.
- Thực hiện đánh giá và báo cáo về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình quản lý công nợ, tình hình đầu tư năm 2023 giai đoạn 6 tháng đầu năm 2023 và cả năm 2023 của Bảo Minh.
- Tham gia vào Báo cáo quản trị Công ty niêm yết năm 2023 của Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh.
- Phối hợp với Ban kế toán, kiểm toán độc lập rà soát, đôn đốc việc lập và hoàn thành BCTC năm 2022, báo cáo tài chính Quý năm 2023 kịp tiến độ.



Số lượng, nội dung và kết quả của các cuộc họp

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Bà Lê Minh Tuyết	Phụ trách BKS	2/2	100%
2	Bà Phan Thị Hồng Phương	Thành viên BKS	2/2	100%
3	Ông Yau Chung Hun	Thành viên BKS	2/2	100%
4	Ông Nicolas De Nazelle	Thành viên BKS	2/2	100%

Năm 2023, BKS đã tổ chức các cuộc họp và lấy ý kiến bằng văn bản đối với một số nội dung liên quan như sau:

- Thẩm định báo cáo tài chính năm 2022 và báo cáo tài chính bán niên 6 tháng 2023;
- Lựa chọn kiểm toán độc lập để kiểm toán BCTC năm 2023 của Bảo Minh trên cơ sở Nghị quyết ĐHCĐTN năm 2023;
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHCĐ), kiểm tra giám sát tình thực hiện kế hoạch kinh doanh, tình hình tài chính, biên khả năng thanh toán của Bảo Minh, chi trả cổ tức;
- Giám sát công tác quản trị và điều hành của Hội đồng quản trị và Ban điều hành đảm bảo hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ của Bảo Minh;
- Đánh giá tổng quan tình hình kinh doanh, quản lý công nợ, hoạt động đầu tư của Bảo Minh trong 06 tháng đầu năm và cả năm 2023, kết quả các cuộc kiểm tra nội bộ để đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác quản lý tài chính, công nợ, đầu tư, điều hành kinh doanh và tổ chức hạch toán kế toán và kịp thời có đề xuất, kiến nghị tới BĐH.





CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

ĐVT: đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao/thu nhập 2023
1	Ông Đinh Việt Tùng	Chủ tịch HĐQT	203.657.624
2	Ông Lê Việt Thành	Thành viên HĐQT	193.657.624
3	Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.245.063.624
4	Bà Bùi Thị Thu Thanh	Thành viên HĐQT	193.657.624
5	Ông Trần Văn Tá	Thành viên HĐQT độc lập	276.000.000
6	Ông Tam Kwok Wing	Thành viên HĐQT	193.657.624
7	Bà Stumpf Callard Céline	Thành viên HĐQT	193.657.624
8	Bà Lê Minh Tuyết	Phụ trách BKS	193.657.624
9	Bà Phan Thị Hồng Phương	Thành viên BKS	160.126.099
10	Ông Yau Chung Hun	Thành viên BKS	160.126.099

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao/thu nhập 2023
11	Ông Nicolas De Nazelle	Thành viên BKS	160.126.099
12	Ông Nguyễn Thế Năng	Phó Tổng Giám đốc	458.341.217
13	Ông Phạm Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	1.015.619.000
14	Ông Châu Quang Linh	Phó Tổng Giám đốc	838.285.000
15	Ông Châu Quang Linh	Phó Tổng Giám đốc	838.285.000
16	Ông Nguyễn Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc	990.265.946
17	Ông Nguyễn Thành Nam	Phó Tổng Giám đốc	206.180.000
18	Ông Vũ Hải Lâm	Phó Tổng Giám đốc	673.500.222
19	Ông Sái Văn Hưng	Kế toán trưởng	780.074.000



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

Không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

STT	Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch (VNĐ)
1	AXA SA Pháp	Phí nhượng tái bảo hiểm của Bảo Minh	75.626.679.787
		Hoa hồng nhượng tái	5.333.241.534
2	Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	Phí bảo hiểm gốc phát sinh	46.004.240
		Phí nhận tái bảo hiểm	7.729.162.616
3	Tổng công ty cổ phần tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam (Vinare)	Hoa hồng nhận tái bảo hiểm	1.847.263.929
		Phí nhượng tái bảo hiểm	4.712.011.380
		Hoa hồng nhượng tái	164.865.162
4	Tổng công ty Hàng không Việt Nam	Doanh thu phí bảo hiểm gốc	34.337.748.854
		Phí nhận tái bảo hiểm	102.797.480.016
5	Công ty bảo hiểm liên hiệp UIC	Hoa hồng nhận tái bảo hiểm	38.123.441.190
		Doanh thu phí bảo hiểm sức khỏe	1.044.447.136

Tôn chỉ hoạt động

Sự an toàn, hạnh phúc và thành đạt của khách hàng và xã hội là mục tiêu hoạt động của chúng tôi.





CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty



Nhìn chung, trong năm 2023, Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh đã cố gắng thực hiện đầy đủ việc tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan tới quản trị công ty. Việc quản trị của Tổng Công ty luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, Điều lệ, Quy chế nội bộ nhằm đảm bảo Tổng Công ty được vận hành trơn sẻ; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích chung của công ty nói chung và của các cổ đông nói riêng; tạo mọi điều kiện cho việc giám sát hoạt động của công ty một cách hiệu quả. Trong thời gian tới, Tổng Công ty sẽ tiếp tục rà soát và nâng cao năng lực của hệ thống quản trị, tận dụng được tối đa các nguồn lực trong công ty.

Bên cạnh đó, nhiệm vụ công bố thông tin của Tổng Công ty cho cổ đông, nhà đầu tư được công bố đúng quy định thông qua website Tổng Công ty, hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, nhằm giúp cổ đông có điều kiện theo dõi việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ phê duyệt và hiệu quả hoạt động của HĐQT. Từ đó nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn tiềm năng của thị trường, tối ưu hóa việc sử dụng nguồn vốn, tạo dựng niềm tin của nhà đầu tư đối với BMI.



06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2023

1. Ý kiến kiểm toán
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán 2023

BẢO HIỂM BẢO MINH

AN TOÀN CHO NỀN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG!



Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61169673/66974899

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh ("Tổng Công ty") được lập ngày 28 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 69, bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành của Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.



Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 39 - Dữ liệu tương ứng, trong đó Tổng Công ty mô tả việc điều chỉnh hồi tố một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 để sửa chữa sai sót liên quan đến số dư dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường (IBNR) tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3221-2020-004-1

Huỳnh Nhật Hưng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 5040-2024-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2024



Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
ngày 31 tháng 12 năm 2023

B01-DNPNT

Đơn vị: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		6.232.898.854.466	6.287.264.593.775
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	181.629.382.582	168.725.034.414
111	1. Tiền		181.629.382.582	168.725.034.414
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	3.300.020.732.076	3.281.240.047.383
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	111.417.626.165	98.535.654.971
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(42.396.894.089)	(44.295.607.588)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	3.231.000.000.000	3.227.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	938.508.327.477	738.536.245.378
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		845.819.552.192	773.041.934.916
131.1	1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm		845.819.552.192	773.041.934.916
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		3.477.669.176	4.069.611.910
135	3. Phải thu ngắn hạn khác		398.266.444.120	273.963.911.368
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(309.055.338.010)	(312.539.212.816)
140	IV. Hàng tồn kho	7	4.964.555.440	5.225.520.176
141	1. Hàng tồn kho		4.964.555.440	5.225.520.176
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		697.748.949.253	654.605.179.435
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	680.019.013.135	633.906.064.555
151.1	1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ		270.679.650.729	264.605.176.559
151.2	1.2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác		409.339.362.412	369.300.887.996
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	17	8.092.867.666	13.948.018.136
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	9.637.068.452	6.751.096.744
190	VI. Tài sản tái bảo hiểm		1.110.026.907.638	1.438.932.566.989
191	1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	20.1	503.666.140.330	455.218.380.182
192	2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	20.2	606.360.767.308	983.714.186.807



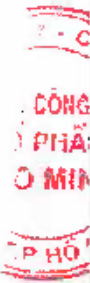
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2023

B01-DNPNT

Đơn vị: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		771.295.822.477	749.616.509.385
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	9	19.823.196.131	14.459.831.172
218	1. Phải thu dài hạn khác		19.823.196.131	14.459.831.172
218.1	1.1. Kỳ quỹ bảo hiểm		9.000.000.000	7.000.000.000
218.2	1.2. Phải thu dài hạn khác		10.823.196.131	7.459.831.172
220	II. Tài sản cố định		283.349.977.297	287.403.398.362
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	69.448.501.417	72.850.856.721
222	Nguyên giá		245.621.290.911	239.141.755.773
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(176.172.789.494)	(166.290.899.052)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	183.455.574.188	186.252.062.696
228	Nguyên giá		286.154.406.481	284.206.931.481
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(102.698.832.293)	(98.954.868.785)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	30.445.901.692	29.300.478.945
240	III. Bất động sản đầu tư	13	152.133.165.349	154.895.649.338
241	1. Nguyên giá		181.861.353.463	181.861.353.463
242	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(29.728.188.114)	(27.265.704.126)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	14	260.615.409.361	252.105.924.536
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	14.1	145.350.000.000	145.350.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	14.1	67.615.300.000	67.615.300.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(3.349.890.639)	(2.860.375.464)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	14.2	61.000.000.000	52.001.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		55.374.074.339	41.051.705.977
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	37.715.689.425	21.856.502.573
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31.3	17.658.384.914	19.195.203.404
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		7.004.194.676.943	7.036.881.103.160





Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2023

B01-DNPNT

Đơn vị: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		4.361.324.815.727	4.625.742.620.216
310	i. Nợ ngắn hạn		4.360.050.344.528	4.624.601.659.866
312	1. Phải trả cho người bán	16	821.840.071.231	879.331.850.055
312.1	1.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm		821.840.071.231	879.331.850.055
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	9.046.342.224	18.921.187.558
315	3. Phải trả người lao động		192.869.147.976	171.128.115.768
318	4. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		38.022.076.916	27.219.894.669
319.1	5. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	18	137.896.987.999	104.641.438.802
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	76.544.438.358	20.678.398.749
323	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		42.812.825.584	47.042.027.237
329	8. Dự phòng nghiệp vụ		3.041.028.454.240	3.355.738.747.028
329.1	8.1. Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	20.1	1.955.836.470.039	1.874.304.158.642
329.2	8.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	20.2	889.293.469.961	1.271.121.923.198
329.3	8.3. Dự phòng dao động lớn	20.3	195.898.514.240	210.312.665.188
330	ii. Nợ dài hạn		1.274.471.199	1.140.960.350
333	1. Phải trả dài hạn khác		1.274.471.199	1.140.960.350
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.642.869.861.216	2.411.138.482.944
410	i. Vốn chủ sở hữu	21	2.642.869.861.216	2.411.138.482.944
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.205.854.080.000	1.096.239.850.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		792.244.224.449	792.244.224.449
419	3. Quỹ dự trữ bắt buộc		120.585.408.000	109.623.985.000
420	4. Quỹ dự phòng tài chính		28.085.153.439	28.085.153.439
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		496.100.995.328	384.945.270.056
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		7.004.194.676.943	7.036.881.103.160

Ông Đoàn Tấn Phong
Người lập biểuÔng Sái Văn Hưng
Kế toán trưởngÔng Vũ Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2024



Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B02-DNPNT

PHẦN I - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
10	1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	4.720.461.657.562	4.510.394.614.092
11	2. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	13.423.084.078	12.829.479.463
12	3. Doanh thu hoạt động tài chính	412.096.396.364	311.079.148.811
13	4. Thu nhập khác	7.028.846.745	7.206.488.731
20	5. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(4.463.219.765.569)	(4.235.987.055.424)
21	6. Giá vốn bất động sản đầu tư	(6.360.139.276)	(6.706.391.242)
22	7. Chi phí hoạt động tài chính	(131.934.908.549)	(126.637.868.859)
23	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	(174.821.461.388)	(138.622.431.580)
24	9. Chi phí khác	(1.446.472.950)	(4.180.907.488)
50	10. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=10+11+12+13+20+21+22+23+24)	376.227.239.017	331.475.076.524
51	11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	(46.697.535.756)	(46.207.914.210)
52	12. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(1.536.818.490)	(4.408.670.137)
60	13. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50+51+52)	328.992.884.771	281.858.492.177
70	14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.583	2.206





Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B02-DNPNT

PHẦN II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP THEO HOẠT ĐỘNG

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
01	1. Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.1 + 01.2 + 01.3)	22	6.116.038.911.949	5.655.167.117.269
	Trong đó:			
01.1	- Phí bảo hiểm gốc	22.1	5.559.729.834.895	5.398.970.915.879
01.2	- Phí nhận tái bảo hiểm	22.2	637.842.388.451	582.396.268.018
01.3	- Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	20.1	(81.532.311.397)	(326.200.066.628)
02	2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02 = 02.1 + 02.2)	23	(1.590.539.557.988)	(1.376.676.670.858)
	Trong đó:			
02.1	- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	20.1	(1.838.987.318.146)	(1.451.944.223.252)
02.2	- Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	20.1	48.447.760.148	75.267.552.394
03	3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03 = 01 + 02)		4.525.500.353.961	4.278.490.446.411
04	4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2)	24	194.961.303.611	231.904.157.681
	Trong đó:			
04.1	- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm		192.771.069.089	230.506.334.074
04.2	- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		2.190.234.522	1.397.833.607
10	5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)		4.720.461.657.562	4.510.394.614.092
11	6. Chi bồi thường bảo hiểm (11 = 11.1 + 11.2)	25	(2.156.079.211.601)	(2.127.818.844.578)
	Trong đó:			
11.1	- Tổng chi bồi thường		(2.162.643.984.357)	(2.143.825.390.532)
11.2	- Các khoản giảm trừ (Thu đòi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)		6.564.772.756	16.008.545.976
12	7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	25.3	582.042.622.478	713.001.789.524
13	8. Giảm dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	25	381.828.453.237	812.422.939.787
14	9. Giảm dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	25	(377.353.419.499)	(634.171.807.124)
15	10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 + 12 + 13 + 14)		(1.569.561.555.385)	(1.236.565.902.389)
16	11. Giảm/(tăng) dự phòng dao động lớn	20.3	14.414.150.948	(45.294.229.608)
17	12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)	26	(2.908.072.361.132)	(2.954.126.923.427)
	Trong đó:			
17.1	- Chi hoa hồng bảo hiểm		(815.365.941.142)	(796.562.080.888)
17.2	- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(2.092.706.419.990)	(2.157.564.842.539)

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B02-DNPNT

PHẦN II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP THEO HOẠT ĐỘNG
(tiếp theo)

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
18	13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 15 + 16 + 17)		(4.463.219.765.589)	(4.235.987.055.424)
19	14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19 = 10 + 18)		257.241.891.993	274.407.558.568
20	15. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư		13.423.084.076	12.829.479.463
21	16. Giá vốn bất động sản đầu tư		(5.360.139.276)	(5.705.391.242)
22	17. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản (22 = 20 + 21)		8.062.944.802	7.124.088.221
23	18. Doanh thu hoạt động tài chính	27	412.096.396.364	311.079.148.811
24	19. Chi phí hoạt động tài chính	28	(131.934.906.549)	(125.537.868.859)
25	20. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25 = 23 + 24)		280.161.489.815	185.541.279.952
26	21. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	(174.821.461.368)	(138.622.431.580)
30	22. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19 + 22 + 25 + 26)		370.644.865.222	328.450.495.261
31	23. Thu nhập khác	30	7.028.846.745	7.205.488.731
32	24. Chi phí khác	30	(1.446.472.850)	(4.180.907.468)
40	25. Lợi nhuận khác (40 = 31 + 32)		5.582.373.795	3.024.581.263
50	26. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		376.227.239.017	331.475.076.524
51	27. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.1	(45.697.536.768)	(45.207.914.210)
52	28. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	31.3	(1.536.818.480)	(4.408.670.137)
60	29. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 + 51 + 52)		328.992.884.771	281.858.492.177
70	30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	35	2.583	2.208

Ông Đoàn Tấn Phong
Người lập biểuÔng Sái Văn Hưng
Kế toán trưởngÔng Vũ Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2024



Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B03-DNPNT

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		376.227.239.017	331.475.076.524
02	Điều chỉnh cho các khoản: Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình		17.210.642.512	17.909.084.204
03	Các khoản dự phòng		9.302.293.433	126.289.595.135
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.665.736.329)	(1.384.684.361)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư và hoạt động khác		(391.083.823.109)	(281.442.793.179)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		9.990.615.524	192.846.278.323
09	Tăng các khoản phải thu		(309.924.198.307)	(45.689.577.068)
10	Giảm hàng tồn kho		280.984.736	396.109.005
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		16.786.741.027	(32.867.584.939)
12	Tăng chi phí trả trước		(61.972.135.432)	(159.528.839.462)
13	(Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh		(12.881.971.194)	3.025.167.847
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(55.999.714.258)	(42.186.349.033)
20	Lưu chuyển tiền sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(413.739.697.904)	(84.004.795.327)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(10.694.737.458)	(1.982.046.212)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		296.108.438	22.094.274
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(3.251.000.000.000)	(3.395.140.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		3.238.001.000.000	3.309.035.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		503.366.337.977	284.574.733.660
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		479.968.708.957	196.509.781.722



Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B03-DNPNT

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	21	(54.811.992.500)	(164.435.977.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(54.811.992.500)	(164.435.977.500)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		11.417.018.553	(51.930.991.105)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		188.725.034.414	220.659.039.990
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.487.329.615	(3.014.471)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	181.529.382.582	168.725.034.414

Ông Đoàn Tấn Phong
Người lập biểuÔng Sái Văn Hưng
Kế toán trưởngÔng Võ Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2024





Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNPNT

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh ("Tổng Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10, Luật số 61/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm và Luật số 42/2019/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm, Luật sở hữu trí tuệ. Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 27GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 8 tháng 9 năm 2004 và giấy phép điều chỉnh mới nhất số 27/GPĐC14/KDBH ngày 19 tháng 2 năm 2024. Cổ phiếu của Tổng Công ty đã được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 28 tháng 11 năm 2006 và chuyển sang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 21 tháng 4 năm 2008 với mã chứng khoán là BMI.

Một số thông tin quan trọng về Tổng công ty bao gồm:

Tên doanh nghiệp:	Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh
Địa chỉ trụ sở chính:	Số 26 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Ngành nghề kinh doanh:	Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, kinh doanh tái bảo hiểm, đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.
Vốn điều lệ:	1.205.854.080.000 đồng Việt Nam
Số cổ phần đang lưu hành:	120.585.408 cổ phần

Cơ cấu vốn của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

Cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
- Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước	61.136.802	50,70%
- AXA.SA – Pháp	20.077.470	16,65%
- Công ty TNHH Firstland	6.813.076	5,66%
- Cán bộ nhân viên Bảo Minh và cổ đông khác	32.558.060	27,00%
	120.585.408	100%

Công ty liên doanh

Công ty được đầu tư	Vốn điều lệ VND	Vốn Tổng Công ty đã góp VND	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty Bảo hiểm Liên Hiệp	300.000.000.000	145.350.000.000	48,45%

Công ty Bảo hiểm Liên hiệp (gọi tắt là "UIC") là công ty liên doanh giữa Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh, Công ty Bảo hiểm Sompo Japan (thành lập tại Nhật Bản) và Công ty Bảo hiểm KB được thành lập tại Việt Nam với thời hạn hoạt động là 25 năm theo Giấy phép đầu tư số 2003/GP ngày 01 tháng 11 năm 1997 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 09GP/KDBH ngày 29 tháng 4 năm 2010 do Bộ Tài chính cấp. Trụ sở chính của UIC đặt tại số 2 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Hoạt động chính của UIC là kinh doanh các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ, thực hiện hoạt động nhân, nhượng tái bảo hiểm kinh doanh, thực hiện các dịch vụ liên quan gồm: giám định, điều tra, tính toán phân bổ tổn thất, đại lý giám định, xét giải quyết bồi thường từ bên thứ ba.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNPNT

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Mạng lưới hoạt động

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh có trụ sở chính đặt tại số số 26 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty có một (01) Hội sở chính và sáu mươi lăm (65) công ty thành viên tại các tỉnh, thành phố trên cả nước.

Nhân viên

Tổng số cán bộ công nhân viên của Tổng công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.685 người (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 1.640 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài; ban hành kèm theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính. Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tổng Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.



Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNPNT

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tổng Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

2.5 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Ban Điều hành Tổng Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Quy định mới có hiệu lực

Các chính sách kế toán của Tổng Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Ngoài ra, trong năm 2023 một số quy định mới ban hành trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm bắt đầu có hiệu lực, cụ thể như sau:

Luật số 08/2022/QH15 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2023, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 156 sẽ có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2028 về Luật Kinh doanh bảo hiểm.

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2023, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 122 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm.

Thông tư số 67/2023/TT-BTC có hiệu lực thi hành kể từ ngày 2 tháng 11 năm 2023, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 62 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 và Khoản 3 Điều 62 sẽ có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2024 về hướng dẫn một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ngày 1 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu, bao gồm các khoản phải thu liên quan đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm và các khoản phải thu khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phân ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm.



Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNPNT

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu (tiếp theo)

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì Tổng Công ty áp dụng mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực thi hành ngày 10 tháng 10 năm 2019 ("Thông tư 48"). Chi tiết tỷ lệ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.4 Tài sản cố định

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao/hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.5 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

	Số năm
Máy móc, thiết bị	08 - 15
Phương tiện vận tải	10 - 15
Thiết bị văn phòng	06 - 10
Nhà cửa	20 - 45
Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 06
Phần mềm máy tính	03 - 08
Quyền sử dụng đất có thời hạn	Theo thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Tổng Công ty không trích khấu hao liên quan đến các giá trị quyền sử dụng đất không có thời hạn theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

3.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích hoạt động kinh doanh, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và các chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán hiện hành của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNPNT

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Tổng Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của mỗi bất động sản. Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán tổng hợp sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

3.9.1 Đầu tư vào các công ty liên doanh

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên doanh sau ngày Tổng Công ty có quyền đồng kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của Tổng Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.9.2 Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán và các loại chứng khoán, công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc.

3.9.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.



Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNPNT

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

3.9.4 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư vào vốn chủ sở hữu của đơn vị khác nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát, ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi có bằng chứng khách quan về việc giảm giá lâu dài của khoản đầu tư.

3.9.5 Dự phòng giảm giá đầu tư

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập theo chính sách kế toán của Tổng Công ty phù hợp với Thông tư 48 và Thông tư 24. Cơ sở đánh giá sự giảm giá của các khoản đầu tư được trình bày như dưới đây:

Đối với chứng khoán niêm yết

Đối với các khoản đầu tư tài chính vào chứng khoán niêm yết được ghi nhận theo giá gốc, nếu xét thấy có bằng chứng khách quan về việc giảm giá thị trường so với giá gốc thì phần giảm giá được tính bằng khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá thực tế thị trường của các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm lập báo cáo tài chính tổng hợp theo công thức như sau:

$$\text{Mức dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán} = \text{Số lượng chứng khoán giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính tổng hợp} \times \left(\text{Giá chứng khoán hạch toán trên sổ kế toán} - \text{Giá chứng khoán thực tế trên thị trường tại thời điểm lập báo cáo tài chính tổng hợp} \right)$$

Đối với chứng khoán chưa niêm yết

Đối với chứng khoán chưa niêm yết, những phương pháp dưới đây được sử dụng để tính giá trị hợp lý phục vụ cho việc so sánh với giá trị ghi sổ nhằm xác định mức dự phòng:

- ▶ Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính tổng hợp do Sở Giao dịch chứng khoán công bố;
- ▶ Đối với các chứng khoán của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp bởi tối thiểu ba (3) công ty chứng khoán có quy mô lớn và uy tín trên thị trường chứng khoán.

Đối với các chứng khoán khác chưa có giá tham chiếu làm cơ sở trích lập dự phòng, Tổng Công ty xem xét sử dụng giá trị sổ sách của chứng khoán.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đối với các khoản vốn góp của Tổng Công ty vào các tổ chức kinh tế và các khoản đầu tư dài hạn khác, dự phòng được trích lập nếu tổ chức kinh tế mà Tổng Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).



Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNPNT

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

3.9.5 Dự phòng giảm giá đầu tư (tiếp theo)

Điều trị góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)

Mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức được nêu trong Thông tư 48 như sau:

$$\text{Mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư} = \text{Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (\%) của doanh nghiệp tại tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng} \times \left[\text{Vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng} - \text{Vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng} \right]$$

Dự phòng được lập khi vốn đầu tư thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế lớn hơn vốn chủ sở hữu thực của tổ chức kinh tế đó và được tính toán dựa trên báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế tại ngày lập dự phòng.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tổng Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các quỹ dự phòng nghiệp vụ

Các quỹ dự phòng nghiệp vụ bao gồm (i) dự phòng phí chưa được hưởng, (ii) dự phòng bồi thường và (iii) dự phòng dao động lớn. Việc trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được thực hiện theo các phương pháp quy định tại Thông tư 67/2023/TT-BTC ngày 2 tháng 11 năm 2023 do Bộ Tài chính ban hành ("Thông tư 67"), như sau:

a) Nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ

(i) Dự phòng phí chưa được hưởng

Áp dụng theo phương pháp hàng ngày đối với các loại nghiệp vụ bảo hiểm sau: Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại; Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường bộ, đường biển, đường thủy nội địa, đường sắt và đường hàng không; Bảo hiểm xe cơ giới (xe ô tô); Bảo hiểm cháy, nổ; Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu; Bảo hiểm trách nhiệm và Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh.

Áp dụng theo phương pháp 1/24 đối với hợp đồng tái bảo hiểm của tất cả các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ và hợp đồng bảo hiểm gốc thuộc các nghiệp vụ bảo hiểm: Bảo hiểm hàng không; Bảo hiểm xe cơ giới (xe máy); Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính; Bảo hiểm nông nghiệp; Bảo hiểm bảo lãnh.

Các khoản dự phòng phí chưa được hưởng của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm được phản ánh là nợ phải trả; Dự phòng phí chưa được hưởng nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.



Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNPNT

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các quỹ dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)

a) Nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ (tiếp theo)

(ii) Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm: dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại.

- ▶ Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết được xác định dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng khiếu nại bồi thường tuy nhiên chưa giải quyết tại thời điểm cuối năm; và
- ▶ Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường (IBNR) được trích lập như sau:

Đối với nghiệp vụ bảo hiểm xe cơ giới và nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe: áp dụng phương pháp trích lập theo công thức sau:

$$\text{Dự phòng BT cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi BT cho năm TC hiện tại} = \frac{\text{Tổng số tiền BT cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi BT của 3 năm TC trước liên tiếp}}{\text{Tổng số tiền BT phát sinh của 3 năm TC trước liên tiếp}} \times \frac{\text{Số tiền BT phát sinh của năm TC hiện tại}}{\text{Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm của năm TC hiện tại}} \times \frac{\text{Thời gian chậm yêu cầu đòi BT bình quân của năm TC hiện tại}}{\text{Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm của năm TC trước}} \times \frac{\text{Thời gian chậm yêu cầu đòi BT bình quân của năm TC trước}}{\text{Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm của năm TC trước}}$$

Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ khác, trích theo tỷ lệ 3% phí bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.

(iii) Dự phòng dao động lớn

Dự phòng dao động lớn được trích lập mỗi năm cho đến khi dự phòng đạt mức 100% phí giữ lại trong năm tài chính. Công ty áp dụng theo tỷ lệ 1% trên tổng phí bảo hiểm giữ lại theo từng nghiệp vụ bảo hiểm.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán ("CMKT") mới, bao gồm CMKT số 19 về Hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, kể từ tháng 1 năm 2006, việc trích lập dự phòng dao động lớn là không cần thiết do dự phòng này phản ánh "các yêu cầu đòi bồi thường không tồn tại tại thời điểm lập báo cáo tài chính". Tuy nhiên, do Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn cụ thể việc áp dụng CMKT số 19 và theo quy định tại Nghị định số 46/2023/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 1 tháng 7 năm 2023 ("Nghị định 46") về việc quy định chế độ tài chính đối với các doanh nghiệp bảo hiểm, Tổng Công ty hiện vẫn trích lập dự phòng dao động lớn trên báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Tỷ lệ trích lập hiện tại là 1% trên tổng phí bảo hiểm giữ lại theo từng nghiệp vụ bảo hiểm.



Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNPNT

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các quỹ dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)

b) Nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe

(i) Dự phòng toán học

- ▶ Đối với hợp đồng bảo hiểm, tài bảo hiểm sức khỏe có thời hạn trên 1 năm, trừ các hợp đồng chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn, dự phòng toán học được trích lập theo phương pháp 1/24. Trong mọi trường hợp Tổng Công ty đảm bảo kết quả trích lập dự phòng không thấp hơn kết quả trích lập theo phương pháp 1/8; và
- ▶ Đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn, dự phòng toán học được trích lập theo phương pháp phi thuận và cơ sở trích lập cho bảo hiểm nhân thọ từ kỳ của Thông tư 67.

(ii) Dự phòng phí chưa được hưởng

Đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe có thời hạn từ 1 năm trở xuống, dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo phương pháp 1/24.

(iii) Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại.

- ▶ Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết được xác định dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng khiếu nại bồi thường tuy nhiên chưa giải quyết tại thời điểm cuối năm; và
- ▶ Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại (IBNR) được trích lập như sau:

Dự phòng BT cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi BT cho năm TC hiện tại	=	Tổng số tiền BT cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi BT của 3 năm TC trước liên tiếp	x	Số tiền BT phát sinh của năm TC hiện tại	x	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm của năm TC hiện tại	x	Thời gian chậm yêu cầu đòi BT bình quân của năm TC hiện tại
		Tổng số tiền BT phát sinh của 3 năm TC trước liên tiếp		Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm của năm TC trước		Thời gian chậm yêu cầu đòi BT bình quân của năm TC trước		

(iv) Dự phòng đảm bảo cân đối

Mức trích lập hàng năm là 1% phí bảo hiểm giữ lại theo từng nghiệp vụ bảo hiểm.



Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNPNT

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.13 Phân phối lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được các cấp có thẩm quyền/Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ và chi trả thù lao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổng Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- ▶ Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Tổng Công ty. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập bằng 5% trên lợi nhuận sau thuế hàng năm, và số dư tối đa là 10% vốn điều lệ theo Nghị định 46; và
- ▶ Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán tổng hợp.



Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNPNT

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

(i) Doanh thu bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư 67 hướng dẫn chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.

Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận dựa trên tính hiệu lực của các hợp đồng bảo hiểm (khi rủi ro được bảo hiểm) và khi đáp ứng được những điều kiện sau:

- (1) hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm và bên mua bảo hiểm, đồng thời bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm; hoặc
- (2) có bằng chứng về việc hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm; hoặc
- (3) hợp đồng bảo hiểm được giao kết và doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm có thỏa thuận với bên mua bảo hiểm về thời hạn thanh toán phí bảo hiểm thì doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm vẫn phải hạch toán vào doanh thu khoản phí bảo hiểm phải đóng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm mặc dù bên mua bảo hiểm chưa đóng phí bảo hiểm. Thời hạn thanh toán phí bảo hiểm không quá 30 ngày kể từ ngày hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực. Trường hợp đóng phí bảo hiểm theo kỳ, Công ty hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm của kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên khi hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực và chỉ hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm của các kỳ đóng phí bảo hiểm tiếp theo khi bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm. Trường hợp bên mua bảo hiểm không đóng đủ phí bảo hiểm theo thời hạn thanh toán phí bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm sẽ tự chấm dứt hiệu lực khi hết thời hạn thanh toán phí bảo hiểm.

Phí bảo hiểm nhận trước khi chưa đến hạn tại ngày cuối năm tài chính được ghi nhận vào "Doanh thu chưa thực hiện" trên bảng cân đối kế toán tổng hợp.

(ii) Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm

Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

(iii) Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm

Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở dồn tích và dựa trên doanh thu nhượng tái bảo hiểm.

(iv) Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

(v) Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức bằng tiền của Tổng Công ty được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thường nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Tổng Công ty mà chỉ được cập nhật số lượng cổ phiếu trên danh mục đầu tư của Tổng Công ty.

(vi) Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.



Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNPNT

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận chi phí

(i) Chi phí bồi thường

Chi phí bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Đối với những hồ sơ bồi thường chưa được phê duyệt bởi người có thẩm quyền thì sẽ được ghi nhận như các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa giải quyết.

(ii) Chi phí hoa hồng

Chi phí hoa hồng chỉ được ghi nhận khi phát sinh. Chi phí hoa hồng được tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc thực thu trong kỳ kế toán năm và được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp. Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính theo tỷ lệ nhất định phù hợp với Thông tư 67. Cuối kỳ kế toán năm, khoản hoa hồng bảo hiểm chưa được tính vào chi phí kỳ này tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm chưa được hưởng phải được xác định để chuyển sang phân bổ vào các năm tài chính sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm đã đăng ký với Bộ Tài chính.

(iii) Các chi phí quản lý doanh nghiệp khác

Các chi phí quản lý doanh nghiệp khác được ghi nhận khi phát sinh.

(iv) Chi phí thuê hoạt động

Chi phí thuê hoạt động được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê của hợp đồng.

3.16 Ghi nhận hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm

(i) Nhượng tái bảo hiểm

- ▶ Phí nhượng tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi các thỏa thuận này đã được ghi nhận;
- ▶ Phí nhượng tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi hợp đồng này đã được ghi nhận;
- ▶ Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về nghĩa vụ của bên nhận tái bảo hiểm; và
- ▶ Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính tổng hợp, doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm trong phạm vi các hợp đồng tái bảo hiểm cố định được ghi nhận theo bảng thanh toán đối chiếu với công ty nhận tái bảo hiểm.

Cuối năm tài chính, khoản hoa hồng bảo hiểm chưa được tính vào doanh thu kỳ này tương ứng với doanh thu phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng phải được xác định để chuyển sang phân bổ vào các năm tài chính sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm.



Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNPNT

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Ghi nhận hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm (tiếp theo)

(ii) Nhận tái bảo hiểm

Nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định

- ▶ Thu nhập và chi phí liên quan đến các hoạt động nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi nhận được các bằng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính tổng hợp, doanh thu và chi phí liên quan đến những giao dịch nằm trong phạm vi của các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định nhưng chưa nhận được bằng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm sẽ được ước tính dựa trên số liệu thống kê và số liệu ước tính của Tổng Công ty.

Nhận tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời

- ▶ Thu nhập phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và đã nhận được bằng kê thanh toán (đối với từng thỏa thuận tái bảo hiểm tạm thời) từ công ty nhượng tái bảo hiểm;
- ▶ Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh nghĩa vụ bồi thường theo cam kết và nhận được bằng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm; và
- ▶ Hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi chấp nhận thỏa thuận nhận tái bảo hiểm và nhận được bằng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm. Cuối năm tài chính, doanh nghiệp phải xác định khoản chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm chưa được tính chi phí kỳ này tương ứng với phí bảo hiểm nhận tái chưa được hưởng để chuyển sang phân bổ vào các năm tài chính sau.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này cho mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.



Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNPNT

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trong yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính tổng hợp, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Tổng Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.



Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNPNT

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Tài sản tài chính (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính tổng hợp, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Tổng Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay và các công cụ tài chính phái sinh.

Công cụ tài chính – Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo giá gốc.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán tổng hợp nếu, và chỉ nếu, Tổng Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.19 Sử dụng các ước tính

Để lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Điều hành phải thực hiện một số ước tính và sử dụng một số giả định. Các ước tính và giả định này có ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả và việc trình bày những khoản công nợ tiềm ẩn cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả trích lập dự phòng. Các ước tính này chủ yếu được dựa trên các giả định, các đánh giá định tính và về các rủi ro chưa xác định nên có thể sẽ rất khác so với kết quả thực tế.

3.20 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.



Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNPNT

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	5.935.984.888	6.829.579.841
Trong đó: VND	5.935.984.888	6.829.579.841
Tiền gửi ngân hàng	175.601.229.209	161.895.454.573
Trong đó: VND	154.007.074.688	155.506.676.976
Ngoại tệ	21.594.154.521	6.388.777.597
Tiền đang chuyển	92.166.485	-
	181.629.382.582	168.725.034.414

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
		Số cuối năm	Số đầu năm
Chứng khoán kinh doanh	5.1		
Cổ phiếu		111.417.626.165	98.535.654.971
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(42.396.894.089)	(44.295.607.588)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.2		
Tiền gửi		3.349.445.125.210	3.355.445.125.210
Trái phiếu		127.172.887.595	127.172.887.595
Chứng chỉ tiền gửi		10.000.000.000	-
		3.486.618.012.805	3.482.618.012.805
Dự phòng đầu tư ngắn hạn khác		(255.618.012.805)	(255.618.012.805)
Giá trị thuần của các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		3.300.020.732.076	3.281.240.047.383



Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNPNT

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

5.1 Chứng khoán kinh doanh

Sản giao dịch	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị: VND
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	
NOS	20.000.000.000	1.734.000.000	20.000.000.000	2.166.000.000	(17.834.000.000)
TCB	17.214.028.508	15.477.060.000	(1.736.968.508)	12.581.195.000	(4.632.833.506)
VNM	9.951.200.000	7.279.200.000	(2.672.000.000)	8.218.800.000	(1.732.400.000)
TCO	9.878.810.000	3.416.200.000	(6.462.610.000)	2.869.000.000	(7.009.810.000)
DGI	9.683.360.000	1.294.250.000	(8.389.110.000)	1.798.250.000	(7.885.110.000)
NCT	9.663.698.000	8.619.786.000	(1.043.912.000)	8.326.596.000	(1.337.102.000)
CTG	9.532.000.000	9.296.557.576	(235.442.424)	9.532.000.000	(1.166.250.000)
CLX	8.045.580.000	6.466.306.000	(1.579.274.000)	-	-
ITD	5.959.970.000	4.831.400.000	(1.128.570.000)	-	-
HDB	3.530.500.000	3.530.500.000	-	3.530.500.000	(938.625.000)
HHV	2.677.750.000	2.066.437.500	(611.312.500)	2.410.250.000	(1.468.250.000)
HDM	2.238.190.909	2.129.250.000	(108.940.909)	-	-
CII	1.701.000.000	1.701.000.000	-	-	-
NTP	827.538.750	664.785.000	(162.753.750)	903.000	(1.484.394)
Địa ốc 9	514.000.000	514.000.000	-	514.000.000	(288.978.750)
IMP	-	-	-	5.319.588.709	-
GMD	-	-	-	2.022.126	-
VPB	-	-	-	1.897.526	-
LPB	-	-	-	1.570.694	-
STG	-	-	-	1.077.369	(522.694)
PTB	-	-	-	884.598	(214.193)
MBB	-	-	-	577.866	-
TCL	-	-	-	172.486	-
POW	-	-	-	90.952	(27.051)
	111.417.626.165	69.020.732.076	(42.396.894.089)	98.535.654.971	(44.295.607.588)

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNPNT

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị: VND
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	3.349.445.125.210	3.171.000.000.000	(178.445.125.210)	3.365.445.125.210	(178.445.125.210)
Trái phiếu doanh nghiệp	127.172.887.595	50.000.000.000	(77.172.887.595)	127.172.887.595	(77.172.887.595)
- Sông Đà Thăng Long (ii)	8.763.407.588	-	(8.763.407.588)	8.763.407.588	(8.763.407.588)
- Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam (Vinasin) (ii)	68.409.480.007	-	(68.409.480.007)	68.409.480.007	(68.409.480.007)
- Ngân hàng Quân đội (MBBank) (iii)	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-	-
- Ngân hàng Quốc tế Việt Nam (VIB)	10.000.000.000	10.000.000.000	-	50.000.000.000	-
Chứng chỉ tiền gửi (iv)	-	-	-	-	-
	3.486.618.012.805	3.231.000.000.000	(255.618.012.805)	3.482.618.012.805	(255.618.012.805)

(i) Tiền gửi có kỳ hạn thể hiện tiền gửi tại các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng với thời hạn từ 3 tháng trở lên, có thời hạn còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 dưới 12 tháng và được hưởng lãi suất từ 4,5%/năm đến 8,9%/năm. Dự phòng phải thu liên quan kỳ hạn 178 tỷ đồng là khoản dự phòng cho toàn bộ khoản tiền gửi quá hạn tại Công ty Cho thuê Tài chính 2 (ALC2).

(ii) Trái phiếu Sông Đà Thăng Long và Vinasin đã quá hạn và các tổ chức này mất khả năng thanh toán. Tổng Công ty đã trích lập 100% dự phòng cho các khoản đầu tư này theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC.

(iii) Trái phiếu Ngân hàng Quân đội (MBBank) có thời hạn còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 dưới 12 tháng và được hưởng lãi suất từ 7,3%/năm đến 8,2%/năm.

(iv) Chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng với thời hạn từ 3 tháng trở lên, có thời hạn còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 dưới 12 tháng và được hưởng lãi suất 11,5%/năm.



Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNPNT

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	Đơn vị: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	845.819.552.192	773.041.934.916
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	272.429.279.205	254.420.097.904
Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	284.713.731.333	239.105.045.874
Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm	276.240.600.671	271.587.158.290
Phải thu đồng bảo hiểm	1.647.505.109	772.733.148
Phải thu khác hoạt động bảo hiểm	10.788.435.874	7.176.899.700
Trả trước cho người bán ngắn hạn	3.477.669.175	4.069.611.910
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	398.266.444.120	273.963.911.368
Phải thu về lãi đầu tư	270.160.459.196	157.581.835.889
Phải thu ngắn hạn khác	128.106.984.924	116.382.075.479
	1.247.563.665.487	1.051.075.458.194
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(309.055.338.010)	(312.539.212.818)
Dự phòng phải thu liên quan đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(234.734.379.467)	(238.218.254.273)
Dự phòng phải thu hoạt động đầu tư	(74.320.958.543)	(74.320.958.543)
Phải thu ngắn hạn thuần	938.508.327.477	738.536.245.378

7. HÀNG TỒN KHO

	Đơn vị: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ấn chỉ	4.640.849.624	4.942.628.637
Vật liệu và văn phòng phẩm	323.705.816	282.891.539
	4.964.555.440	5.225.520.176



Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNPNT

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Đơn vị: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	270.679.650.723	264.805.176.559
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	409.338.362.412	369.300.887.996
- Công cụ, dụng cụ và thiết bị	7.824.898	9.643.061
- Chi phí khai thác	398.534.875.589	367.427.477.670
- Chi phí trả trước khác	10.796.661.925	1.863.767.245
	680.019.013.135	633.906.064.555

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN

	Đơn vị: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Kỳ quỹ bảo hiểm bắt buộc (*)	9.000.000.000	7.000.000.000
Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn khác	10.424.565.994	7.458.516.104
Phải thu về lãi dự thu	398.630.137	1.315.068
	19.823.196.131	14.459.831.172

(*) Tổng Công ty thực hiện duy trì ký quỹ bảo hiểm bắt buộc đáp ứng mức tối thiểu tương ứng với 2% vốn điều lệ tối thiểu theo quy định trong Nghị định 48/2023/NĐ-CP.



Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNPNT

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Nhà cửa	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	721.085.009	73.024.403.351	19.666.507.260	138.846.878.021	6.882.882.132	239.141.755.773
Mua mới	-	3.063.263.663	241.905.980	-	319.616.182	3.644.785.805
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	3.961.559.517	-	3.961.559.517
Thanh lý, nhượng bán	(75.279.054)	(442.731.787)	(608.799.343)	-	-	(1.126.810.184)
Số cuối năm	645.805.955	75.664.935.227	19.299.613.877	142.808.437.538	7.202.498.314	245.621.290.911
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	-	19.162.331.645	17.304.374.198	15.401.432.413	3.872.290.029	55.740.428.285
Giá trị khấu hao lũy kế						
Số đầu năm	155.624.350	49.840.018.517	18.894.833.424	91.343.278.399	6.057.144.352	165.290.899.052
Khấu hao trong năm	54.293.183	5.144.354.731	206.009.172	5.128.486.952	471.050.977	11.004.195.015
Thanh lý, nhượng bán	(70.773.443)	(442.731.787)	(608.799.343)	-	-	(1.122.304.573)
Số cuối năm	139.144.090	54.541.641.461	18.492.043.263	96.471.765.351	6.528.195.329	176.172.789.494
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	565.460.659	23.184.384.834	771.673.826	47.503.599.622	825.737.780	72.850.856.721
Số cuối năm	506.661.865	21.123.293.766	807.570.614	46.336.672.187	674.302.985	89.448.501.417

Đơn vị: VND

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNPNT

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	90.040.768.187	194.166.163.294	284.206.931.481
Mua mới	1.947.475.000	-	1.947.475.000
Số cuối năm	91.988.243.187	194.166.163.294	286.154.406.481
Trong đó:			
Đã khấu hao hết	75.529.685.347	3.272.648.000	78.802.333.347
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	81.551.195.982	17.403.672.803	98.954.868.785
Hao mòn trong năm	1.927.784.575	1.816.178.933	3.743.963.508
Số cuối năm	83.478.980.557	19.219.851.736	102.698.832.293
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	8.489.572.205	176.762.490.491	185.252.062.696
Số cuối năm	8.509.262.630	174.946.311.558	183.455.574.188

Đơn vị: VND

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
Xây dựng cơ bản dở dang	18.189.501.759	22.824.124.009
Mua sắm tài sản cố định	84.324.182	84.324.182
Sửa chữa lớn tài sản cố định	12.172.075.751	6.392.030.754
30.445.901.692	29.300.478.945	

Đơn vị: VND



Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNPNT

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Đơn vị: VND		
	Nhà cửa vật kiến trúc	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	80.790.163.699	101.071.189.764	181.861.353.463
Số cuối năm	80.790.163.699	101.071.189.764	181.861.353.463
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết	8.505.821.827	6.038.389.764	14.544.211.591
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	27.265.704.125	-	27.265.704.125
Khấu hao trong năm	2.462.483.989	-	2.462.483.989
Số cuối năm	29.728.188.114	-	29.728.188.114
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	53.524.459.574	101.071.189.764	154.595.649.338
Số cuối năm	51.061.975.585	101.071.189.764	152.133.165.349

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Đơn vị: VND		
	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	14.1	145.350.000.000	145.350.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	14.1	57.615.300.000	57.615.300.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	14.1	(3.349.890.639)	(2.860.375.464)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	14.2	61.000.000.000	52.001.000.000
- Trái phiếu doanh nghiệp		50.000.000.000	51.701.000.000
- Chứng chỉ tiền gửi		11.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn		-	300.000.000
		260.615.409.361	252.105.924.536

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNPNT

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1. Đầu tư góp vốn vào các đơn vị

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (*)	145.350.000.000	-	145.350.000.000	145.350.000.000
Đầu tư vào đơn vị khác	57.615.300.000	(3.349.890.639)	54.265.409.361	54.754.924.536
Công ty CP Khách sạn Hà Long	6.000.000.000	-	6.000.000.000	5.887.204.435
Công ty CP Khách sạn Sài Gòn Kim Liên	7.618.100.000	(3.349.890.639)	4.268.209.361	4.870.520.101
Tổng công ty CP Tài bảo hiểm Quốc Gia Việt Nam (Vinares)	43.218.000.000	-	43.218.000.000	43.218.000.000
Công ty CP Xi măng Hà Tiền	779.200.000	-	779.200.000	779.200.000

(*) Đây là khoản đầu tư vào Công ty Bảo hiểm Liên hiệp (gọi tắt là "LIC"). LIC được thành lập tại Việt Nam theo hình thức công ty liên doanh giữa Tổng Công ty, Công ty Bảo hiểm Sompo Japan (Thành lập tại Nhật Bản) và Công ty Bảo hiểm KB với thời hạn hoạt động là 25 năm theo Giấy phép đầu tư số 2003/GP ngày 01 tháng 11 năm 1997 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và giấy phép điều chỉnh, gần nhất số 09GP/KDBH ngày 29 tháng 4 năm 2010 do Bộ Tài chính cấp. Tổng Công ty sở hữu 48,45% vốn điều lệ.

14.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Kỳ hạn Năm	Lãi suất %/năm	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Trái phiếu doanh nghiệp	5,0	6,7	50.000.000.000	51.701.000.000
Chứng chỉ tiền gửi	1,5	7,5	11.000.000.000	300.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	-	62.001.000.000
			61.000.000.000	62.001.000.000



Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNPNT

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, chi phí thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

	Đơn vị: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê văn phòng, thuê đất	22.276.866.213	14.847.743.479
Chi phí khai thác	8.222.106.619	185.575.355
Chi phí công cụ, dụng cụ	3.423.740.746	3.429.419.321
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.792.975.847	3.393.764.418
	37.715.689.425	21.856.502.573

16. PHẢI TRẢ VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

	Đơn vị: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả bồi thường bảo hiểm gốc	25.520.997.755	25.632.006.526
Phải trả hoạt động nhận tái	203.390.280.132	211.906.003.875
Phải trả hoạt động nhượng tái bảo hiểm	384.288.148.911	446.782.127.507
Phải trả đồng bảo hiểm	10.676.396.377	54.544.631.278
Phải trả khác hoạt động bảo hiểm gốc	133.285.665.122	89.088.260.110
Phải trả hoa hồng bảo hiểm	64.678.592.934	51.378.820.759
	821.840.071.231	879.331.860.056

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đơn vị: VND			
	Số đầu năm	Phát sinh trong năm		Số cuối năm
		Số phải nộp	Số đã nộp	
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	(13.948.018.136)	204.640.373.615	(198.785.223.145)	(8.092.887.666)
Thuế thu nhập cá nhân	(2.461.494.616)	14.516.397.625	(17.332.505.609)	(5.277.602.600)
Thuế khác	(4.289.602.128)	331.066.212	(400.928.936)	(4.359.455.852)
	(20.699.114.880)	219.487.836.452	(216.518.657.690)	(17.729.936.118)
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.486.665.443	45.697.535.756	(55.999.714.258)	4.184.486.941
Thuế thu nhập cá nhân của đại lý bảo hiểm	3.514.511.487	8.435.143.542	(8.018.059.249)	3.931.595.780
Thuế nhà thầu	746.826.516	1.963.316.475	(1.853.067.600)	857.075.391
Thuế khác	73.184.112	783.331.275	(783.331.275)	73.184.112
	18.821.187.558	56.879.327.048	(66.654.172.382)	9.046.342.224

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNPNT

18. DOANH THU HOA HỒNG CHƯA ĐƯỢC HƯỞNG

	Đơn vị: VND			
	Số đầu năm	Phát sinh trong năm	Phân bổ trong năm	Số cuối năm
Doanh thu hoa hồng nhượng tái chưa được hưởng	104.641.438.802	226.016.618.286	(192.771.069.089)	137.886.987.999

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Các khoản phải trả, phải nộp khác bao gồm phải trả bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, quỹ cháy nổ bắt buộc, nhận ký quỹ ký cược và các khoản phải trả khác cho người bán.



Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNPNT

20. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)		Đơn vị: VND
	Dự phòng BH gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng BH gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	
Dự phòng phí chưa được hưởng	1.955.836.470.039	(503.666.140.330)	1.452.170.329.709	(455.218.380.182)	1.419.085.778.460
Dự phòng bồi thường	889.293.469.961	(606.360.767.308)	1.271.121.923.198	(983.714.186.807)	287.407.736.391
	2.845.129.940.000	(1.110.026.907.638)	3.145.426.081.840	(1.438.932.566.989)	1.706.493.514.851

20.1 Dự phòng phi bảo hiểm

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị: VND
	Dự phòng BH gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng BH gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	
Số đầu năm	1.874.304.158.642	(455.218.380.182)	1.548.104.092.014	(379.960.827.788)	1.168.153.264.226
Thay đổi trong năm	81.532.311.397	(48.447.760.148)	326.200.066.628	(75.267.552.894)	250.932.514.234
Số cuối năm	1.955.836.470.039	(503.666.140.330)	1.874.304.158.642	(455.218.380.182)	1.419.085.778.460

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNPNT

20. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ (tiếp theo)

20.2 Dự phòng bồi thường bảo hiểm

	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)		Đơn vị: VND
	Dự phòng BH gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng BH gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	
Số đầu năm	1.271.121.923.198	(983.714.186.807)	2.083.544.882.985	(1.617.885.993.931)	465.658.889.054
Thay đổi trong năm	(381.828.453.237)	377.353.419.489	(812.422.939.787)	634.171.807.124	(178.251.152.663)
Số cuối năm	889.293.469.961	(606.360.767.308)	1.271.121.923.198	(983.714.186.807)	287.407.736.391

Dự phòng bồi thường cho các tổn thất chưa giải quyết tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2023 được trích lập dựa trên mức ước tính tổn thất cho từng vụ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo hoặc yêu cầu thanh toán nhưng chưa được giải quyết tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2023. Khoản dự phòng này được trích ở mức 787.021.924.018 VND tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023. Trong đó, phần trách nhiệm bảo hiểm có thể thu hồi được từ các công ty nhân tái bảo hiểm liên quan đến các vụ tổn thất lớn nêu trên ước tính là 557.433.322.201 VND.

Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023. Khoản dự phòng này được ước tính vào khoảng 53.344.100.836 VND tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023.

20.3 Dự phòng dao động lớn

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị: VND
	Trích lập thêm trong năm	Sử dụng trong năm	Trích lập thêm trong năm	Sử dụng trong năm	
Số đầu năm	210.312.665.188	165.018.435.580	210.312.665.188	165.018.435.580	
Trích lập thêm trong năm	45.586.849.052	45.294.229.608	45.586.849.052	45.294.229.608	
Sử dụng trong năm	(60.000.000.000)	-	(60.000.000.000)	-	
Số cuối năm	195.898.514.240	210.312.665.188	195.898.514.240	210.312.665.188	





Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNPNT

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm trước	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Trình bày lại)		Quỹ dự trữ bắt buộc hoạt động bảo hiểm	Tổng cộng (Trình bày lại)
	1.096.239.850.000	792.244.224.449	28.085.153.439	314.578.973.341	104.108.119.199	2.335.356.320.428	
Phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi, thù lao HĐQT, Ban kiểm soát 2022	-	-	-	(41.640.352.161)	-	(41.640.352.161)	
Cổ tức đã trả	-	-	-	(164.435.977.500)	-	(164.435.977.500)	
Lợi nhuận chưa phân phối trong năm	-	-	-	281.858.492.177	-	281.858.492.177	
Trích quỹ dự trữ bắt buộc	-	-	-	(5.515.865.801)	5.515.865.801	-	
Số cuối năm	1.096.239.850.000	792.244.224.449	28.085.153.439	384.945.270.056	109.623.985.000	2.411.138.482.944	
Năm nay							
Số đầu năm	1.096.239.850.000	792.244.224.449	28.085.153.439	384.945.270.056	109.623.985.000	2.411.138.482.944	
Tăng vốn từ chia cổ tức bằng cổ phiếu (*)	109.614.230.000	-	-	(109.614.230.000)	-	-	
Phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi, thù lao HĐQT, Ban kiểm soát 2023	-	-	-	(42.449.513.999)	-	(42.449.513.999)	
Cổ tức đã trả	-	-	-	(54.811.992.500)	-	(54.811.992.500)	
Lợi nhuận chưa phân phối trong năm	-	-	-	328.992.884.771	-	328.992.884.771	
Trích quỹ dự trữ bắt buộc	-	-	-	(10.961.423.000)	10.961.423.000	-	
Số cuối năm	1.205.854.080.000	792.244.224.449	28.085.153.439	496.100.995.328	120.585.408.000	2.642.869.861.216	

(*) Ngày 12 tháng 7 năm 2023, Hội đồng Quản trị thông qua Nghị quyết số 157/12/2023-BM/HĐQT về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022 từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với tỷ lệ thực hiện 10% tính trên vốn điều lệ 1.096.239.850.000 đồng. Ngày 20 tháng 10 năm 2023, Tổng Công ty đã hoàn thành việc phát hành thêm 10.961.423 cổ phiếu, tương ứng tăng vốn cổ phần thêm 109.614.230.000 đồng Việt Nam.



Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNPNT

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.1 Tình hình cổ phiếu lưu hành của Tổng Công ty

Chi tiết cổ phiếu của Tổng Công ty như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Cổ phiếu	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được duyệt	120.585.408	109.623.985
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	120.585.408	109.623.985
- Cổ phiếu phổ thông	120.585.408	109.623.985
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	120.585.408	109.623.985
- Cổ phiếu phổ thông	120.585.408	109.623.985

21.2 Cổ tức

Ngày 17 tháng 4 năm 2023, Tổng Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 và thông qua tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền mặt cho năm tài chính 2022 là 5% (500 đồng/cổ phiếu) tính trên vốn điều lệ 1.096.239.850.000 đồng tương đương với số tiền 54.811.992.500 đồng.

Ngày 12 tháng 7 năm 2023, Hội đồng Quản trị thông qua Nghị quyết số 157/12/2023-BM/HĐQT về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022 từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với tỷ lệ thực hiện 10% tính trên vốn điều lệ 1.096.239.850.000 đồng. Ngày 20 tháng 10 năm 2023, Tổng Công ty đã hoàn thành việc phát hành thêm 10.961.423 cổ phiếu, tương ứng tăng vốn cổ phần thêm 109.614.230.000 đồng Việt Nam.



Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNPNT

22. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM

	Đơn vị: VND	
	Năm nay	Năm trước
Phí bảo hiểm gốc	5.570.013.291.323	5.406.783.114.188
Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc	(10.283.456.428)	(7.812.198.309)
Doanh thu phí bảo hiểm gốc thuần	5.559.729.834.895	5.398.970.915.879
Phí nhận tái bảo hiểm góp	640.135.640.964	583.090.832.613
Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm	(2.293.252.513)	(694.564.595)
Phí nhận tái bảo hiểm thuần	637.842.388.451	582.396.268.018
Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(81.532.311.397)	(326.200.066.628)
6.116.039.911.949	5.665.167.117.269	

22.1 Doanh thu phí bảo hiểm gốc

Loại hình bảo hiểm	Đơn vị: VND	
	Năm nay	Năm trước
Bảo hiểm Cháy nổ	1.175.724.811.938	1.124.651.371.863
Bảo hiểm Sức khỏe	2.080.937.239.887	2.160.601.246.823
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển	176.372.021.430	174.516.573.894
Bảo hiểm Hàng không	86.997.751.385	38.013.810.787
Bảo hiểm Kỹ thuật	215.402.541.310	182.558.039.847
Bảo hiểm Nông nghiệp	1.595.346.096	797.322.639
Bảo hiểm Tàu	147.317.695.376	144.223.020.724
Bảo hiểm Thiệt hại kinh doanh	117.247.332.051	103.875.750.713
Bảo hiểm Tín dụng	608.942.725.172	527.868.614.091
Bảo hiểm Trách nhiệm	88.809.602.089	78.848.987.397
Bảo hiểm Xe cơ giới	861.382.768.161	863.016.177.101
5.559.729.834.895	5.398.970.915.879	



Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNPNT

22. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM (tiếp theo)

22.2 Phí nhận tái bảo hiểm

Loại hình bảo hiểm	Đơn vị: VND	
	Năm nay	Năm trước
Bảo hiểm Cháy nổ	434.715.963.760	345.516.129.019
Bảo hiểm Sức khỏe	16.537.331.218	17.177.830.865
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển	41.713.751.907	46.665.049.244
Bảo hiểm Hàng không	55.748.935.398	73.739.901.188
Bảo hiểm Kỹ thuật	53.489.711.317	53.736.511.135
Bảo hiểm Nông nghiệp	3.001.808.915	550.898.772
Bảo hiểm Tàu	17.717.875.240	18.433.272.271
Bảo hiểm Trách nhiệm	13.337.289.428	24.527.042.048
Bảo hiểm Xe cơ giới	1.579.721.270	2.049.633.476
637.842.388.451	582.396.268.018	

23. PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	Đơn vị: VND	
	Năm nay	Năm trước
Phí nhượng tái bảo hiểm	1.638.987.318.146	1.451.944.223.252
Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	(48.447.760.148)	(75.267.552.394)
1.590.539.557.998	1.376.676.670.858	

23.1 Phí nhượng tái bảo hiểm

Loại hình bảo hiểm	Đơn vị: VND	
	Năm nay	Năm trước
Bảo hiểm Cháy nổ	963.899.217.545	897.910.207.997
Bảo hiểm Sức khỏe	7.762.310.545	4.584.104.503
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển	90.413.249.410	82.370.623.198
Bảo hiểm Hàng không	88.342.324.842	41.420.238.645
Bảo hiểm Kỹ thuật	148.373.430.740	130.431.353.848
Bảo hiểm Nông nghiệp	671.169.029	757.811.419
Bảo hiểm Tàu	65.432.956.134	93.131.988.927
Bảo hiểm Thiệt hại kinh doanh	113.560.362.283	97.073.403.389
Bảo hiểm Tín dụng	65.386.511.070	53.901.226.648
Bảo hiểm Trách nhiệm	74.628.182.462	50.181.732.459
Bảo hiểm Xe cơ giới	517.604.086	181.532.219
1.638.987.318.146	1.451.944.223.252	



Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNPNT

24. HOA HỒNG NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM VÀ DOANH THU KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

	Đơn vị: VND	
	Năm nay	Năm trước
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	192.771.069.089	230.506.334.074
Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	2.190.234.522	1.397.833.607
	194.961.303.611	231.904.167.681

25. TỔNG CHI BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM

	Đơn vị: VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Tổng chi bồi thường gốc và bồi thường nhận tái	2.162.643.984.357	2.143.825.390.552
- Chi bồi thường bảo hiểm gốc (Thuyết minh số 25.1)	1.842.081.007.778	1.766.011.602.971
- Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm (Thuyết minh số 25.2)	320.562.976.579	377.813.787.581
Các khoản thu giảm chi (thu đòi người thứ ba bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)	(6.564.772.756)	(16.006.545.978)
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(582.042.622.478)	(713.001.789.524)
Giảm dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(381.828.453.237)	(812.422.959.787)
Giảm dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	377.353.419.499	634.171.807.124
	1.669.561.555.385	1.236.565.902.389

25.1 Chi bồi thường bảo hiểm gốc

Loại hình bảo hiểm	Đơn vị: VND	
	Năm nay	Năm trước
Bảo hiểm Cháy nổ	379.554.533.045	688.349.668.449
Bảo hiểm Sức khỏe	706.517.386.606	468.282.658.097
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển	50.972.948.772	62.717.419.844
Bảo hiểm Hàng không	511.001.265	215.826.998
Bảo hiểm Kỹ thuật	23.292.578.550	39.262.627.593
Bảo hiểm Nông nghiệp	2.120.000	21.200.000
Bảo hiểm Tàu	77.074.846.621	55.097.411.440
Bảo hiểm Thiệt hại kinh doanh	150.017.056.568	-
Bảo hiểm Tín dụng	35.634.857.652	46.500.275.594
Bảo hiểm Trách nhiệm	4.114.455.335	3.348.869.196
Bảo hiểm Xe cơ giới	414.389.223.364	402.215.855.761
	1.842.081.007.778	1.766.011.602.971



Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNPNT

25. TỔNG CHI BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM (tiếp theo)

25.2 Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm

Loại hình bảo hiểm	Đơn vị: VND	
	Năm nay	Năm trước
Bảo hiểm Cháy nổ	232.762.227.831	241.470.467.976
Bảo hiểm Sức khỏe	13.195.756.029	14.483.717.348
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển	12.752.476.951	16.928.351.252
Bảo hiểm Hàng không	28.518.073.275	43.264.878.963
Bảo hiểm Kỹ thuật	15.128.697.324	19.365.077.262
Bảo hiểm Nông nghiệp	766.974.715	2.981.776.215
Bảo hiểm Tàu	11.284.992.905	25.211.940.576
Bảo hiểm Trách nhiệm	6.035.556.062	13.860.369.297
Bảo hiểm Xe cơ giới	118.221.487	247.208.692
	320.662.976.579	377.813.787.581

25.3 Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm

Loại hình bảo hiểm	Đơn vị: VND	
	Năm nay	Năm trước
Bảo hiểm Cháy nổ	356.053.800.838	642.423.948.533
Bảo hiểm Sức khỏe	5.067.249.834	22.829.674
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển	11.405.555.816	28.407.398.993
Bảo hiểm Hàng không	500.363.603	202.254.675
Bảo hiểm Kỹ thuật	14.393.445.577	29.212.302.659
Bảo hiểm Tàu	44.198.301.010	13.015.351.090
Bảo hiểm Thiệt hại kinh doanh	144.018.743.270	-
Bảo hiểm Tín dụng	5.777.980.163	(933.338.672)
Bảo hiểm Trách nhiệm	625.838.267	628.672.509
Bảo hiểm Xe cơ giới	1.344.000	22.370.063
	582.042.622.478	713.001.789.524



Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNPNT

26. CHI PHÍ KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

	Đơn vị: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi hoa hồng bảo hiểm	815.365.941.142	796.562.080.688
Chi phí khai thác	939.247.878.137	951.375.487.713
Chi phí nhân viên quản lý	468.334.551.583	479.993.480.796
Chi hội nghị, giao dịch, quảng cáo	376.798.901.859	366.001.131.028
Chi đào tạo, hỗ trợ đại lý	186.708.325.422	256.575.824.609
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.852.368.660	37.197.987.930
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(3.483.874.808)	(18.218.987.118)
Chi đề phòng, hạn chế tổn thất	18.956.989.812	20.516.600.121
Chi phí văn phòng	17.066.689.754	16.938.649.345
Chi tài trợ học sinh theo định mức	19.041.099.733	20.085.686.175
Chi phí khấu hao TSCĐ	10.131.562.568	9.860.540.070
Các khoản thuế, phí, lệ phí	12.333.346.850	10.087.156.208
Chi đánh giá rủi ro đối tượng được bảo hiểm	416.833.255	427.054.083
Chi khác hoạt động KDBH	7.303.747.163	6.724.431.579
	2.908.072.361.132	2.954.126.923.427

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Đơn vị: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	231.047.165.078	171.072.434.458
Cổ tức, lợi nhuận được chia	140.895.038.282	91.508.181.597
Lãi chênh lệch tỷ giá	27.464.154.318	23.364.445.974
Thu lãi đầu tư trái phiếu	9.053.337.425	10.288.930.626
Lãi đầu tư chứng khoán	1.907.472.177	13.418.092.153
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.729.229.084	1.427.064.003
	412.096.396.364	311.079.148.811

28. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Đơn vị: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí được phân bổ từ chi quản lý doanh nghiệp	105.123.812.756	70.404.823.671
Lỗ chênh lệch tỷ giá	27.335.187.655	27.541.740.371
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá đầu tư	(1.409.198.324)	26.954.844.864
Lỗ từ hoạt động mua bán chứng khoán	1.506.883	-
Chi phí tài chính khác	883.597.579	636.660.163
	131.934.906.549	126.537.868.869



Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNPNT

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Đơn vị: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	93.423.526.290	79.176.745.066
Chi phí nguyên liệu vật liệu	5.950.794.415	2.970.285.605
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.616.595.955	4.334.245.306
Thuế và chi phí, lệ phí	327.879.832	338.054.839
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.543.933.126	23.456.456.508
Chi phí hội nghị, giao dịch	29.424.450.602	22.976.875.787
Chi phí khác	6.534.281.168	5.369.768.469
	174.821.461.388	138.622.431.580

30. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Đơn vị: VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu từ thanh lý tài sản	308.654.453	22.094.274
Thu khác	6.720.192.292	7.183.394.457
	7.028.846.745	7.205.488.731
Chi thanh lý tài sản	(12.546.015)	-
Chi khác	(1.433.926.935)	(4.180.907.468)
	(1.446.472.950)	(4.180.907.468)
	5.582.373.795	3.024.581.263

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Năm 2023, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp ("thuế TNDN") với thuế suất bằng 20% lợi nhuận thu được (Năm 2022: 20%).

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.



Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNPNT

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Đơn vị: VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	45.697.535.756	44.301.464.565
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	906.449.645
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	1.536.818.490	4.408.670.137
Chi phí thuế TNDN	47.234.354.246	49.616.584.347

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp:

CHỈ TIÊU	Đơn vị: VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	376.227.239.017	331.475.076.524
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	75.245.447.803	66.295.015.304
Các khoản điều chỉnh tăng		
Chi phí không được khấu trừ thuế	167.914.100	225.303.405
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	491.452.312
Các khoản tiền phạt	-	906.449.645
Các khoản điều chỉnh giảm		
Cổ lực được miễn thuế thu nhập	(28.179.007.657)	(18.301.636.319)
Chi phí thuế TNDN	47.234.354.246	49.616.584.347

31.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Tổng Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNPNT

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.3 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tổng Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	Đơn vị: VND			
	Bảng cân đối kế toán tổng hợp		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	17.658.384.914	19.195.203.404		
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi chưa đủ điều kiện trích lập theo quy định	17.658.384.914	19.195.203.404	(1.536.818.490)	(4.408.670.137)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ròng	17.658.384.914	19.195.203.404		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh tổng hợp			(1.536.818.490)	(4.408.670.137)

32. CÁC CAM KẾT VÀ NGHĨA VỤ KHÁC

Các cam kết thuế hoạt động

Tổng Công ty hiện đang thuê các văn phòng làm việc theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản tiền thuế phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	7.390.503.127	9.101.596.520
Từ 1 đến 5 năm	7.612.495.378	13.498.775.846
Trên 5 năm	120.000.000	234.000.000
	15.122.998.505	22.834.372.366

33. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

	Đơn vị: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	873.087,90	272.432,90
- Euro (EUR)	21.439,77	247,94
- Đô la Singapore (SGD)	266,95	289,06
- Yên Nhật (JPY)	-	41,00



Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNPNT

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước	Cổ đông Nhà nước
AXA.SA – Pháp	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Firstland	Cổ đông lớn
Cán bộ nhân viên Bảo Minh và cổ đông khác	Cổ đông
Công ty Bảo hiểm Liên Hiệp	Công ty liên doanh
Tổng công ty CP Tái bảo hiểm Quốc Gia Việt Nam (Vinare)	Tổng Công ty là cổ đông lớn

Những giao dịch trọng yếu của Tổng Công ty với các bên có liên quan trong năm như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Nội dung giao dịch</u>	<u>Đơn vị: VND</u>	
		<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
AXA.SA – Pháp	Phí nhượng tái bảo hiểm	75.626.679.787	78.520.829.676
	Hoa hồng nhượng tái	5.333.241.534	5.681.550.347
	Thu bồi thường nhượng tái	599.953.624	345.175.594.721
	Trả cổ tức bằng tiền	9.125.820.000	27.377.460.000
	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	18.268.300.000	-
Công ty Bảo hiểm Liên hiệp	Phí nhận tái bảo hiểm	102.797.480.016	122.014.057.276
	Hoa hồng nhận tái bảo hiểm	38.123.441.190	46.683.334.874
	Chi phí bồi thường, giám định nhận tái	50.030.131.573	95.212.476.741
	Bảo hiểm sức khỏe tự nguyện	1.044.447.136	1.006.737.234
	Nhận cổ tức	129.275.348.782	76.710.771.497
Vinare	Phí nhượng tái bảo hiểm	19.382.958.387	11.290.839.072
	Hoa hồng nhượng tái	1.261.805.415	677.154.505
	Phí nhận tái bảo hiểm	55.352.579.642	82.706.274.674
	Hoa hồng nhận tái bảo hiểm	13.318.448.091	21.605.766.583
	Thu bồi thường nhượng tái	914.139.855	9.009.458.023
	Chi phí bồi thường, giám định nhận tái	37.271.786.821	105.007.699.589
	Nhận cổ tức	9.691.636.000	12.599.126.800



Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNPNT

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả các bên có liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tài khoản/Nội dung giao dịch</u>	<u>Đơn vị: VND</u>	
		<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
AXA.SA – Pháp	Phải thu bồi thường nhượng tái	7.035.680.012	8.655.030.272
	Phải trả phí nhượng tái	(5.556.794.836)	(75.195.537.726)
Công ty Bảo hiểm Liên hiệp	Phải thu phí nhận tái	11.638.676.222	7.410.105.394
	Phải trả bồi thường nhận tái	(12.916.004.494)	(8.795.626.422)
	Phải thu cổ tức	96.900.000.000	-
Vinare	Phải thu bồi thường nhượng tái	3.812.150.453	52.756.378.889
	Phải trả phí nhượng tái	(26.643.130.622)	(49.109.431.589)
	Phải thu phí nhận tái	37.772.046.755	55.987.215.509
	Phải trả bồi thường nhận tái	(13.627.861.419)	(56.098.764.721)



Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNPNT

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản lương, thưởng, thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, và Ban Kiểm soát như sau:

Tên	Chức vụ	Đơn vị: VND	
		Năm nay	Năm trước
Đình Việt Tung	Chủ tịch HĐQT	203.657.624	227.991.042
Vũ Anh Tuấn	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	1.245.063.624	1.398.469.417
Ivan Tam Kwok Wing	Thành viên HĐQT	193.657.624	232.117.974
Bùi Thị Thu Thanh	Thành viên HĐQT	193.657.624	232.117.974
Lê Việt Thành	Thành viên HĐQT	193.657.624	232.117.974
Cellard Stumpf Céline	Thành viên HĐQT	193.657.624	232.117.974
Trần Văn Tá	Thành viên HĐQT	276.000.000	403.000.000
Lê Minh Tuyền	Phụ trách Ban kiểm soát	193.657.624	232.117.974
Nicolas De Nazelle	Thành viên Ban kiểm soát	160.126.099	191.274.379
Phan Thị Hồng Phương	Thành viên Ban kiểm soát	160.126.099	191.274.379
Jonathan Yau Chun Hung	Thành viên Ban kiểm soát	160.126.099	191.274.379
Phạm Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc thường trực	1.015.619.000	1.122.878.271
Nguyễn Thế Năng	Phó Tổng Giám đốc	458.341.217	1.170.153.576
Châu Quang Linh	Phó Tổng Giám đốc	838.285.000	936.041.154
Nguyễn Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc	990.266.946	-
Vũ Hải Lâm	Phó Tổng Giám đốc	673.500.222	-
Nguyễn Thành Nam	Phó Tổng Giám đốc	206.180.000	-
Sái Văn Hùng	Kế toán trưởng	780.074.000	873.583.556



Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNPNT

35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Đơn vị: VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	328.992.884.771	281.858.492.177
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(40.301.032.938)	(40.021.403.211)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	288.691.851.833	241.837.088.966
Bình quân giá quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	111.786.238	109.623.985
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.583	2.206

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2023 được điều chỉnh giảm cho khoản dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2023 theo kế hoạch được phê duyệt trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 0001/2023-BM/ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 04 năm 2023. Số liệu cuối cùng của số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay sẽ được phê duyệt bởi Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024.

36. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO

36.1 Khung quản trị rủi ro

Mục đích chính của cơ chế quản trị rủi ro và quản lý tài chính của Tổng Công ty là nhằm đạt được các mục tiêu tài chính một cách ổn định. Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc nhận thấy tầm quan trọng của một hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả.

Đối tượng của hoạt động quản lý rủi ro ("QLRR") tại Tổng Công ty là các sự kiện rủi ro. Sự kiện rủi ro là những sự kiện có thể xảy ra và gây tác động tiêu cực, cả trực tiếp, gián tiếp về tài chính, thương hiệu... và cản trở Tổng Công ty thực hiện thành công các mục tiêu đề ra.

Đối với Tổng Công ty, các sự kiện rủi ro có thể được phân thành hai nhóm, nhóm các sự kiện rủi ro bảo hiểm và nhóm các sự kiện rủi ro tài chính. Nhóm các sự kiện rủi ro bảo hiểm phát sinh khi Tổng Công ty kí kết hợp đồng bảo hiểm nhận chuyển giao rủi ro từ người tham gia bảo hiểm và từ công ty bảo hiểm khác. Nhóm các sự kiện rủi ro tài chính bao gồm các sự kiện rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản. Rủi ro tài chính đối với Tổng Công ty phát sinh từ các cam kết thanh toán của khách hàng, nhà nhận tái bảo hiểm; từ các tổ chức nhận đầu tư, môi trường đầu tư cũng như từ chính diễn biến của nhóm các sự kiện rủi ro bảo hiểm.

Hoạt động QLRR tại Tổng Công ty được thực hiện thông qua quá trình nhận diện, phân loại sự kiện rủi ro; đánh giá nguyên nhân, khả năng xảy ra sự kiện rủi ro; đánh giá quy mô và mức độ nghiêm trọng của các tác động mà các sự kiện rủi ro có thể gây ra; đề ra các giải pháp phù hợp cho từng sự kiện hoặc loại sự kiện rủi ro với các ngưỡng rủi ro mà Tổng Công ty sẵn sàng chấp nhận.

Hiện tại, Tổng Công ty đang tiếp tục tiến hành triển khai kết quả ban đầu của dự án. Ban điều hành chủ trương hoàn thiện khung quản trị rủi ro theo lộ trình đã được xác định nhằm nâng cao ý thức về quản trị rủi ro đối với tất cả các cấp lãnh đạo, các cán bộ nhân viên tại các phòng, ban, các đơn vị thành viên, làm cho quản trị rủi ro trở thành văn hóa trên toàn Tổng Công ty.



Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNPNT

36. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

36.2 Mục tiêu quản lý rủi ro, các chính sách và quy trình quản lý rủi ro bảo hiểm

Hoạt động bảo hiểm chính thực hiện bởi Tổng Công ty là xây dựng các giả định về rủi ro tổn thất liên quan đến cá nhân hoặc tổ chức là đối tượng liên quan trực tiếp đến rủi ro đó. Các rủi ro đề cập có thể liên quan đến tài sản, trách nhiệm, tai nạn, sức khỏe, rủi ro tài chính hoặc rủi ro khác có thể phát sinh từ các sự kiện được bảo hiểm. Theo đó Tổng Công ty chịu các rủi ro bồi thường chưa xác định rõ về thời điểm cũng như mức độ. Tổng Công ty cũng chịu các rủi ro thị trường thông qua hoạt động bảo hiểm và đầu tư.

Tổng Công ty quản lý rủi ro bảo hiểm của mình bằng hạn mức khai thác bảo hiểm, các quy trình thủ tục phê duyệt cho các giao dịch có liên quan đến sản phẩm mới hoặc các giao dịch vượt quá hạn mức, đa dạng hóa rủi ro, đưa ra nguyên tắc định giá, tái bảo hiểm và giám sát các vấn đề nảy sinh.

36.3 Quản lý vốn và yêu cầu theo luật định

Mục tiêu đầu tiên của Tổng Công ty trong việc quản lý vốn là luôn luôn đảm bảo yêu cầu về vốn pháp định để thực hiện đầy đủ hoạt động kinh doanh bảo hiểm, đầu tư tài chính và các hoạt động phụ trợ; đạt được và duy trì nguồn vốn đủ mạnh để hỗ trợ tốt nhất cho các hoạt động kinh doanh. Trong quá trình thực hiện mục tiêu của mình Tổng Công ty nhận thức được những tác động đến sự cân bằng giữa tỷ suất lợi nhuận trên vốn góp của nhà đầu tư với an toàn thanh khoản của doanh nghiệp nên luôn thận trọng trong các chính sách điều chỉnh và quản lý vốn.

Quy định bắt buộc về vốn liên quan đến hoạt động bảo hiểm yêu cầu Tổng Công ty phải nắm giữ đủ tài sản để thực hiện các nghĩa vụ tài chính và thỏa mãn yêu cầu về biên khả năng thanh toán theo quy định trong Thông tư 67 của Bộ Tài chính. Các quy định này thể hiện vai trò bảo vệ quyền lợi của người mua bảo hiểm đồng thời mang tính định hướng, giám sát doanh nghiệp bảo hiểm trong việc duy trì trạng thái thanh khoản phù hợp để có thể đối phó với những tình huống ngoài dự báo như thảm họa tự nhiên hoặc suy thoái kinh tế kéo dài.

Bảng dưới đây trình bày biên khả năng thanh toán tối thiểu và biên khả năng thanh toán ở Tổng Công ty:

	Biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty (triệu VND)	Biên khả năng thanh toán tối thiểu (triệu VND)	Tỷ lệ biên khả năng thanh toán
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.469.134	1.139.646	128,9%
Ngày 31 tháng 12 năm 2022 (Trình bày lại)	1.305.522	1.132.356	115,3%

Tỷ lệ biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty là một chỉ số về khả năng thanh toán chung đối với các hoạt động bảo hiểm có liên quan, được tính dựa trên những quy định tương ứng được ban hành bởi Bộ Tài chính Việt Nam.

36.4 Chiến lược kinh doanh bảo hiểm

Chiến lược kinh doanh bảo hiểm của Tổng Công ty với mục tiêu đa dạng hóa nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa các hoạt động kinh doanh và được dựa trên một danh mục lớn với những rủi ro tương tự trong một số năm, và như vậy, làm giảm sự biến động của kết quả kinh doanh.



Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNPNT

36. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

36.5 Chiến lược kinh doanh tái bảo hiểm

Tổng Công ty tái bảo hiểm một phần các rủi ro bảo hiểm để kiểm soát khả năng lỗ và bảo đảm an toàn vốn, thông qua hợp đồng tái bảo hiểm cố định và tạm thời. Các hợp đồng tái bảo hiểm chuyển giao một phần rủi ro và giới hạn rủi ro đối với từng hợp đồng bảo hiểm. Mức độ rủi ro giữ lại phụ thuộc vào đánh giá của Tổng Công ty đối với mỗi loại rủi ro cụ thể, phụ thuộc vào từng hoàn cảnh nhất định, nhằm tối đa hóa mức rủi ro chấp nhận được dựa trên phân tích từng đặc tính rủi ro. Theo các điều khoản của hợp đồng tái bảo hiểm, công ty nhận tái bảo hiểm đồng ý bởi hoàn số tiền thuộc trách nhiệm trong trường hợp có tổn thất bảo hiểm. Tuy nhiên, Tổng Công ty vẫn phải có trách nhiệm đối với chủ hợp đồng cho phần thuộc trách nhiệm công ty nhận tái nếu nhà tái bảo hiểm không thể thanh toán cho phần nghĩa vụ của họ.

Các hợp đồng tái bảo hiểm chưa đựng rủi ro xếp hạng tín nhiệm, để giảm thiểu rủi ro, chỉ những công ty nhận tái bảo hiểm đạt tiêu chuẩn đánh giá tín nhiệm của Tổng Công ty theo các đánh giá công khai của các công ty chuyên về xếp hạng tín nhiệm, hoặc do đánh giá nội bộ, mới được phép tiến hành giao dịch.

36.6. Quản lý rủi ro bảo hiểm và các rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu chịu sự tác động của các loại rủi ro sau:

- ▶ Rủi ro bảo hiểm;
- ▶ Các rủi ro khác bao gồm rủi ro gian lận, rủi ro tài chính, rủi ro thanh khoản, rủi ro tín dụng, rủi ro tuân thủ, và rủi ro thị trường.

Rủi ro bảo hiểm

Để đạt mục tiêu mà hoạt động quản lý rủi ro bảo hiểm đặt ra, Tổng Công ty đã thiết lập và áp dụng các quy trình đánh giá rủi ro trước khi chấp nhận bảo hiểm, quy trình chuyển giao rủi ro bảo hiểm (tái bảo hiểm), quy trình giám định tổn thất và quy trình giải quyết bồi thường.

Đối với hoạt động khai thác bảo hiểm, ngoài việc chủ động đa dạng hóa loại hình rủi ro bảo hiểm hướng về khách hàng cá nhân và qua kênh bán lẻ. Tổng Công ty cũng áp dụng các tiêu chí lựa chọn rủi ro, cụ thể là không chấp nhận bảo hiểm đối với các rủi ro bảo hiểm có khả năng xảy ra cao hoặc có nguy cơ bị trục lợi cao. Tổng Công ty cũng tăng cường đánh giá rủi ro tích tụ và đưa ra các quy định về chấp nhận bảo hiểm đối với các nghiệp vụ khác nhau, các địa phương khác nhau để phân tán rủi ro, tránh tích tụ rủi ro ở cấp độ toàn Tổng Công ty.

Đối với các rủi ro được chấp nhận bảo hiểm, năm 2023, Tổng Công ty đã xác định lại tỉ lệ phí bảo hiểm áp dụng với từng nhóm rủi ro dựa trên kinh nghiệm tổn thất và dự báo, xu thế của rủi ro, lạm phát, mức độ cạnh tranh, các quy định của pháp luật. Đối với các nhóm rủi ro có tỉ lệ tổn thất và chi phí gia tăng, Tổng Công ty chỉ chấp nhận bảo hiểm nếu người tham gia bảo hiểm chấp nhận tăng phí bảo hiểm tương ứng hoặc giới hạn phạm vi bảo hiểm, tăng mức miễn thường. Đối với các nhóm rủi ro có tỉ lệ tổn thất vẫn đảm bảo lợi nhuận bảo hiểm, Tổng Công ty chủ trương tăng tỷ trọng chấp nhận bảo hiểm để gia tăng thị phần, gia tăng dòng tiền vào để sinh lợi ở hoạt động đầu tư tài chính. Bên cạnh đó, Tổng Công ty cũng áp dụng triệt để các giải pháp chuyển giao rủi ro để chia sẻ rủi ro với các công ty bảo hiểm khác và với chính người tham gia bảo hiểm như đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm, áp dụng miễn thường.

Việc giám định tổn thất và giải quyết bồi thường đã được thực hiện theo 2 cấp. Những vụ tổn thất lớn, có tính chất phức tạp đều đã được xử lý và bồi thường tập trung tại Tổng công ty. Những vụ tổn thất nhỏ mà các đơn vị thành viên đã có kinh nghiệm tiếp nhận và giải quyết được xử lý tại các công ty thành viên. Tổng Công ty cũng chủ trương đẩy nhanh tốc độ xử lý khiếu nại và giải quyết bồi thường để tránh các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình giám định và bồi thường như rủi ro tỉ giá tăng, lạm phát, tổn thất gia tăng, các rủi ro đạo đức....



Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNPNT

36. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

36.6. Quản lý rủi ro bảo hiểm và các rủi ro khác (tiếp theo)

Các rủi ro khác

Ngoài rủi ro bảo hiểm, các rủi ro khác mà Tổng Công ty phải đối mặt bao gồm các rủi ro về gian lận, rủi ro tài chính, rủi ro thanh khoản, rủi ro tín dụng, rủi ro tuân thủ, và rủi ro thị trường.

Các rủi ro khác hiện đang được Tổng Công ty quản lý như sau:

Rủi ro tín dụng

Tổng Công ty đối mặt với rủi ro tín dụng từ hoạt động bảo hiểm và hoạt động đầu tư.

Rủi ro tín dụng bảo hiểm

Mặc dù điều kiện, điều khoản hợp đồng bảo hiểm luôn quy định nghĩa vụ và thời hạn đóng phí bảo hiểm của người tham gia bảo hiểm nhưng trên thực tế, tình trạng người tham gia bảo hiểm không thực hiện được đầy đủ và đúng hạn việc đóng phí bảo hiểm là không tránh khỏi. Để hạn chế tình trạng này, Tổng Công ty đã ban hành và yêu cầu các bên, các bộ phận liên quan tuân thủ chặt chẽ quy trình đóng phí, gia hạn đóng phí bảo hiểm. Theo đó, phân cấp cho các công ty thành viên được gia hạn đóng phí khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của Thông tư 67. Những người tham gia bảo hiểm bị đánh giá tín dụng thấp, không có khả năng đóng phí sẽ bị chấm dứt hiệu lực hợp đồng và tiếp tục theo dõi công nợ để làm các thủ tục đòi hoặc xóa nợ sau này. Đối với các khoản phí bảo hiểm không đóng đúng thời hạn, Tổng Công ty theo dõi, phân loại tuổi nợ để trích lập dự phòng như quy định của nhà nước cũng như làm thủ tục xóa nợ nếu có đầy đủ cơ sở.

Trong các hợp đồng nhượng tái bảo hiểm, sau khi phân bổ trách nhiệm cho các nhà nhận tái bảo hiểm, Tổng Công ty cũng phải đối mặt với rủi ro tín dụng khi các nhà nhận tái bảo hiểm này không thanh toán được phần trách nhiệm của họ cho Tổng Công ty. Tổng Công ty đã rất chú trọng việc kiểm soát rủi ro này khi chỉ nhượng tái bảo hiểm cho các nhà bảo hiểm được xếp hạng tín dụng cao bởi các tổ chức xếp hạng hàng đầu thế giới. Đối với các nhà nhận tái bảo hiểm trong nước không được xếp hạng tín dụng, Tổng Công ty cũng có những đánh giá riêng và theo dõi chặt chẽ diễn biến khả năng tài chính của họ.

Rủi ro tín dụng đầu tư

Ngoài việc tuân thủ các quy định về đầu tư của nhà nước đối với hoạt động đầu tư vốn nhân rồi của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, Tổng Công ty cũng xây dựng quy trình và các quy định đối với hoạt động đầu tư tài chính để hạn chế tối đa rủi ro tín dụng. Danh mục đầu tư của Tổng Công ty tập trung chủ yếu vào tài sản đầu tư kỳ hạn cố định có tính thanh khoản cao như tiền gửi ngân hàng, trái phiếu chính phủ.

Trong thời gian tới, Tổng Công ty sẽ tiếp tục chủ trương đầu tư vào tiền gửi tại các ngân hàng được đánh giá tín dụng tốt, trái phiếu chính phủ để hạn chế rủi ro tín dụng, đồng thời qua đó bảo toàn vốn, đảm bảo thanh khoản. Đây cũng là các công cụ đầu tư có lãi suất ổn định và có sẵn các khoản mục thời hạn dài, phù hợp với xu thế giảm lãi suất của thị trường.



Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNPNT

36. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

36.6. Quản lý rủi ro bảo hiểm và các rủi ro khác (tiếp theo)

Các rủi ro khác (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty phát sinh theo 2 trường hợp sau: Tổng nguồn thanh toán của Tổng Công ty không đáp ứng được tổng yêu cầu thanh toán phát sinh; nguồn thanh toán tại một thời điểm không đáp ứng khi yêu cầu thanh toán phát sinh. Đối với Tổng Công ty, các yêu cầu thanh toán bồi thường có thể làm phát sinh rủi ro thanh khoản trong khi các yêu cầu thanh toán khác Tổng Công ty có thể chủ động quyết định thực hiện và dự trữ nguồn thanh khoản. Rủi ro mất khả năng thanh toán tức thời đối với Tổng Công ty không cao bởi lẽ với kinh nghiệm nhiều năm kinh doanh trong lĩnh vực bảo hiểm, Tổng Công ty duy trì được tình hình kinh doanh ổn định và áp dụng đầy đủ, thận trọng các biện pháp chuyển giao, phân tán rủi ro.

Tổng Công ty đặt mục tiêu tận dụng tối đa nguồn vốn nhân rồi để sinh lợi trong điều kiện đảm bảo được tính thanh khoản, đáp ứng được yêu cầu thanh toán thường xuyên về bồi thường. Tổng Công ty cũng chủ trương giảm đến mức tối thiểu rủi ro tín dụng để tránh rủi ro mất nguồn vốn, đảm bảo tính chủ động cao nhất về nguồn tiền thanh toán, qua đó giảm rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã thực hiện trích lập thận trọng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm. Các quỹ dự phòng cũng được yêu cầu đầu tư tỉ trọng lớn vào danh mục có tính thanh khoản cao, thời hạn phù hợp với thời hạn của yêu cầu thanh toán bồi thường để tránh rủi ro mất khả năng thanh toán tức thời.



Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNPNT

36. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

36.6. Quản lý rủi ro bảo hiểm và các rủi ro khác (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng sau đây tóm tắt thời gian đáo hạn của các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng của các tài sản tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu vào cuối năm:

	Quá hạn	Không kỳ hạn xác định	Đến 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Đơn vị: VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2023					
Tài sản Tài chính					
Đầu tư kỳ hạn cố định	255.618.012.805	-	3.231.000.000.000	61.000.000.000	3.547.618.012.805
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	77.172.887.595	-	50.000.000.000	50.000.000.000	177.172.887.595
- Cho vay và phải thu - Hợp đồng tiền gửi	178.445.125.210	-	3.181.000.000.000	11.000.000.000	3.370.445.125.210
Đầu tư vốn	-	314.382.926.165	-	-	314.382.926.165
- Chứng khoán kinh doanh	-	111.417.626.165	-	-	111.417.626.165
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	145.350.000.000	-	-	145.350.000.000
- Đầu tư dài hạn khác	-	57.615.300.000	-	-	57.615.300.000
Các khoản phải thu	101.800.185.922	-	2.036.566.139.196	219.194.248.007	2.357.590.573.125
- Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	101.800.185.922	-	524.825.118.263	219.194.248.007	845.819.552.192
- Trả trước cho người bán ngắn hạn	-	-	3.477.669.175	-	3.477.669.175
- Phải thu ngắn hạn khác	-	-	398.266.444.120	-	398.266.444.120
- Tài sản tái bảo hiểm	-	-	1.110.026.907.638	-	1.110.026.907.638
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	181.629.382.582	-	-	181.629.382.582
	357.418.198.727	496.012.308.747	6.267.596.139.196	280.194.248.007	6.401.220.894.677

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNPNT

36. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

36.6. Quản lý rủi ro bảo hiểm và các rủi ro khác (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng sau đây tóm tắt thời gian đáo hạn của các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng của các tài sản tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu vào cuối năm:

	Quá hạn	Không kỳ hạn xác định	Đến 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Đơn vị: VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2022					
Tài sản Tài chính					
Đầu tư kỳ hạn cố định	255.618.012.805	-	3.227.000.000.000	52.001.000.000	3.534.619.012.805
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	77.172.887.595	-	50.000.000.000	51.701.000.000	178.873.887.595
- Cho vay và phải thu - Hợp đồng tiền gửi	178.445.125.210	-	3.177.000.000.000	300.000.000	3.355.745.125.210
Đầu tư vốn	-	301.500.954.971	-	-	301.500.954.971
- Chứng khoán kinh doanh	-	98.535.654.971	-	-	98.535.654.971
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	145.350.000.000	-	-	145.350.000.000
- Đầu tư dài hạn khác	-	57.615.300.000	-	-	57.615.300.000
Các khoản phải thu	105.813.433.524	-	2.112.546.563.359	271.848.028.300	2.490.008.025.183
- Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	105.813.433.524	-	395.580.473.092	271.648.028.300	773.041.934.916
- Trả trước cho người bán ngắn hạn	-	-	4.069.611.910	-	4.069.611.910
- Phải thu ngắn hạn khác	-	-	273.963.911.368	-	273.963.911.368
- Tài sản tái bảo hiểm	-	-	1.438.932.566.989	-	1.438.932.566.989
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	168.725.034.414	-	-	168.725.034.414
	361.431.446.329	470.225.989.385	5.339.546.563.359	323.649.028.300	6.494.853.027.373





Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNPNT

36. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

36.6. Quản lý rủi ro bảo hiểm và các rủi ro khác (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng sau đây tóm tắt thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các khoản nợ tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu vào cuối năm:

	Đơn vị: VND	Đến		Tổng cộng
		Quá hạn	1 năm	
Ngày 31 tháng 12 năm 2023				
Nợ phải trả Tài chính				
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm		-	821.840.071.231	821.840.071.231
Dự phòng nghiệp vụ		-	2.997.713.454.745	3.041.028.454.240
Phải trả ngắn hạn khác		-	76.544.438.358	76.544.438.358
			3.896.097.964.334	3.939.412.963.829
Ngày 31 tháng 12 năm 2022				
(Trình bày lại)				
Nợ phải trả Tài chính				
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm		-	879.331.850.055	879.331.850.055
Dự phòng nghiệp vụ		-	3.238.378.607.560	3.355.738.747.028
Phải trả ngắn hạn khác		-	20.678.398.749	20.678.398.749
			4.138.388.856.364	4.255.748.995.832

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNPNT

36. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

36.6. Quản lý rủi ro bảo hiểm và các rủi ro khác (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác, như rủi ro về giá cổ phiếu. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các công cụ kỳ hạn cố định, vay và nợ, đầu tư vốn và các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có gốc ngoại tệ. Dưới tác động của các nhân tố thị trường như lãi suất, tỷ giá, giá cổ phiếu... giá trị danh mục đầu tư, giá trị danh mục nợ và dòng tiền trong tương lai của Tổng Công ty có thể bị ảnh hưởng theo chiều hướng tiêu cực. Đối với loại rủi ro này, Tổng Công ty không chủ động được đối với diễn biến và tác động. Giải pháp của Tổng Công ty là tìm cách tránh tối đa tác động hoặc tìm cách cân bằng các tác động trái chiều, chẳng hạn như đầu tư vào tiền gửi có kỳ hạn hoặc trái phiếu nhằm hạn chế các tác động của rủi ro lãi suất.

37. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cứng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm dưới đây theo Thông tư 210 chỉ áp dụng đối với việc lập Thuyết minh số 37 trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các khoản mục tài sản và nợ của Tổng Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định có liên quan.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Tổng Công ty theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính tổng hợp, thành một trong các loại sau:



Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNPNT

37. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tài sản tài chính (tiếp theo)

► **Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp:**

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - i. Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
 - ii. Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc;
 - iii. Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Sau ghi nhận ban đầu, các khoản tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

► **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:**

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

► **Các khoản cho vay và phải thu:**

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp;
- b) Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.



Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNPNT

37. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tài sản tài chính (tiếp theo)

► **Tài sản sẵn sàng để bán:**

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, và nợ và vay.

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính tổng hợp, được phân loại một cách phù hợp thành:

► **Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp**

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - i. Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
 - ii. Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc;
 - iii. Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Sau ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

► **Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ**

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán tổng hợp nếu, và chỉ nếu, Tổng Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.



Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNPNT

37. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		Đơn vị: VND	
	Số cuối năm		Số đầu năm			
	Nguyên giá	Dự phòng	Nguyên giá	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Đầu tư kỳ hạn cố định	3.547.618.012.806	(255.618.012.806)	3.534.619.012.806	(255.618.012.806)	3.292.000.000.000	3.279.001.000.000
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	177.172.887.595	(77.172.887.595)	178.873.887.595	(77.172.887.595)	100.000.000.000	101.701.000.000
- Cho vay và phải thu - Hợp đồng tiền gửi	3.370.445.125.210	(178.445.125.210)	3.355.745.125.210	(178.445.125.210)	3.192.000.000.000	3.177.300.000.000
Đầu tư vốn	314.382.926.165	(45.746.784.728)	301.500.954.971	(47.155.983.052)	268.636.141.437	254.344.971.919
- Chứng khoán kinh doanh	111.417.626.165	(42.396.894.089)	98.535.654.971	(44.295.607.588)	69.020.732.076	54.240.047.383
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	145.350.000.000	-	145.350.000.000	-	145.350.000.000	145.350.000.000
- Đầu tư dài hạn khác	57.615.300.000	(3.349.890.639)	57.615.300.000	(2.860.375.464)	54.265.409.361	54.754.924.536
Các khoản phải thu	2.357.590.573.125	(309.055.338.010)	2.490.008.025.183	(312.539.212.816)	2.048.535.235.115	2.177.468.812.367
- Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	845.819.552.192	(127.671.678.544)	773.041.934.916	(130.603.960.337)	718.147.873.648	642.437.974.579
- Trả trước cho người bán ngắn hạn	3.477.669.175	-	4.069.611.910	-	3.477.669.175	4.069.611.910
- Phải thu ngắn hạn khác	398.266.444.120	(181.383.659.466)	273.963.911.368	(181.935.252.479)	216.882.784.654	92.028.658.889
- Tài sản tài bảo hiểm	1.110.026.907.638	-	1.438.932.566.989	-	1.110.026.907.638	1.438.932.566.989
Tiền và các khoản tương đương tiền	181.629.382.582	-	168.725.034.414	-	181.629.382.582	168.725.034.414
	6.401.220.894.677	(610.420.135.543)	6.494.853.027.373	(615.313.208.673)	5.790.800.759.134	5.879.539.818.700

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNPNT

37. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		Đơn vị: VND
	Số cuối năm		Số đầu năm		
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	
Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ					
- Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	821.840.071.231	879.331.850.055	821.840.071.231	879.331.850.055	
- Dự phòng nghiệp vụ	3.041.028.454.240	3.355.738.747.028	3.041.028.454.240	3.355.738.747.028	
- Phải trả ngắn hạn khác	76.544.438.358	20.678.398.749	76.544.438.358	20.678.398.749	
	3.939.412.963.829	4.255.748.995.832	3.939.412.963.829	4.255.748.995.832	

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phân ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý. Tổng Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ▶ Giá trị hợp lý của các khoản phải thu/cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được Tổng Công ty đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, các rủi ro cụ thể trong quốc gia, uy tín của từng khách hàng và tình chất rủi ro của dự án được tài trợ. Trên cơ sở đánh giá này, Tổng Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự trình của các khoản phải thu này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- ▶ Với các khoản đầu tư vốn không có thị trường tích cực, giá trị hợp lý được xác định bằng các phương pháp định giá phù hợp.
- ▶ Đối với các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác, dự phòng được trích lập nếu tổ chức kinh tế mà doanh nghiệp đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Theo đó, dự phòng được tính bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty và vốn chủ sở hữu thực có của đơn vị được đầu tư nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty.
- ▶ Nếu giá trị hợp lý không thể xác định được, giá trị ghi sổ sẽ được thể hiện ở cột giá trị hợp lý.





Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNPNT

38. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1	Cơ cấu tài sản			
	Tài sản cố định/Tổng tài sản	%	4,05	4,08
	Tài sản lưu động/Tổng tài sản	%	88,99	89,35
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	Nợ phải trả/Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	%	62,27	65,74
	Vốn chủ sở hữu/Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	%	37,73	34,26
3	Khả năng thanh toán			
	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,04	0,04
	Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,43	1,36
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Tổng tài sản	%	5,23	4,60
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm, tái bảo hiểm	%	6,97	6,25
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn chủ sở hữu	%	13,22	11,88

39. DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Tổng Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố một số dữ liệu tương ứng trên báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 để sửa chữa sai sót liên quan đến số dư dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường (IBNR) tại ngày 31 tháng 12 năm 2022. Chi tiết như sau:

Trích từ Bảng cân đối kế toán tổng hợp

Đơn vị: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Số đầu năm (Trình bày trước đó)	Điều chỉnh	Số đầu năm (Trình bày lại)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ	4.816.731.719.342	9.010.900.874	4.625.742.620.215
310	I. Nợ ngắn hạn	4.816.890.758.992	9.010.900.874	4.624.601.659.866
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21.073.912.777	(2.252.725.219)	18.821.187.558
329	B. Dự phòng nghiệp vụ	3.344.475.120.935	11.263.626.093	3.355.738.747.028
329.2	B.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	1.259.856.297.105	11.263.626.093	1.271.121.923.198
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	2.420.149.383.818	(9.010.900.874)	2.411.138.482.944
410	I. Vốn chủ sở hữu	2.420.149.383.818	(9.010.900.874)	2.411.138.482.944
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	393.956.170.930	(9.010.900.874)	384.945.270.056

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNPNT

39. DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG (tiếp theo)

Trích từ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm trước (Trình bày trước đó)	Điều chỉnh	Năm trước (Trình bày lại)
13	B. Giảm dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	823.886.585.880	(11.263.626.093)	812.422.959.787
15	10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm	(1.225.302.276.298)	(11.263.626.093)	(1.236.565.902.389)
18	13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(4.224.723.429.331)	(11.263.626.093)	(4.236.987.056.424)
19	14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	285.671.184.781	(11.263.626.093)	274.407.558.688
30	22. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	339.714.121.354	(11.263.626.093)	328.450.495.261
50	26. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	342.738.702.617	(11.263.626.093)	331.475.076.524
51	27. Chi phí thuế TNDN hiện hành	(47.460.639.429)	2.252.725.219	(45.207.914.210)
60	29. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	290.869.393.051	(9.010.900.874)	281.858.492.177
70	30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.288	(82)	2.206

Trích từ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm trước (Trình bày trước đó)	Điều chỉnh	Năm trước (Trình bày lại)
01	Lợi nhuận trước thuế	342.738.702.617	(11.263.626.093)	331.475.076.524
03	Các khoản dự phòng	115.025.989.042	11.263.626.093	126.289.596.135

40. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN NĂM

Ngày 19 tháng 2 năm 2024, Tổng Công ty đã được Bộ Tài chính phê duyệt tăng vốn theo Giấy phép điều chỉnh số 27/GPĐC14/KDBH. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty là 1.205.854.080.000 VND.

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính tổng hợp ngoài các thông tin đã được thuyết minh trong báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm.

Ông Đoàn Tấn Phong
Người lập biểu

Ông Sái Văn Hưng
Kế toán trưởng

Ông Vũ Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2024



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH